

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

NGHỊ QUYẾT
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2018 - 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre;
- Biên bản họp đại hội cổ đông ngày 15/06/2018.

QUYẾT NGHỊ

Ngày 15/06/2018, tại Văn Phòng Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre (Số 12, đường số 1, ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre, tỉnh Bến Tre). Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2018 – 2022 được tổ chức với sự tham gia của 62 cổ đông sở hữu 3.394.610 cổ phần chiếm 83,84% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty.

Sau khi nghe nội dung các Báo cáo và các Tờ trình, Đại hội đã thảo luận và biểu quyết nhất trí thông qua nghị quyết với các nội dung như sau:

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo về kết quả SXKD năm 2017 và Kế hoạch SXKD năm 2018 của BGD công ty với các chỉ tiêu cơ bản sau đây:

1.1 Kết quả SXKD năm 2017:

- Tổng doanh thu: 212.594.865.307 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 6.391.349.418 đồng
- Lợi nhuận sau thuế: 5.112.019.338 đồng
- Cổ tức: 10,5%/ vốn điều lệ

1.2 Kế hoạch SXKD năm 2018

- Tổng doanh thu: 225.000.000.000 đồng
- Lợi nhuận trước thuế: 6.600.000.000 đồng
- Cổ tức: 11,5%/ vốn điều lệ

Phản biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 2: Thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của công ty.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.386.445 Cổ phần chiếm 99,76% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2013 - 2017 và Kế hoạch nhiệm kỳ 2018 – 2022 của Hội đồng quản trị công ty.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86.% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tổng kết hoạt động nhiệm kỳ 2013 - 2017 và Kế hoạch nhiệm kỳ 2018 – 2022 của Ban kiểm soát công ty.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.357.045 Cổ phần chiếm 98,89% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 12.565 Cổ phần chiếm 0,37% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 5: Thông qua Tờ trình thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2017; Kế hoạch thù lao Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2018 và mức lương Trưởng ban kiểm soát chuyên trách.

Phản biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.378.045 Cổ phần chiếm 99,51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 4.000 Cổ phần chiếm 0,12% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 12.565 Cổ phần chiếm 0,37% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 6: Thông qua Phương án phân phối lợi nhuận năm 2017 của công ty.

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	Đồng	212.594.865.307
2	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	1.279.330.080
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.391.349.418
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.112.019.338
5	Chi thù lao HĐQT, BKS (không điều hành)	Đồng	95.036.382
6	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	784.873.211
8	Tổng lợi nhuận còn lại phân phối	Đồng	4.232.109.745
9	Lợi nhuận giữ lại năm trước	Đồng	19.346.555
10	Cổ tức (10,5%VĐL)	Tr.đồng	4.251.456.300

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông công ty theo đúng quy định.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành : 3.389.145 Cổ phần chiếm 99,84% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 7: Thông qua việc Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty có trong danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 do UBCKNN công bố.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 8: Thông qua Tờ trình về việc bổ sung các ngành nghề kinh doanh của công ty, như sau:

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, mã ngành 7730
- Kinh doanh, khai thác, đầu tư xây dựng chợ, mã ngành 4710.

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không tán thành : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.*
- *Không có ý kiến : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.*

Nội dung 9: Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty (Điều lệ sửa đổi đính kèm).

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 10: Thông qua Quy chế quản trị công ty (Quy chế quản trị đính kèm).

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 11: Thông qua Danh sách ứng viên Thành viên HĐQT, Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022

STT	Họ tên ứng viên HĐQT	Họ và tên ứng viên BKS
1	Bà Mai Thị Thanh Thủy	1. Bà Đỗ Thị Kim Anh
2	Ông Phan Quốc Thông	2. Ông Huỳnh Hữu Phúc
3	Ông Nguyễn Thanh Huy	3. Bà Lê Thị Kim Nuông
4	Ông Lê Đình Nhiên	
5	Ông Nguyễn Văn Thạnh	
6	Phan Trọng Tài	

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Bầu cử thành viên HĐQT

STT	Họ tên ứng viên	Vị trí ứng cử	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Hội đồng quản trị	122,48%
2	Ông Phan Quốc Thông	Hội đồng quản trị	119,12%
3	Ông Nguyễn Thanh Huy	Hội đồng quản trị	109,40%
4	Ông Lê Đình Nhiên	Hội đồng quản trị	66,10%
5	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Hội đồng quản trị	36,67%

Bầu cử thành viên BKS

STT	Họ tên ứng viên	Vị trí ứng cử	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đỗ Thị Kim Anh	Ban kiểm soát	197,30%
2	Bà Lê Thị Kim Nướng	Ban kiểm soát	27,69%
3	Ông Huỳnh Hữu Phúc	Ban kiểm soát	69,75%

Vậy theo quy định về bầu dồn phiếu, các ứng viên nêu trên đã trúng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022.

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2018-2022 thống nhất 100% bầu 5/5 thành viên HĐQT không độc lập và tiếp tục tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập trình ĐHĐCĐ sau.

Nghị quyết được ĐHĐCĐ Công ty cổ phần vật liệu xây dựng Bến Tre thông qua toàn văn ngay tại cuộc họp. Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm thi hành nghị quyết này. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Nơi nhận:

- Cổ đông,
- HĐQT,
- Ban Tổng Giám Đốc,
- Thư ký công ty,
- UBCKNN, HNX, Website,
- Lưu

TM. ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG
CHỦ TỌA ĐẠI HỘI
CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN QUỐC THÔNG

Bến Tre, ngày 15 tháng 6 năm 2018

BIÊN BẢN
ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2018 - 2022
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, đường số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 1300108704 do Sở Kế hoạch & Đầu tư tỉnh Bến Tre cấp ngày 01/09/2004 thay đổi lần thứ 12 ngày 17/01/2014.

❖ THỜI GIAN VÀ ĐỊA ĐIỂM TỔ CHỨC:

Thời gian: 8 giờ 00, ngày 15 tháng 6 năm 2018

Địa điểm: Tại Trụ sở Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

PHẦN I: GIỚI THIỆU KHAI MẠC CUỘC HỌP

I. Khai mạc cuộc họp

Ông Nguyễn Thanh Huy – Ủy viên HĐQT thay mặt Ban tổ chức Đại hội tuyên bố lý do, giới thiệu Đại biểu và các thành phần tham dự Đại hội.

Đại biểu tham dự đại hội gồm có:

- Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.
- Ban kiểm soát Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.
- Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.
- Các cổ đông và người đại diện được ủy quyền.

II. Báo cáo kiểm tra tư cách cổ đông:

Người báo cáo: Ông Võ Bá Trắc - Chức vụ: Trưởng BKS - Trưởng Ban Kiểm tra tư cách cổ đông.

- Nội dung báo cáo:
 - Tổng số cổ đông mời tham dự: Toàn bộ cổ đông có tên trong danh sách cổ đông chốt đến ngày 30/03/2018, sở hữu 4.049.006 cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.
 - Tổng số cổ đông và người đại diện cổ đông tham dự Đại hội ngày hôm nay là 62 người, nắm giữ 3.394.610 Cổ phần của Công ty, chiếm tỷ lệ 83,84% tổng số cổ phần

có quyền biểu quyết của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre, lớn hơn 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của Công ty. Như vậy đã có đủ điều kiện tổ chức Đại hội.

- Tất cả các cổ đông và đại diện cổ đông đều đủ điều kiện tham dự kỳ họp Đại hội đồng cổ đông thường nhiệm kỳ 2018 - 2022.

III. Giới thiệu Chủ tịch đoàn, Thư ký đoàn và Ban Kiểm Phiếu

Chủ tịch đoàn:

- Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT – Chủ tịch đoàn
- Ông Nguyễn Thanh Huy – Ủy viên HĐQT
- Ông Lê Đình Nhiên – Ủy viên HĐQT
- Ông Phan Trọng Tài - Ủy viên HĐQT
- Bà Mai Thị Thanh Thủy - Ủy viên HĐQT

Thư ký:

- Bà Nguyễn Thị Kim Thi – Trưởng ban
- Bà Huỳnh Thị Huệ Thu – Thành viên

Ban kiểm phiếu & Ban thẩm tra tư cách cổ đông:

- Ông Võ Bá Trắc – Trưởng Ban
- Ông Nguyễn Xuân Bình – Thành viên
- Ông Tô Văn Chương – Thành viên

Đại hội nhất trí thông qua danh sách nhân sự đại hội.

IV. Thông qua quy chế làm việc của Đại hội

Ông Nguyễn Thanh Huy đọc quy chế làm việc của Đại hội và Đại hội đồng cổ đông thông qua 100% Quy chế này.

V. Giới thiệu Chương trình Đại hội

Ông Nguyễn Thanh Huy thông qua chương trình làm việc tại Đại hội.

Đại hội thông qua Chương trình Đại hội.

PHẦN II: NỘI DUNG ĐẠI HỘI

ĐẠI HỘI NGHE TRÌNH BÀY CÁC BÁO CÁO, TỜ TRÌNH

I. Báo cáo của Ban Giám đốc về kết quả SXKD năm 2017 và kế hoạch SXKD năm 2018

- *Người trình bày: Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty*

II. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2013 – 2017 và kế hoạch nhiệm kỳ 2018 - 2022 của Hội đồng quản trị công ty.

- *Người trình bày: Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT – Giám đốc công ty*

III. Báo cáo tổng kết nhiệm kỳ 2013 – 2017 và kế hoạch nhiệm kỳ 2018 - 2022 của Ban kiểm soát công ty.

- *Người trình bày: Ông Võ Bá Trắc – Trưởng ban kiểm soát*

IV. Trình bày các tờ trình xin ý kiến tại Đại hội

- Người trình bày: Ông Phan Quốc Thông – Chủ tịch HĐQT

- Tờ trình thông qua Kết quả SXKD và phân phối lợi nhuận năm 2017;
- Tờ trình thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017
- Tờ trình Kế hoạch sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2018;
- Tờ trình Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017; kế hoạch thù lao HĐQT, BKS năm 2018 và mức lương Trưởng BKS chuyên trách.
- Tờ trình Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018;
- Tờ trình Thông qua Sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị Công ty.
- Tờ trình Thông qua bổ sung ngành nghề kinh doanh của công ty.
- Tờ trình Bầu cử HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 - 2022

PHẦN III. Ý KIẾN CỦA CỔ ĐÔNG

Các cổ đông có ý kiến về những vấn đề sau:

1. Ý kiến của cổ đông Cao Toàn Thắng

Hoạt động khai thác cát của công ty: hiện nay, trên thị trường giá bán cát rất là cao, tuy nhiên, năm 2017 tôi thấy sản lượng cát có tăng, nhưng lợi nhuận vẫn còn thấp so với tình hình thị trường. Bên cạnh đó, chi phí tăng cao, nhưng giá bán thấp hơn so với năm 2016, vậy công ty có tăng giá bán hay không ?

Ông Phan Quốc Thông giải trình:

- Về giá bán:
 - Năm 2016: có 02 hình thức khai thác cát là: khách hàng tự bơm hút và cần gia công
 - Năm 2017: chỉ 01 hình thức khai thác là khách hàng tự bơm hútNên giá bán cát năm 2017 sẽ thấp hơn giá bán năm 2016
- Về chi phí tăng là do:
 - Nhà nước tăng giá tính thuế tài nguyên từ 15%/19.000 đồng/1m³ lên 15%/80.000 đồng/1m³
 - Phân bổ chi phí tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (6,007 tỷ đồng được phân bổ trong 03 năm 2016, 2017, 2018)

2. Ý kiến của cổ đông Cao Toàn Thắng

Dự án Khu tái định cư Phú Tân: Công ty có định hướng phân lô bán nền không ? Hiện nay, phân chia theo lô thì bao nhiêu % cho nền tái định cư, bao nhiêu % cho kinh doanh? Giá bán là bao nhiêu ? và khi đăng ký mua thì cần đóng tiền đặt cọc hay không ?

Ông Phan Quốc Thông giải trình:

- Tổng dự án là 220 nền, trong đó có 130 nền tái định cư, 90 nền kinh doanh tự do
- Giá bán nền tái định cư là do Ủy ban tỉnh quyết định, giá bán nền kinh doanh là do công ty quyết định theo giá thị trường.
- Công ty sẽ thu tiền đặt cọc khi khách hàng đăng ký mua

3. Ý kiến của cổ đông Võ Thiên Chương

- Công ty có nhiều dự án để thực hiện như:
 - + Bất động sản
 - + Xây dựng hạ tầng

+ Khai thác cát

Vậy công ty có nhu cầu tăng vốn hay không để tối ưu hóa tiềm năng ?

- Kế hoạch thoái vốn của Nhà nước năm nay như thế nào ? Nhà nước có hỗ trợ tăng vốn cho công ty hay không ?
- Trong thời gian tới, công ty có kế hoạch phát triển sang thị trường hoặc tỉnh khác hay không ?

Ông Phan Quốc Thông giải trình:

- Công ty cũng cần tăng vốn để phát triển kinh doanh, tuy nhiên phải lựa chọn thời điểm thích hợp, hiện nay thì chưa cần.
- Về việc thoái vốn của SCIC: đến thời điểm hiện nay thì SCIC đã thực hiện thoái vốn VXB 04 lần, và SCIC sẽ tiếp tục thoái vốn trong thời gian tiếp theo.
- Hiện nay thì công ty cũng đang có kế hoạch hợp tác, liên doanh, liên kết kinh doanh với các tỉnh lân cận.

4. Ý kiến của cổ đông Văn Kim Bình

- Tỷ lệ chi thù lao cho HĐQT và BKS công ty năm 2016, 2017 có bằng nhau hay không ?
- Trưởng ban kiểm soát chuyên trách có phải làm việc 8h/ngày hay không ? và mức lương 10tr đồng tháng mà HĐQT xin ý kiến tại đại hội này thì công việc và mức lương có đi đôi với nhau hay không ?

Ông Phan Quốc Thông giải trình:

- Tỷ lệ chi thù lao cho HĐQT và BKS công ty năm 2016, 2017 bằng nhau là 2,5% LNST
- Công việc của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là làm việc 8h/ngày, và Trưởng BKS sẽ phải chịu trách nhiệm về công việc của mình trước Đại hội đồng cổ đông.

Các ý kiến gửi bằng phiếu và chất vấn trực tiếp đều được Đoàn Chủ tịch giải đáp chi tiết và thỏa đáng

PHẦN IV. CỔ ĐÔNG BIỂU QUYẾT

Nội dung 1: Thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc công ty về Kết quả sản xuất kinh doanh năm 2017; Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 2: Thông qua báo cáo của Hội đồng quản trị về Kết quả hoạt động nhiệm kỳ 2013-2017 và Kế hoạch nhiệm kỳ 2018- 2022.

Phần biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 3: Thông qua Báo cáo của Ban kiểm soát công ty nhiệm kỳ 2013-2017 và kế hoạch nhiệm kỳ 2018- 2022.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.357.045 Cổ phần chiếm 98,89% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 12.565 Cổ phần chiếm 0,37% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 4: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.386.445 Cổ phần chiếm 99,76% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 5: Thông qua Kết quả sản xuất kinh doanh và phân phối lợi nhuận năm 2017.

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	Đồng	212.594.865.307
2	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	1.279.330.080
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.391.349.418
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.112.019.338
5	Chi thù lao HĐQT, BKS (không điều hành)	Đồng	95.036.382
6	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	784.873.211
7	Tổng lợi nhuận còn lại phân phối	Đồng	4.232.109.745
8	Lợi nhuận giữ lại năm trước	Đồng	19.346.555
9	Cổ tức (*)	(10,5%/VĐL)	4.251.456.300
10	Lợi nhuận giữ lại	Đồng	0

Ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định thời gian chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông công ty theo đúng quy định.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.145 Cổ phần chiếm 99,84.% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 6: Thông qua Kế hoạch sản xuất doanh và Phân phối lợi nhuận năm 2018.

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	Đồng	225.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.600.000.000
3	Cổ tức	%	11,5%

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.381.276 Cổ phần chiếm 99,61% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 7: Thông qua Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017

a/ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị : 21.119.184 đồng/năm
- Thành viên Hội đồng quản trị : 15.839.388 đồng/năm
- Trưởng Ban kiểm soát : 15.839.388 đồng/năm
- Thành viên Ban kiểm soát : 10.559.592 đồng/năm
- Tổng số tiền thù lao năm 2017 : 121.435.308 đồng

b/ Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 đề nghị như sau:

- Thù lao Hội đồng quản trị và các thành viên BKS là: 2,5% lợi nhuận sau thuế thực hiện và trích quỹ thưởng HĐQT và BKS là 10% LNST vượt kế hoạch nhưng không quá 500 triệu đồng.
- Lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là: 10 triệu đồng/tháng

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.378.045 Cổ phần chiếm 99,51% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 4.000 Cổ phần chiếm 0,12% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 12.565 Cổ phần chiếm 0,37% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 8: Thông qua việc Lựa chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018.

Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 của công ty có trong danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 do UBCKNN công bố.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 9: Thông qua việc Bổ sung ngành nghề kinh doanh

- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dung hữu hình khác, mã ngành 7730
- Kinh doanh, khai thác, đầu tư xây dựng chợ, mã ngành 4710

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre.

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 10: Thông qua việc Sửa đổi Điều lệ Công ty (Điều lệ sửa đổi đính kèm)

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Nội dung 11: Thông qua Quy chế quản trị công ty (Quy chế quản trị đính kèm)

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

Điều 12: Thông qua Danh sách ứng viên Thành viên HĐQT và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022

STT	Họ tên ứng viên HĐQT	Họ và tên ứng viên BKS
1	Bà Mai Thị Thanh Thủy	4. Bà Đỗ Thị Kim Anh
2	Ông Phan Quốc Thông	5. Ông Huỳnh Hữu Phúc
3	Ông Nguyễn Thanh Huy	6. Bà Lê Thị Kim Nuông
4	Ông Lê Đình Nhiên	
5	Ông Nguyễn Văn Thạnh	
6	Phan Trọng Tài	

Phân biểu quyết:

- *Tán thành* : 3.389.945 Cổ phần chiếm 99,86% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không tán thành* : 0 Cổ phần chiếm 0% số cổ phần có quyền biểu quyết.
- *Không có ý kiến* : 4.665 Cổ phần chiếm 0,14% số cổ phần có quyền biểu quyết.

PHẦN V. KẾT QUẢ BẦU CỬ:

Căn cứ biên bản kiểm phiếu của Ban kiểm phiếu về thực hiện bầu cử đối với các ứng viên đề cử hoặc ứng cử, kết quả kiểm phiếu như sau:

Bầu cử thành viên HĐQT

STT	Họ tên ứng viên	Vị trí ứng cử	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Hội đồng quản trị	122,48%
2	Ông Phan Quốc Thông	Hội đồng quản trị	119,12%
3	Ông Nguyễn Thanh Huy	Hội đồng quản trị	109,40%
4	Ông Lê Đình Nhiên	Hội đồng quản trị	66,10%
5	Ông Nguyễn Văn Thạnh	Hội đồng quản trị	36,67%

Bầu cử thành viên BKS

STT	Họ tên ứng viên	Vị trí ứng cử	Tỷ lệ biểu quyết
1	Bà Đỗ Thị Kim Anh	Ban kiểm soát	197,30%
2	Bà Lê Thị Kim Nuông	Ban kiểm soát	27,69%
3	Ông Huỳnh Hữu Phúc	Ban kiểm soát	69,75%

Vậy theo quy định về bầu cử phiếu, các ứng viên nêu trên đã trúng cử thành viên HĐQT, BKS nhiệm kỳ 2018 – 2022.

Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2018-2022 thống nhất 100% bầu 5/5 thành viên HĐQT không độc lập và tiếp tục tìm kiếm thành viên HĐQT độc lập trình ĐHCĐ sau.

PHẦN VI: THÔNG QUA NGHỊ QUYẾT VÀ BIÊN BẢN CUỘC HỌP

Ông Phan Quốc Thông: thông qua Nghị quyết cuộc họp.

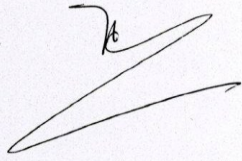
Bà Nguyễn Thị Kim Thi thông qua biên bản cuộc họp.

Đại hội biểu quyết và nhất trí thông qua toàn văn Biên bản, Nghị quyết cuộc họp Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2018 - 2022 với 100% số phiếu tán thành.

Biên bản này được lập thành 05 bản và được lưu tại Công ty.

Đại hội kết thúc vào lúc 12giờ 30 phút cùng ngày.

THƯ KÝ ĐẠI HỘI



NGUYỄN THỊ KIM THI

Nơi nhận:

- *Cổ đông, HĐQT*
- *Ban Giám Đốc,*
- *Thư ký công ty,*
- *UBCKNN, HNX, Website,*
- *Lưu*

**TM. ĐOÀN CHỦ TỊCH
CHỦ TỌA**



PHAN QUỐC THÔNG

QUY CHẾ LÀM VIỆC TẠI ĐẠI HỘI CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2018-2022 CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp của Quốc hội Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2018-2022 của Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre được tổ chức và thực hiện theo Quy chế làm việc sau đây:

Điều 1. Cổ đông tham dự Đại hội cổ đông

1. Các cổ đông của Công ty theo danh sách chốt đến hết ngày 30/03/2018 (ngày đăng ký cuối cùng) đều có quyền tham dự Đại hội cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre;
2. Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi vào phòng Đại hội phải có mặt đúng thời gian quy định và làm thủ tục đăng ký với Ban tổ chức Đại hội; ngồi đúng vị trí hoặc khu vực do Ban tổ chức Đại hội quy định; cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi đi ra ngoài hội trường phải thông báo cho Ban thư ký và được sự đồng ý của Chủ tịch đoàn;
3. Trong thời gian diễn ra Đại hội cổ đông, các cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền phải tuân thủ theo sự hướng dẫn của Chủ tịch đoàn, ứng xử văn minh, lịch sự và giữ trật tự Đại hội;
4. Người được ủy quyền tham dự Đại hội không được ủy quyền lại cho người thứ ba tham dự Đại hội;
5. Không hút thuốc lá trong phòng Đại hội;
6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc diễn ra Đại hội. Tất cả các máy điện thoại di động nên để chế độ im lặng hoặc tắt;
7. Trường hợp Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp, quy định nói trên, Đoàn chủ tịch sau khi xem xét một cách cẩn trọng, có thể từ chối hoặc trục xuất đại biểu nói trên khỏi nơi diễn ra Đại hội để đảm bảo Đại hội diễn ra một cách bình thường theo chương trình kế hoạch.

Điều 2. Đoàn Chủ tịch

1. Đoàn Chủ tịch gồm 05 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 04 thành viên. Chủ tịch Hội đồng quản trị là Chủ tịch Đoàn Chủ tịch và là người Chủ tọa Đại hội cổ đông. Chủ tịch đoàn điều hành công việc của Đại hội theo nội dung, chương trình mà Hội đồng quản trị (HĐQT) đã dự kiến thông qua trước Đại hội.
2. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tịch:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.

3. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tịch:

Đoàn Chủ tịch làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

Điều 3. Ban Thư ký Đại hội

1. Ban Thư ký của Đại hội gồm 02 người (01 người làm thư ký và 01 người làm trợ lý thư ký) do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình và dưới sự điều hành của Đoàn Chủ tịch.
2. Nhiệm vụ của Ban Thư ký:
 - Giúp Đoàn Chủ tịch kiểm tra tư cách của cổ đông /hoặc đại diện theo ủy quyền dự họp (*khi cần thiết*);
 - Hỗ trợ Đoàn Chủ tịch công bố dự thảo các văn kiện, kết luận, Biên bản của Đại hội và thông báo của Đoàn Chủ tịch gửi đến các cổ đông khi được yêu cầu;
 - Tiếp nhận, rà soát phiếu đăng ký phát biểu các ý kiến của các cổ đông/họặc đại diện theo ủy quyền, chuyển Đoàn Chủ tịch quyết định.
 - Ghi chép đầy đủ trung thực toàn bộ nội dung diễn biến Đại hội và các vấn đề đã được các cổ đông thông qua hoặc còn lưu ý vào Biên bản họp Đại hội;
 - Soạn thảo Nghị quyết về các vấn đề được thông qua tại Đại hội.

Điều 4. Ban kiểm tra tư cách cổ đông

1. Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội gồm 02 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 01 thành viên, do Đoàn Chủ tịch giới thiệu, Đại hội biểu quyết tín nhiệm, chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông về nhiệm vụ của mình.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách cổ đông
Ban thẩm tra tư cách cổ đông của Đại hội có trách nhiệm kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.

Trưởng Ban thẩm tra tư cách cổ đông báo cáo với Đại hội cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông có quyền dự họp đại diện ít nhất 65% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Ban kiểm phiếu

1. Ban kiểm phiếu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên do Chủ tọa giới thiệu và được Đại hội biểu quyết tín nhiệm.
2. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu
 - Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu và chịu trách nhiệm trước Đoàn Chủ tịch, Đại hội cổ đông khi thực hiện nhiệm vụ của mình;
 - Xác định chính xác kết quả biểu quyết về từng vấn đề xin biểu quyết tại Đại hội;
 - Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký;
 - Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

Điều 6. Thảo luận tại Đại hội

1. Nguyên tắc:

- Việc thảo luận chỉ được thực hiện trong thời gian quy định và thuộc phạm vi các vấn đề trình bày trong chương trình nội dung Đại hội cổ đông;
- Cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền có ý kiến đăng ký nội dung vào Phiếu đặt câu hỏi và chuyển cho thư ký Đại hội;
- Thư ký Đại hội sẽ sắp xếp các Phiếu đặt câu hỏi của cổ đông theo thứ tự đăng ký và chuyển lên cho Đoàn chủ tịch;
- Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi được Chủ tịch đoàn nhất trí mới được phát biểu. Mỗi cổ đông phát biểu ngắn gọn, tránh trùng lặp (không quá 05 phút).

2. Giải đáp ý kiến của các cổ đông:

- Trên cơ sở Phiếu đặt câu hỏi của Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền, chủ tọa hoặc thành viên do chủ tọa chỉ định sẽ giải đáp ý kiến Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian tổ chức, các câu hỏi chưa được trả lời trực tiếp tại Đại hội sẽ được Công ty cập nhật lên website <http://www.vlxdbentre.com/>

Điều 7. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại Đại hội:

1. Các quy định chung

Mỗi đại biểu đến tham dự Đại hội sẽ được Ban tổ chức phát trực tiếp:

- Một (01) **“Thẻ biểu quyết” màu vàng** có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.
- Một (01) **“Phiếu biểu quyết” màu xanh** có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo công ty. Phương thức này dùng để thông qua các báo cáo và tờ trình tại Đại hội.

2. Cách thức biểu quyết:

Từng vấn đề được đưa ra trước Đại hội thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ đều được xin ý kiến theo trình tự sau:

- Tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- Không tán thành với nội dung vừa được đề trình;
- Không có ý kiến với nội dung vừa được đề trình.

Khi tiến hành biểu quyết tại Đại hội, đại biểu tiến hành biểu quyết thông qua các nội dung bằng một trong hai hình thức sau:

- Đại biểu biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ thẻ biểu quyết, đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Chủ tọa. Thành viên Ban kiểm phiếu ghi nhận mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng đại biểu Tán thành, Không tán thành, Ý kiến khác.

Phương thức này dùng để thông qua các vấn đề khác trừ các Báo cáo và Tờ trình tại Đại hội.

- Đại biểu biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết: Đối với từng nội dung, đại biểu lựa chọn 01 trong 03 phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong phiếu biểu quyết. Sau khi hoàn tất các nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi phiếu biểu quyết về thùng phiếu đã được niêm phong tại Đại hội. Phương thức này dùng để thông qua các Báo cáo và Tờ trình Đại hội.

3. Tính hợp lệ của phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ:** là phiếu theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không tẩy xóa, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này, phải có chữ ký và họ tên đầy đủ được viết tay của đại biểu tham dự.
- Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết (báo cáo, tờ trình) là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn 01 trong 03 ô vuông biểu quyết. Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.
- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:** là phiếu biểu quyết có ghi thêm các nội dung khác, phiếu không theo mẫu in sẵn do Ban tổ chức phát ra, không có con dấu của công ty, hoặc phiếu có tẩy xóa, cạo sửa, không có chữ ký và họ tên đầy đủ của đại biểu. Khi đó, tất cả các nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

4. Thẻ lệ biểu quyết:

- Cứ 01 (một) cổ phần tương đương với một quyền biểu quyết. Mỗi Cổ đông/hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông tham dự đại diện cho một hoặc nhiều quyền biểu quyết sẽ được cấp 01 (một) phiếu biểu quyết và một (01) thẻ biểu quyết.
 - Tại ngày chốt danh sách cổ đông (ngày 30/03/2018) tổng số cổ phần của Công ty là: **4.049.006** cổ phần tương đương với **4.049.006** quyền biểu quyết.
5. Ghi nhận kết quả biểu quyết
- Tại Đại hội, Đại hội đồng cổ đông sẽ thông qua Ban Kiểm phiếu.
 - Ban kiểm phiếu có nhiệm vụ thu, ghi nhận và trả phiếu biểu quyết/thẻ biểu quyết.
 - Ban Kiểm phiếu sẽ kiểm tra số phiếu tán thành, không tán thành, không có ý kiến của từng nội dung và chịu trách nhiệm ghi nhận và báo cáo kết quả kiểm phiếu biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.
6. Tỷ lệ tối thiểu cần đạt được khi biểu quyết
- Đối với quyết định về loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại được quyền chào bán; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty; đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty: phải được số đại biểu đại diện ít nhất 75% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận.
 - Đối với các vấn đề còn lại, phải được số đại biểu đại diện ít nhất 65% tổng số quyền biểu quyết của tất cả đại biểu dự họp chấp thuận

Điều 8. Thi hành Quy chế

Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền tham dự họp Đại hội phải chấp hành nghiêm chỉnh Quy chế làm việc của Đại hội cổ đông. Cổ đông, người đại diện theo ủy quyền vi phạm Quy chế này thì tùy theo mức độ cụ thể Đoàn Chủ tịch sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ Công ty và Luật Doanh nghiệp.

Quy chế này có hiệu lực ngay sau khi được Đại hội cổ đông Công ty biểu quyết thông qua.

Bến Tre, ngày 15 tháng 6 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN QUỐC THÔNG

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2018

I. KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2017 :

1. Tình hình chung :

Năm 2017, với mức tăng GDP đạt 6,81%, đánh dấu bước tăng trưởng mạnh mẽ của kinh tế Việt Nam và cho nhiều tín hiệu đáng kỳ vọng về một giai đoạn tăng trưởng bền vững trong tương lai. Các chính sách phát triển kinh tế - xã hội và cải cách hành chính của chính quyền đạt nhiều thành tựu đáng kể giúp Bến Tre đạt và vượt nhiều chỉ tiêu (đạt 22/24 chỉ tiêu theo nghị quyết của Tỉnh ủy, còn 02 chỉ tiêu : tổng vốn đầu tư toàn xã hội và thu nhập bình quân trên đầu người).

Bên cạnh những thuận lợi cũng có nhiều khó khăn, thách thức làm ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của Công ty như : áp lực cạnh tranh lớn, bộ máy công kênh, cơ chế hoạt động chưa linh hoạt, năng suất lao động không cao.

Trước thực tế như trên, Ban Giám đốc (viết tắt là BGD) Công ty thường xuyên theo dõi sát tình hình. Kịp thời có những chỉ đạo, hướng giải quyết, biện pháp thực hiện từng sự việc tại từng thời điểm nhằm mục tiêu hạn chế thấp nhất các tác động tiêu cực đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh (viết tắt là SXKD), đảm bảo hoạt động có hiệu quả.

Trong năm qua, BGD Công ty đã tập trung phát huy mọi nguồn lực để hoạt động đúng mục tiêu của Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông (viết tắt là ĐHĐCĐ) năm 2017 đề ra. Tuy kết quả sản xuất kinh doanh không đạt như mong muốn nhưng đơn vị đã thực hiện đúng định hướng phát triển; kinh doanh có lãi; đảm bảo hài hòa lợi ích của các cổ đông và các thành phần trong đơn vị; giải quyết việc làm và đảm bảo cuộc sống cho người lao động; thực hiện đầy đủ nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ khác đúng quy định của Nhà nước; thực hiện tốt các phong trào, các chính sách an sinh xã hội do địa phương phát động.

2. Kết quả sản xuất kinh doanh 2017 :

Các chỉ tiêu chủ yếu đạt được như sau :

Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh (%)	
					TH17/TH16	TH17/KH17
A	B	(1)	(2)	(3)	4 = (3)/(1)	5 = (3)/(2)
Tổng doanh thu	1.000 đ	218.264.994	233.369.000	212.594.865	97%	91%
-Bán hàng & cung cấp dịch vụ	1.000 đ	213.587.994	228.325.000	208.427.533	97%	91%
-Thu nhập khác	1.000 đ	4.633.932	5.000.000	4.150.369	90%	83%
-Thu nhập hoạt động tài chính	1.000 đ	43.069	44.000	16.963	39%	39%
Tổng chi phí	1.000 đ	210.384.290	225.269.000	206.203.516	98%	91%
Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	7.880.704	8.100.000	6.391.349	81%	79%
Nộp ngân sách	1.000 đ	15.783.690	15.425.000	17.748.802	112%	115%
Tỷ lệ cổ tức	%	12,5%	12%	10,5%	84%	88%

3. Đánh giá các lĩnh vực hoạt động SXKD :

a/ Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện 2016	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
						(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Giá trị hàng hoá mua vào	1.000 đ	104.418.790	108.000.000	102.276.317	98%	95%
2	Tổng sản lượng mua vào						
	Ximăng các loại	tấn	52.127	55.000	46.992	90%	85%
	Đá các loại	m ³	29.124	31.000	32.876	113%	106%
	Cát xây dựng	m ³	20.953	23.000	23.830	114%	104%
	Thép xây dựng	tấn	1.342	1.380	1.329	99%	96%
3	Tổng sản lượng tiêu thụ						
	Ximăng các loại	tấn	52.325	55.300	45.865	88%	83%
	Đá các loại	m ³	29.631	30.500	32.505	110%	107%
	Cát xây dựng	m ³	20.769	22.200	23.047	111%	104%
	Thép xây dựng	tấn	1.335	1.375	1.346	101%	98%
a	Sản lượng bán ra						
	Ximăng các loại	tấn	47.522	50.300	39.947	84%	79%
	Đá các loại	m ³	14.963	15.500	11.313	76%	73%
	Cát xây dựng	m ³	10.765	11.200	10.328	96%	92%
	Thép xây dựng	tấn	501	510	327	65%	64%
b	Sản lượng sử dụng nội bộ						
	Ximăng các loại	tấn	4.803	5.000	5.918	123%	118%
	Đá các loại	m ³	14.668	15.000	21.192	144%	141%
	Cát xây dựng	m ³	10.004	11.000	12.719	127%	116%
	Thép xây dựng	tấn	833	865	1.019	122%	118%
4	Doanh thu kinh doanh	1.000 đ	79.678.116	82.500.000	67.006.049	84%	81%
	Ximăng các loại	1.000 đ	64.019.773	66.100.000	51.906.947	81%	79%
	Đá các loại	1.000 đ	6.664.019	6.623.000	4.782.422	72%	72%
	Cát xây dựng	1.000 đ	1.107.831	896.000	2.042.436	184%	228%
	Thép xây dựng	1.000 đ	5.113.810	5.723.000	3.988.462	78%	70%
	Hàng hóa khác	1.000 đ	2.772.682	1.622.000	4.285.782	155%	264%
5	Chi phí	1.000 đ	54.528.244	75.880.000	66.025.141	121%	87%
6	Phí phân bổ hàng bán	1.000 đ	9.088.705	9.300.000	6.204.185	68%	67%
7	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	607.466	2.320.000	980.908	161%	42%
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,05%	2,81%	1,46%		

*** Những việc làm được :**

- Nhìn chung trong năm qua, hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng (viết tắt là VLXD) thực hiện khá tốt chức năng của mình trong việc cung ứng hàng hóa cho lĩnh vực thi công xây dựng và sản xuất.

- Việc tái cấu trúc lĩnh vực kinh doanh VLXD theo hướng chuyên doanh, tập trung phát triển những mặt hàng, nhóm khách hàng mà đơn vị đang có ưu thế ... bước đầu đã mang lại

những tín hiệu khả quan, tích cực. Ngoài nhóm hàng truyền thống là xi măng thì trong năm qua hai nhóm hàng sơn nước và ống nhựa bước đầu đã được các cửa hàng đại lý tại các huyện ủng hộ, tuy thị trường và thị phần còn khiêm tốn nhưng đây là tiền đề để phát triển thị phần trong thời gian tới.

- Công tác thị trường cũng có sự chuyển biến tích cực, thị phần khách hàng công trình được duy trì ổn định; phương thức hợp tác kinh doanh Công ty - khách hàng đại lý tại các huyện trên cơ sở trao đổi hàng hóa giao cho các công trình cũng đã mang lại những hiệu quả tích cực (*Công ty áp dụng hình thức cản trừ công nợ trong việc bán xi măng cho các đại lý và mua lại cát, đá, thép ... giao cho các công trình tại các huyện, việc làm này giúp giảm đáng kể chi phí vận chuyển từ kho Công ty ở TP Bến Tre đến các công trình tại các huyện*).

- Công tác quản trị doanh nghiệp được chú trọng hơn nên khả năng phản ứng nhanh với tình hình thị trường, năng lực cạnh tranh đã được cải thiện đáng kể. Song song đó, việc sắp xếp lại bộ máy nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên sâu, chú trọng phát huy năng lực, hiệu quả của từng cá nhân đã mang lại những hiệu quả tích cực.

*** Những tồn tại, yếu kém :**

- Vốn quyết toán, giải ngân công trình chậm; tiền độ thu hồi tiền hàng bán chậm; Nguồn vốn có giới hạn trong khi giá cả nguyên vật liệu, chi phí nhân công liên tục tăng ... nhu cầu vốn đối ứng cho các lĩnh vực ... ngày càng cao dẫn đến áp lực rất lớn để đảm bảo có đủ vốn cho các lĩnh vực hoạt động.

- Công tác tái cấu trúc ngành nghề và nhân sự tuy bước đầu đã có sự chuyển biến tích cực nhưng vẫn chưa mang lại hiệu quả như kỳ vọng. Trong thời gian qua, bộ phận thị trường mặc dù duy trì được thị phần nhưng công tác tiếp thị bán hàng, thu hồi công nợ còn nhiều hạn chế, các chính sách bán hàng nhằm phát triển thị phần, mở rộng thị trường ... của Công ty chưa được bộ phận này thực hiện nghiêm túc.

- Khả năng phản ứng nhanh với sự biến động của thị trường, với sự cạnh tranh của đối thủ vẫn còn nhiều hạn chế cần phải hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.

- Không ít người lao động chưa tận tâm với công việc; chưa phát huy tính năng động, sáng tạo; chưa chú trọng đến việc đầu tư thời gian, công sức để nâng cao nghiệp vụ.

- Đồng thời trong năm qua khâu quản lý, điều động, giám sát và phối hợp thực hiện nhiệm vụ giữa các phòng và kho, cửa hàng, phương tiện, phân xưởng chưa thật nhịp nhàng nên vẫn còn trình trạng khách hàng chưa hài lòng do hàng hóa giao không đúng với thời gian, số lượng hoặc tiền độ như đã thông báo với khách hàng.

b/ Hoạt động thi công san lấp, xây dựng :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Doanh thu	1.000 đ	119.6380.242	136.000.000	117.248.011	98%	86%
2	Chi phí	1.000 đ	115.104.989	131.050.000	114.714.631	100%	88%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	4.533.253	4.950.000	2.533.380	56%	51%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3,79%	3,64%	2,16%		

*** Những thuận lợi :**

- Tỉnh Bến Tre tập trung đầu tư phát triển hạ tầng để thu hút nhà đầu tư, thực hiện phong trào xây dựng “ nông thôn mới “. TP Bến Tre tập trung cải tạo và nâng cấp đô thị để trở thành đô thị loại II vào năm 2019.

- Đối với đơn vị thì lĩnh vực thi công san lấp, xây dựng đã được xác định là lĩnh vực chủ lực trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Do vậy trong thời gian qua và những năm tiếp theo thì các lĩnh vực khác của đơn vị tiếp tục tập trung hỗ trợ cho lĩnh vực này hoàn thành nhiệm vụ, phát huy năng lực và mang về doanh thu cho đơn vị.

- Việc cung ứng vật tư, bố trí vốn cho các công trình trong năm qua tương đối tốt; công tác kiểm tra, giám sát chất lượng nguyên vật liệu đầu vào, chất lượng công trình được thực hiện thường xuyên; công tác đảm bảo an toàn lao động, vệ sinh môi trường trong thi công được thực hiện nghiêm túc, đầy đủ.

*** Những khó khăn, thách thức :**

- Do nhiều nguyên nhân chủ quan lẫn khách quan, chủ đầu tư chưa bố trí vốn giải ngân, quyết toán cho các công trình kịp thời.

- Trong năm vừa qua thời tiết mưa bão thất thường, kéo dài đã ít nhiều ảnh hưởng đến tiến độ thi công; do vướng khâu giải tỏa nên chủ đầu tư chậm bàn giao mặt bằng; một phần khác là trong quá trình triển khai thi công có nhiều nội dung thay đổi thiết kế phải chờ thẩm định, phê duyệt chủ trương thay đổi, chủ trương phát sinh nên phải gia hạn hợp đồng thêm thời gian làm cho tiến độ thi công bị kéo dài dẫn đến khối lượng quyết toán có giảm. Ngoài ra giá trị khối lượng công việc hoàn thành của các công trình chuyển tiếp từ năm 2016 sang năm 2017 chưa đạt nên chưa lên khối lượng quyết toán để có doanh thu.

- Theo kế hoạch năm 2017 đề ra thì các công trình trúng thầu ước tính khoảng 130 tỷ đồng, nhưng thực tế chỉ trúng thầu 74 tỷ đồng – nguyên nhân là do ngân sách của tỉnh chưa bố trí vốn kịp thời nên việc tổ chức đấu thầu bị chậm.

- Mặt khác theo qui định mới của Kiểm toán về tồn đọng công nợ xây dựng nên một số chủ đầu tư phải chờ được bố trí vốn mới chấp thuận cho đơn vị thi công lên khối lượng quyết toán doanh thu.

c/ Hoạt động khai thác cát :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Sản lượng khai thác	m ³	421.284	425.000	1.158.814	275%	273%
2	Doanh thu	1.000 đ	8.425.680	3.825.000	17.948.988	213%	469%
3	Chi phí	1.000 đ	6.963.591	3.135.000	15.320.227	220%	489%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	1.462.089	690.000	2.628.761	180%	381%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	17,35%	18,04%	14,65%		

Trong năm qua công tác quản lý của Nhà nước về việc khai thác nguồn tài nguyên cát lòng sông được tập trung quyết liệt nhưng hiệu quả chưa cao, đặc biệt là trong việc phòng chống khai thác cát trái phép; tình hình khiếu nại, tố cáo trên lĩnh vực tài nguyên và môi trường diễn biến phức tạp.

Đối với đơn vị thi luôn tuân thủ khai thác theo tọa độ, biên giới khai trường, thời gian khai thác, sản lượng khai thác ... đúng theo giấy phép đã được cấp và tuân thủ đầy đủ các qui định về an toàn giao thông đường thủy nội địa tại khu vực khai thác, thả phao khu vực được phép khai thác đúng qui định.

Thực hiện nghiêm chỉnh, đầy đủ các nghĩa vụ đối với Nhà nước và chính quyền địa phương. Nộp đầy đủ các loại thuế, phí liên quan đến hoạt động khai thác cát, nộp đầy đủ tiền ký quỹ và tiền cấp quyền khai thác cát đúng theo qui định (đến cuối quý I/2017 thì đơn vị đã thực hiện hoàn tất việc nộp tiền cấp quyền khai thác đúng qui định với số là 6.007.325.200 đồng).

Thực hiện đầy đủ các chế độ báo cáo định kỳ tháng, quý, năm và các báo cáo đột xuất theo yêu cầu của cơ quan chức năng như báo cáo định kỳ hàng năm, báo cáo tiến độ khai thác, trữ lượng khai thác; báo cáo giám sát môi trường, sổ quan trắc bờ sông ...

d/ Hoạt động sản xuất VLXD :

Như đã trình bày ở phần trên, lĩnh vực thi công san lấp, xây dựng được xác định là lĩnh vực chủ lực của đơn vị nên tất các lĩnh vực khác của Công ty phải tập trung hỗ trợ cho lĩnh vực

này hoàn thành nhiệm vụ. Do vậy, tính hiệu quả, lợi nhuận của lĩnh vực này đã bao gồm lợi nhuận của các lĩnh vực khác chuyển sang.

Trong sản xuất luôn chú trọng thực hiện các biện pháp tiết kiệm nguyên vật liệu, chất lượng sản phẩm xuất xưởng; đảm bảo thời gian giao hàng; xây dựng chính sách giá bán phù hợp với mặt bằng chung của thị trường theo từng thời điểm hoặc khi có sự biến động giá nguyên vật liệu.

➤ **Sản xuất gạch nung :**

Với mục tiêu phát triển sản xuất và sử dụng vật liệu xây không nung để thay thế gạch đất sét nung nhằm tận dụng tiềm năng và phát huy lợi thế của địa phương, tiết kiệm đất nông nghiệp, góp phần giảm thiểu phát thải khí nhà kính và ô nhiễm môi trường, tiết kiệm nhiên liệu, giảm chi phí xử lý phế thải của các ngành công nghiệp, đem lại hiệu quả kinh tế chung cho toàn xã hội; Thủ tướng Chính phủ đã có chỉ thị số 10/CT-TTg ngày 26/4/2012 về việc tăng cường sử dụng vật liệu xây không nung và hạn chế sản xuất, sử dụng gạch đất sét nung.

Trước tình hình trên thì kế hoạch năm 2017 đơn vị chỉ tổ chức sản xuất gạch đất sét nung theo hướng chủ yếu để giải quyết việc làm cho người lao động và đủ để cung cấp cho các công trình xây dựng đang sử dụng dở dang gạch nung. Thực tế trong năm qua, tình hình sản xuất gạch nung gặp rất nhiều khó khăn :

- Nguồn nguyên liệu đầu vào dùng cho sản xuất gạch mộc là đất sét ngày càng khan hiếm, số lượng, giá cả và chất lượng đất không ổn định;
- Máy móc, thiết bị, nhà xưởng, lò nung ... đã cũ và xuống cấp, thường xuyên hư hỏng nên chi phí sản xuất cao. Đơn vị chưa thể đầu tư nâng cấp hay thay thế mới máy móc thiết bị, cơ sở vật chất do chi phí quá cao, hiệu suất đầu tư thấp.

Nhìn chung hoạt động này trong năm qua tuy không có lợi nhuận về mặt hữu hình nhưng nếu xét về việc hỗ trợ cho hoạt động xây dựng, giải quyết vấn đề an sinh xã hội ... thì hoạt động này vẫn có hiệu quả nhất định.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	1.081	1.100	437	40%	40%
2	Sử dụng nội bộ:	1.000 v	365	700	464	127%	66%
3	Sản lượng gạch TP kinh doanh bán ra	1.000 v	619	550	116	19%	21%
4	Doanh thu	1.000 đ	592.931	600.000	127.218	21%	21%
5	Chi phí	1.000 đ	724.602	600.000	127.218	18%	21%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	-131.671				

➤ **Sản xuất gạch Terrazzo :**

Hoạt động này trong năm qua thực hiện khá tốt các chức năng, nhiệm vụ của kế hoạch đề ra, các chủng loại gạch được bố trí sản xuất và giao hàng cho khách hàng kịp thời. Sản phẩm sản xuất ra đảm bảo chất lượng, giao hàng đúng tiến độ, giá bán hợp lý ... đã tạo được sự tin tưởng của khách hàng và giữ thị phần ổn định.

Trong quá trình sản xuất thì thường xuyên kiểm tra tất cả các khâu của toàn bộ quá trình sản xuất nhằm đảm bảo các khâu, các công đoạn được sản xuất đúng theo qui trình, qui định nhằm đảm bảo nguyên vật liệu, gạch bán thành phẩm được sử dụng một cách hợp lý nhất và đảm bảo gạch thành phẩm xuất xưởng đạt tiêu chuẩn chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn ISO 9001:2015, Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia TCVN 7744 : 2013 như đã công bố.

Tuy nhiên, trong năm qua vẫn còn tồn tại nhiều khó khăn :

- Hiện nay trên thị trường có nhiều sản phẩm gạch terrazzo có chất lượng thấp, độ dày không đủ theo qui chuẩn hoặc các loại gạch có mác thấp để thâm nhập vào thị phần nhà dân, các công trình. Khi chào giá thì lại tương đương với giá bán của Công ty nhưng tỷ lệ chi hoa hồng cho thầu thợ, bộ phận thu mua của các đơn vị với mức rất cao, điều này đã gây ra rất nhiều khó khăn cho đơn vị trong thời gian vừa qua (giá thành sản xuất gạch loại này rất thấp do sử dụng nguyên vật liệu kém chất lượng, tỷ lệ cấp phối cũng thấp hơn tiêu chuẩn qui định ...). Do vậy tùy từng khách hàng, từng thời điểm mà đơn vị phải giảm giá bán, thậm chí không có lãi để có mức giá cạnh tranh.

- Sự bất cập trong việc áp giá gạch terrazzo cho các công trình ở các huyện (do không cập nhật giá vận chuyển đến các huyện mà chỉ áp giá tại khu vực TP Bến Tre) nên đơn vị rất khó khăn trong việc chào giá và bán hàng cho các công trình này.

- Một số công trình chỉnh trang đô thị, thi công vỉa hè các tuyến đường chậm triển khai do thiếu vốn cũng là nguyên nhân làm cho tiến độ sản xuất không được liên tục. Mặc khác có một số công trình phải đẩy nhanh tiến độ khi có vốn để kịp hoàn thành đúng kế hoạch nên đơn vị gặp nhiều áp lực trong việc bố trí nhân sự tăng ca sản xuất để kịp giao cho khách hàng đúng thời gian, đúng số lượng theo tiến độ công trình.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	21.323	21.000	24.594	115%	117%
2	<i>Sử dụng nội bộ:</i>	<i>1.000 v</i>	<i>4.104</i>	<i>5.000</i>	<i>3.588</i>	<i>87%</i>	<i>72%</i>
3	Sản lượng gạch TP kinh doanh ứn ra	1.000 v	20.256	17.000	18.948	94%	111%
4	Doanh thu	1.000 đ	1.967.743	1.691.000	1.819.520	92%	108%
5	Chi phí	1.000 đ	1.936.941	1.665.000	1.702.906	88%	102%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	30.802	26.000	116.614	379%	449%
	<i>Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu</i>	<i>%</i>	<i>1,57%</i>	<i>1,54%</i>	<i>6,41%</i>		

➤ Sản xuất Tole & xà gồ :

Hiện nay nhu cầu về tole & xà gồ ở thị phần nhà dân đã giảm đáng kể do người dân đang chuyển sang sử dụng vật liệu khác để thay thế như ngói nung, ngói xi măng ... do tính ưu việt của các sản phẩm này về độ bền, giảm tiếng ồn, tính thẩm mỹ cao ...; thị phần xây dựng công nghiệp thì vẫn ổn định song khả năng tăng trưởng thị phần không cao.

Ngoài ra, trình trạng các sản phẩm tole, xà gồ trên thị trường có thông số kỹ thuật, chất lượng không rõ ràng, sử dụng phối nguyên liệu kém chất lượng ... của các xưởng sản xuất khác đang tăng cường bán hàng vào nhóm khách hàng có thu nhập trung bình nên đơn vị rất khó khăn trong việc bán hàng (do nhóm khách hàng này thường chỉ quan tâm đến mức giá mà ít khi so sánh tìm hiểu về chất lượng, qui cách sản phẩm ...).

Đối với việc cung ứng cho các công trình thì hoạt động này đã thực hiện khá tốt trong năm qua, kịp thời cung cấp đúng số lượng, chất lượng và giá cả hợp lý.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Sản lượng SX	M	17.646	17.900	23.671	134%	132%
2	<i>Sử dụng nội bộ:</i>	<i>M</i>	<i>12.127</i>	<i>12.200</i>	<i>20.530</i>	<i>169%</i>	<i>168%</i>
3	Sản lượng tiêu thụ	M	5.519	5.700	3.141	57%	55%

4	Doanh thu	1.000đ	385.777	425.000	410.845	106%	97%
5	Chi phí	1.000đ	383.698	425.000	406.116	106%	96%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	2.079		4.729	227%	
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	0,54%		1,15%		

e/ Hoạt động vận tải hàng hóa :

Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động vận tải là thực hiện tốt chức năng luân chuyển hàng hóa hỗ trợ hoạt động kinh doanh VLXD, vận chuyển vật tư hỗ trợ hoạt động xây dựng và động sản xuất tại phân xưởng. Do vậy, đơn vị không đặt ra yêu cầu cao về lợi nhuận cho hoạt động này.

Nhìn chung các phương tiện đã thực hiện khá tốt chức năng của mình, các hàng hóa, vật tư được vận chuyển kịp thời giao đến nơi cho khách hàng; cung cấp đúng tiến độ, đúng số lượng cho các công trình nội bộ và phân xưởng sản xuất.

Thực hiện tốt việc chấp hành luật an toàn giao thông đường bộ, đường thủy và các phương tiện cơ giới luôn bảo đảm an toàn khi thi công tại công trường. Đơn vị đã thực hiện nghiêm chỉnh qui định về đăng ký phù hiệu xe tải theo đúng qui định.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/TH 2016	TH 2017/KH 2017
1	Doanh thu	1.000đ	1.784.650	1.884.000	1.998.812	112%	106%
2	Chi phí	1.000đ	1.920.621	1.884.000	1.998.812	104%	106%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000đ	-135.971				

4. Hoạt động Tài chính - Kế toán :

*** Những việc làm được :**

- Chính phủ đã nỗ lực để cải thiện môi trường kinh doanh, tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp và việc cắt giảm các điều kiện kinh doanh đang trở thành mục tiêu chính trong năm 2017. Theo đó những chính sách về lãi suất, cũng như giảm chi phí kinh doanh cho doanh nghiệp cũng đã bắt đầu phát huy tác dụng. Cụ thể, mặt bằng lãi suất huy động và cho vay của các tổ chức tín dụng tương đối ổn định, tạo điều kiện cho doanh nghiệp tiếp cận tín dụng. Bình quân lãi suất cho vay phổ biến khoảng 6-9%/năm đối với ngắn hạn và 9-11%/năm đối với trung và dài hạn. Việc tiếp cận vốn vay rất thuận lợi.

- Công tác chuyên môn nghiệp vụ được thực hiện theo đúng các qui định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo theo đúng qui định của Nhà nước.

- Ban Giám đốc thường xuyên chỉ đạo các phòng, ban, bộ phận lập các kế hoạch nhu cầu về tài chính định kỳ, đột xuất tùy theo từng thời điểm và tình hình thị trường nên đã chủ động hơn trong việc sử dụng, bố trí nguồn vốn một cách hợp lý.

*** Những tồn tại, yếu kém :**

- Tuy nhiên, công tác kiểm tra, giám sát tình hình thanh toán và thu hồi tiền nợ hàng bán chưa được chú trọng và thực hiện nghiêm túc, đầy đủ. Công tác tham mưu, đề xuất các biện pháp nâng cao hiệu quả sử dụng vốn còn kém.

- Trong năm qua tình hình tài chính của đơn vị gặp rất nhiều áp lực do nhiều yếu tố khách quan lẫn chủ quan như :

+ Công trình thi công kéo dài nên quyết toán và giải ngân khối lượng hoàn thành chậm; tiến độ thu hồi tiền hàng bán chậm, có lúc thiếu kiểm soát.

+ Nguồn vốn có giới hạn trong khi giá cả nguyên vật liệu, chi phí nhân công liên tục tăng ... nhu cầu vốn đối ứng cho các lĩnh vực ... ngày càng cao dẫn đến áp lực rất lớn để đảm bảo có đủ vốn cho các lĩnh vực hoạt động :

✓ **Mặt hàng xi măng** : Áp lực đặt về sản lượng để được hưởng các chính sách chiết khấu, khuyến mãi, vận chuyển ... bởi các chính sách này là cơ sở để đơn vị đưa vào giá thành nhằm giảm giá bán; phương thức bán hàng trả chậm nhưng không có biện pháp thu hồi.

✓ **Mặt hàng thép** : Trong cả thép xây dựng và thép hình thì tuy không gặp áp lực về sản lượng mua vào nhưng phải đối mặt với tình hình giá cả liên tục biến động theo chiều hướng tăng khó dự báo. Khi thị trường có chiều hướng tăng giá thì đơn vị phải bố trí nguồn tiền mua hàng theo phương thức thanh toán trước khi nhận hàng để được mua hàng với giá thấp nhằm có nhiều lợi thế hơn trong cạnh tranh giá bán và góp phần làm giảm thiệt hại do biến động giá trong thi công xây dựng.

✓ **Các hàng hóa khác và nguyên vật liệu phục vụ sản xuất** : Cũng như hai nhóm hàng trên, đơn vị cũng gặp bất lợi trong khâu mua hàng vì đa phần phải thanh toán trước khi nhận hàng. Trong khi tiêu thụ hoặc đưa vào công trình thì phải có thời gian mới thu tiền bán hàng.

Các chỉ tiêu cụ thể về sử dụng vốn như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2017	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Tổng cộng nguồn vốn	1.000 đ	120.180.000	112.000.000	100.567.000	84%	90%
2	Nhu cầu vốn lưu động	1.000 đ	167.542.612	155.000.000	171.015.800	102%	110%
3	Vốn chủ sở hữu	1.000 đ	58.710.191	58.710.000	58.710.000	100%	100%
4	Vốn vay NH	1.000 đ	78.000.000	83.200.000	86.997.000	112%	105%
5	Chi phí lãi vay	1.000 đ	6.080.935	6.656.000	6.836.040	112%	103%
6	Vòng quay vốn lưu động	Vòng	1,27	1,51	1,24		

5. Công tác khác :

a/ Công tác Tổ chức - Hành chính và lao động tiền lương :

Nội qui, Qui chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước được chấp hành nghiêm túc. Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách về lương, bảo hiểm và các qui định có liên quan cho người lao động theo đúng qui định của Nhà nước.

Trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động cho người lao động ở khâu trực tiếp sản xuất; trang phục văn phòng cho toán thể người lao động; tổ chức khám sức khoẻ định kỳ đúng qui định;

Kết hợp với các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác ATLD - VSLĐ, PCCC; đối với công trình thi công xây dựng, do khả năng xảy ra rủi ro cao nên công tác này được đặc biệt quan tâm và có báo cáo kết quả kiểm tra thường xuyên một cách nghiêm túc, đầy đủ nhằm đảm bảo an toàn cho con người và tài sản tại các công trình.

Thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách mới ban hành của nhà nước; Tham gia tốt công tác phúc lợi xã hội và hưởng ứng các cuộc vận động, các phong trào của Tỉnh và của chính quyền địa phương phát động.

BGD cũng đã phối hợp với BCH Công đoàn chăm lo tốt đời sống vật chất và tinh thần cho người lao động. Tổ chức tặng quà cho CB CNV nhân dịp lễ, tết nguyên đán; tổ chức cho con em CB CNV vui chơi tại khu du lịch Cần Giờ (TP Hồ Chí Minh) nhân ngày 1/6, tổ chức cho CB CNV nghỉ dưỡng tại Nha Trang; phối hợp với các đơn vị khác để tổ chức thi đấu TDTT nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động an tâm công tác.

Các chỉ tiêu cụ thể như sau :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	TH năm 2016	KH năm 2016	TH năm 2017	So sánh %	
						TH 2017/ TH 2016	TH 2017/ KH 2017
1	Lao động	Người	125	140	125	100%	89%

2	Thu nhập bình quân /người /tháng	1.000đ	5.200	5.400	5.400	104%	100%
3	Tổng quỹ lương, thưởng	1.000đ	7.800.000	8.700.000	8.106.000	104%	93%

b/ Công tác Đảng - Đoàn thể :

Trong quá trình hoạt động SXKD, đơn vị luôn thực hiện theo đúng định hướng, mục tiêu là bảo toàn nguồn vốn, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và hoạt động SXKD phát triển bền vững. Song song đó luôn chú trọng đến các công tác Đảng, đoàn thể. Các công tác này luôn được đơn vị tạo mọi điều kiện thuận lợi để hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và qui định của cơ quan cấp trên.

Tháng 8/2017, Chi bộ Công ty được nâng lên thành Đảng bộ. Đảng bộ Công ty có 4 Chi bộ trực thuộc với 41 đảng viên trực thuộc Đảng bộ Khối Doanh nghiệp tỉnh Bến Tre.

Công tác Đảng ở đơn vị được gắn liền với các kế hoạch SXKD đã phát huy sức mạnh, làm nòng cốt phát động, triển khai các phong trào thi đua gắn với các hoạt động từng thời điểm và có sự đóng góp nhất định vào sự phát triển chung của đơn vị; các Nghị quyết của Đảng, Đảng ủy khối và Đảng bộ Công ty đến với người lao động bằng các định hướng và hoạt động cụ thể, gần gũi.

Tổ chức Đảng và các đoàn thể tích cực tuyên truyền, giáo dục CB CNV chấp hành đường lối chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước. Đồng thời, thực hiện tốt quy chế dân chủ ở cơ sở trong mọi hoạt động góp phần bảo đảm điều tiết hài hòa giữa 3 lợi ích : Nhà nước, doanh nghiệp và người lao động; tạo lập mối quan hệ gắn bó giữa HĐQT, BGD và các tổ chức Đảng, các tổ chức đoàn thể trong doanh nghiệp, tạo môi trường làm việc lành mạnh, đoàn kết, nâng cao chất lượng và hiệu quả sản xuất, kinh doanh.

Năm qua, các tổ chức đoàn thể đều được xếp loại “ vững mạnh “.

c/ Tham gia công tác phúc lợi xã hội :

Ý thức được trách nhiệm của mình đối với xã hội, đơn vị đã thực hiện các công tác phúc lợi xã hội như : phụng dưỡng 01 Bà mẹ VNAH; đóng góp xây dựng nhà tình nghĩa, nhà tình thương cho các gia đình chính sách; thăm và tặng quà cho các gia đình CB CNV diện chính sách nhân ngày 27/7; hỗ trợ kinh phí và tặng tập vở cho các trường học ở các xã vùng sâu, vùng xa; hưởng ứng tốt công tác đóng góp quỹ vì trẻ thơ, tháng hành động vì người nghèo, quỹ tấm lòng vàng, quỹ đền ơn đáp nghĩa ... với số tiền trên 500 triệu đồng.

Vận động CB CNV thực hiện tốt nghĩa vụ đóng góp xây dựng giao thông nông thôn nơi cư trú. Công ty trích quỹ phúc lợi và vận động các đối tác cùng ủng hộ đóng góp xây dựng giao thông nông thôn, hẻm nội thị cho nhiều địa phương.

II. PHƯƠNG HƯỚNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 :

1. Phân tích SWOT :

a. Điểm mạnh :

- Là thương hiệu có uy tín trên thị trường Bến Tre trong lĩnh vực kinh doanh - sản xuất VLXD, thi công xây dựng - san lấp mặt bằng.
- Nguồn lực tài chính đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.
- Có đầy đủ hệ thống kho tàng, bến bãi, phương tiện vận tải, thiết bị thi công.
- Lực lượng nhân sự ổn định, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao và gắn bó chặt chẽ với đơn vị; đội ngũ kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng có đủ các chuyên ngành và có đủ nhân sự cùng lúc đảm nhận cùng lúc nhiều công trình lớn.
- Hệ thống các cửa hàng đại lý và đối tác rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.

b. Điểm yếu :

- Cơ chế hoạt động chưa linh động, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường. Việc phối hợp giữa các bộ phận chưa tốt làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của Công ty.

- Bộ máy công kênh, năng suất lao động thấp.

- Một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ lao động có tinh thần trách nhiệm kém. Chưa lấy mức độ hài lòng của khách hàng làm thước đo hiệu quả công việc.

c. Cơ hội :

- UBND tỉnh Bến Tre xác định năm 2018 sẽ là năm “ tăng tốc “ với mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP là 7%, tiếp tục đẩy mạnh tăng thu nhập, chuyển dịch cơ cấu cả 3 khu vực, đặc biệt là nâng tỉ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng trên 20%.

- TP Bến Tre triển khai dự án cải tạo và nâng cấp đô thị từ nguồn vốn vay WB để sớm đạt các tiêu chí nâng TP Bến Tre thành đô thị loại II.

d. Nguy cơ :

- Chính sách bán hàng trả chậm dễ dẫn đến trình trạng bị chiếm dụng vốn và làm chậm khả năng quay vòng vốn kinh doanh.

- Các nhà sản xuất vì mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, gia tăng thị phần sẽ gây áp lực với đơn vị nhằm tăng sản lượng tiêu thụ ... trong khi vẫn áp dụng các chính sách này với các nhà phân phối khác, việc này dẫn đến trình trạng cạnh tranh gay gắt, ngày càng khốc liệt và thiếu lành mạnh giữa các nhà phân phối khác với đơn vị trên thị trường Bến Tre.

- Việc điều chỉnh các chính sách của Nhà nước liên quan đến thuế và các khoản thu về ngân sách ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

- Hoạt động thi công xây dựng chiếm hơn 50% doanh thu, 70% lợi nhuận của đơn vị nhưng lại phụ thuộc rất nhiều ở việc bố trí vốn của Nhà nước và việc đấu thầu nên không có tính ổn định.

2. Định hướng, mục tiêu chung :

Trên cơ sở phân tích ở trên, trong năm 2018 đơn vị phải tập trung thực hiện tốt những việc sau đây :

- Cơ cấu lại hoạt động SXKD hiện có của Công ty : phát triển, mở rộng các lĩnh vực kinh doanh có hiệu quả; tăng cường năng lực cạnh tranh; đầu tư khai thác hoặc bán bất động sản để đưa đồng vốn về hoạt động chính của Công ty.

- Nghiên cứu và thực hiện một số dự án vừa với năng lực của đơn vị để hoạt động SXKD mang tính ổn định không phụ thuộc vào vốn ngân sách.

- Trên cơ sở cơ cấu lại hoạt động, tiến hành sắp xếp lại lao động để tăng năng suất lao động. Từ đó nâng cao thu nhập cho người lao động.

- Xây dựng thái độ phục vụ khách hàng. Lấy sự hài lòng của khách hàng làm thước đo mức độ hoàn thành nhiệm vụ.

3. Nhiệm vụ cụ thể :

3.1- Chỉ tiêu tổng quát :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh %	
						KH 2018/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Tổng doanh thu	1.000 đ	233.369.000	212.594.865	225.000.000	91%	106%
a	Bán hàng, cung cấp DV	1.000đ	228.325.000	208.427.533	221.480.000	91%	106%
b	Thu nhập khác	1.000đ	5.000.000	4.150.369	3.500.000	83%	84%
c	Thu nhập hoạt động TC	1.000đ	44.000	16.963	20.000	39%	118%
2	Tổng chi phí	1.000 đ	225.269.000	206.203.516	214.880.000	92%	104%

3	Tổng LN trước thuế	1.000 đ	8.100.000	6.391.349	6.600.000	79%	103%
4	Số phải nộp ngân sách	1.000 đ	15.425.000	17.748.802	18.400.000	115%	104%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3,47%	3,01%	2,93%		

3.2- Các hoạt động SXKD :

a/ Hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng :

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh %	
						KH 2018/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Giá trị hàng hoá mua vào	1.000 đ	108.000.000	102.276.317	115.000.000	95%	112%
2	Tổng sản lượng mua vào						
	Ximăng các loại	Tấn	55.000	46.992	56.000	85%	119%
	Đá các loại	m ³	31.000	32.876	33.500	106%	102%
	Cát xây dựng	m ³	23.000	23.830	24.000	104%	101%
	Thép xây dựng	Tấn	1.380	1.329	1.450	96%	109%
3	Tổng sản lượng tiêu thụ						
	Ximăng các loại	Tấn	55.300	45.865	56.000	83%	122%
	Đá các loại	m ³	30.500	32.505	33.000	107%	102%
	Cát xây dựng	m ³	22.200	23.047	24.000	104%	104%
	Thép xây dựng	Tấn	1.375	1.346	1.400	98%	104%
a	Sản lượng bán ra						
	Ximăng các loại	Tấn	50.300	39.947	49.300	79%	123%
	Đá các loại	m ³	15.500	11.313	11.500	73%	102%
	Cát xây dựng	m ³	11.200	10.328	11.000	92%	107%
	Thép xây dựng	Tấn	510	327	350	64%	107%
b	Sản lượng sử dụng nội bộ						
	Ximăng các loại	Tấn	5.000	5.918	7.000	118%	118%
	Đá các loại	m ³	15.000	21.192	21.500	141%	101%
	Cát xây dựng	m ³	11.000	12.719	13.000	116%	102%
	Thép xây dựng	Tấn	865	1.019	1.050	118%	103%
4	Doanh thu kinh doanh	1.000 đ	82.500.000	67.006.049	82.000.000	81%	122%
	Ximăng các loại	1.000 đ	66.100.000	51.906.947	64.690.000	79%	125%
	Đá các loại	1.000 đ	6.623.000	4.782.422	5.000.000	72%	105%
	Cát xây dựng	1.000 đ	896.000	2.042.436	2.100.000	228%	103%
	Thép xây dựng	1.000 đ	5.723.000	3.988.462	4.780.000	70%	120%
	Hàng hóa khác	1.000 đ	1.622.000	4.285.782	5.430.000	264%	127%
5	Chi phí	1.000 đ	75.880.000	66.025.141	79.500.000	87%	120%
6	Phí phân bổ hàng bán	1.000 đ	9.300.000	6.204.185	7.380.000	67%	119%
7	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	2.320.000	980.908	2.500.000	42%	255%
8	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	2,81%	1,46%	3,05%		

Cũng như năm 2017, tình hình thị trường năm 2018 sẽ diễn ra sôi động và cạnh tranh quyết liệt hơn không chỉ giữa các nhà phân phối với nhau mà sẽ phát sinh thêm sự cạnh tranh, sự ràng buộc chỉ tiêu của các nhà sản xuất với các nhà phân phối nhằm gia tăng thị phần của các nhà sản xuất (*nhất là mặt hàng xi măng*). Để đạt được những chỉ tiêu trên, cần thực hiện những việc sau :

- Tiếp tục hoàn thiện các chính sách bán hàng cho các nhóm hàng hóa (*xi măng, thép xây dựng, sơn, ống nhựa ...*) nhằm tăng cường thâm nhập vào các phân khúc mà thị trường và thị phần còn hạn chế (*chính sách áp dụng cho đại lý, thầu thợ, đơn vị thi công, nhà dân ...*).

- Để duy trì và phát triển thị phần thì ngoài những yếu tố như thương hiệu, chất lượng, giá bán ... thì khâu chăm sóc khách hàng sẽ luôn được đơn vị chú trọng. Thực hiện phương châm “ sự hài lòng của khách hàng là thước đo hiệu quả công việc “.

- Cơ cấu lại mặt hàng kinh doanh :

+ đối với mặt hàng xi măng : xác định 03 thương hiệu chiến lược để tập trung kinh doanh. Nâng sản lượng các loại thương hiệu đó để đạt yêu cầu nhà sản xuất đề ra.

+ đối với mặt hàng cát, đá : cần đa dạng chủng loại để đáp ứng nhu cầu từng phân khúc thị trường.

+ đối với mặt hàng vật liệu trang trí nội thất (*sơn, gạch lót, gạch trang trí, thiết bị vệ sinh, ống nhựa*) : chỉ tập trung kinh doanh một vài thương hiệu lớn, được thị trường ưa chuộng.

- Rà soát, chấn chỉnh ở tất cả các khâu liên quan để quá trình luân chuyển hàng hóa phải được diễn ra liên tục, xuyên suốt và không bị ách tắc ở bất kỳ khâu nào, tránh gây phiền hà cho khách hàng.

b/ Hoạt động thi công san lấp, xây dựng :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh %	
						KH 2018/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Doanh thu	1.000 đ	136.000.000	117.248.011	130.000.000	86%	111%
2	Chi phí	1.000 đ	131.050.000	114.714.631	127.000.000	88%	111%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	4.950.000	2.533.380	3.000.000	51%	118%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	3,64%	2,16%	2,31%		

Công ty CP VLXD Bến Tre xác định lĩnh vực thi công xây dựng vẫn là lĩnh vực chủ lực mang về doanh thu và lợi nhuận trong thời gian tới. Công ty sẽ chú trọng thực hiện các nhiệm vụ, đề ra các giải pháp trong thời gian tới để hoạt động thi công xây dựng phát huy hiệu quả tối ưu nhất, cụ thể :

- Các phòng, bộ phận, phân xưởng cần linh động, chủ động hơn trong việc đề xuất, lập kế hoạch sản xuất để giao hàng kịp thời cho các công trình thi công đúng tiến độ; tiếp tục thực hiện tốt các chức trách, nhiệm vụ của mình để hỗ trợ để hoạt động thi công san lấp, xây dựng hoàn thành tốt nhiệm vụ.

- Xây dựng các biện pháp quản lý tiến độ thi công, chất lượng công trình. Thực hiện đầy đủ các qui định về đảm bảo an toàn và vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường.

- Tăng cường quản lý chi phí vật tư, chi phí nhân công. Thực hiện tốt công tác quyết toán nội bộ, quyết toán với chủ đầu tư đúng thời hạn để đảm bảo sử dụng hiệu quả nhất đồng vốn của Công ty cho hoạt động thi công xây dựng

c/ Hoạt động khai thác cát :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh %	
						KH 2018/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Sản lượng khai thác	m3	425.000	1.158.814	200.000	273%	17%
2	Doanh thu	1.000 đ	3.825.000	17.948.988	4.380.000	469%	24%

3	Chi phí	1.000 đ	3.135.000	15.320.227	3.520.000	489%	23%
4	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	690.000	2.628.761	860.000	381%	33%
5	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	18,04%	14,65%	19,63%		

Năm 2018, đơn vị còn được phép khai thác tại 02 mỏ cát là Phụng Châu và Tiên Thủy - An Hiệp. Do vậy, kế hoạch khai thác 2018 được lập dựa khả năng tiêu thụ, trữ lượng, công suất được phép khai thác của 02 mỏ cát trên. Việc khai thác cát phải thực hiện đúng theo qui định của Nhà nước về khai thác khoáng sản và bảo vệ môi trường; đồng thời phải đảm bảo không gây dư luận không tốt đối với hoạt động này.

Nhu cầu cát san lấp của thị trường vẫn còn rất lớn. Do vậy, đơn vị đang có kế hoạch liên hệ với các cơ quan quản lý để nắm định hướng, chủ trương, chính sách ... của Nhà nước để tiến hành các bước thủ tục xin khai thác hoặc đấu giá quyền khai thác cát san lấp để có nguồn hàng cung ứng cho thị trường, cho các công trình và mang về doanh thu cũng như lợi nhuận cho đơn vị trong thời gian tới.

d/ Hoạt động sản xuất VLXD :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh %	
						KH 2018/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Doanh thu	1.000 đ	2.716.000	2.420.191	2.500.000	89%	103%
2	Chi phí	1.000 đ	2.690.000	2.297.839	2.350.000	85%	102%
3	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	26.000	122.352	150.000	471%	123%
4	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	0,96%	5,06%	6,00%		

➤ Đối với mặt hàng gạch nung :

Trong thời gian qua, đơn vị duy trì hoạt động này chủ yếu là để :

- **Một là** giải quyết công ăn việc làm cho người lao động tại phân xưởng; tận dụng các lò hiện có, sử dụng hết nguyên vật liệu dự trữ trong thời gian chờ đầu tư sản xuất gạch không nung theo công nghệ mới.

- **Hai là** có nguồn gạch cung cấp cho các công trình do đơn vị thi công, việc cung cấp này chủ yếu là để có nguồn vật tư để thi công công trình và một mặt là hỗ trợ cho hoạt động xây dựng phát huy hiệu quả, mang về lợi nhuận cho đơn vị. Song song đó là cung ứng một phần cho thị trường để góp phần ổn định tình hình thị trường gạch đất sét nung.

Từ định hướng chung của Nhà nước và phân tích đánh giá tình hình thực tế của đơn vị trong thời gian qua thì hoạt động này không mang lại hiệu quả về mặt lợi nhuận. Để thực hiện việc tái cấu trúc hoạt động sản xuất cho phù hợp với tình hình thị trường, định hướng phát triển của đơn vị, dự kiến quý IV năm 2018 đơn vị sẽ ngưng hoạt động sản xuất gạch nung. Song song đó là tiến hành nghiên cứu nhu cầu thị trường, định hướng phát triển vật liệu không nung của tỉnh, công nghệ sản xuất tối ưu nhất để tiến hành đầu tư và tổ chức sản xuất.

➤ Đối với mặt hàng gạch terrazzo :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	Kế hoạch 2017	Thực hiện 2017	Kế hoạch 2018	So sánh %	
						KH 2018/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
A	B	C	(1)	(2)	(3)	(4)=(3)/(1)	(5)=(3)/(2)
1	Sản lượng SX gạch TP	1.000 v	21.000	24.594	33.000	117%	134%
2	Sử dụng nội bộ	1.000 v	5.000	3.588	14.000	72%	390%
3	Sản lượng gạch TP bán ra	1.000 v	17.000	18.948	19.000	111%	100%

4	Doanh thu	1.000 đ	1.691.000	1.819.520	2.000.000	108%	110%
5	Chi phí	1.000 đ	1.665.000	1.702.906	1.870.000	102%	110%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ	26.000	116.614	130.000	449%	111%
	Tỷ suất lợi nhuận trước thuế/doanh thu	%	1,54%	6,41%	6,50%		

Mặt hàng gạch terrazzo thương hiệu “ Đồng Khởi “ đã khẳng định được chất lượng và thị trường đón nhận.

Để thực hiện đạt những chỉ tiêu trên thì ngoài sự nỗ lực phấn đấu của tập thể Phân xưởng SX gạch, Phòng Kinh doanh thì song song đó BGĐ sẽ thường xuyên theo sát, nắm bắt tình hình, nhu cầu thị trường ... để có những sự chỉ đạo, phương án bố trí sản xuất kịp thời nhằm phấn đấu thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch đề ra.

➤ **Đối với mặt hàng tole & xà gồ:**

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018	So sánh %	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Sản lượng gạch TP SX	1.000 v	17.900	23.671	25.000	132%	106%
2	Sử dụng nội bộ:	1.000 v	12.200	20.530	21.000	168%	102%
3	Sản lượng gạch TP kinh doanh bán ra	1.000 v	5.700	3.141	4.000	55%	127%
4	Doanh thu	1.000 đ	425.000	410.845	500.000	97%	122%
5	Chi phí	1.000 đ	425.000	406.116	480.000	96%	118%
6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ		4.729	20.000		423%

Nhìn chung sản lượng sản xuất và tiêu thụ trong năm qua có tăng trưởng 34% so với thực hiện năm 2016, tuy nhiên sản lượng tăng chủ yếu là cung cấp cho các công trình xây dựng công nghiệp do đơn vị thi công (tăng 69%), còn thị trường xây dựng dân dụng giảm đáng kể (giảm 57%). Nguyên nhân là do trong thời gian qua thị hiếu người dân chuyển qua sử dụng các sản phẩm như ngói đất sét nung và ngói ximăng làm tấm lợp do tính thẩm mỹ, độ bền của các loại vật liệu này.

Tuy gặp nhiều bất lợi nhưng mặt hàng này trong thời gian tới vẫn khả quan do tác động tích cực từ kế hoạch xây dựng và phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh Bến Tre mang lại. Nhóm khách hàng tiềm năng trong thời gian tới là các đơn vị thi công xây dựng các nhà máy, nhà xưởng, công trình phụ trợ ... tại các khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

Để thực hiện đạt kế hoạch năm 2018 đơn vị sẽ phải thực hiện tốt hai việc :

- **Một là** xây dựng các chính sách bán hàng linh động hơn, đa dạng hơn ... đồng thời tăng cường công tác thị trường để tiếp cận một cách có hiệu quả với nhóm khách hàng tiềm năng này;

- **Hai là** tiến hành rà soát lại toàn bộ chi phí sản xuất, định mức sử dụng nguyên vật liệu, giá nguyên liệu đầu vào ... để giảm giá thành, tạo lợi thế cạnh tranh.

e/ Hoạt động vận tải hàng hóa :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018	So sánh %	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
4	Doanh thu	1.000 đ	1.884.000	1.998.812	1.500.000	106%	75%
5	Chi phí	1.000 đ	1.884.000	1.998.812	1.480.000	106%	74%

6	Lợi nhuận trước thuế	1.000 đ			20.000		
---	----------------------	---------	--	--	--------	--	--

Nhiệm vụ chủ yếu của hoạt động này là hỗ trợ cho các hoạt động kinh doanh, sản xuất và thi công xây dựng, do vậy đơn vị không chú trọng đến kế hoạch lợi nhuận do một phần hiệu quả đã chuyển qua các lĩnh vực khác. Giá cước vận chuyển được tính trên cơ sở đủ bù chi phí lương nhân viên lái xe, chi phí sửa chữa - bảo dưỡng, chi phí khác có liên quan ... nhằm tạo lợi thế kinh doanh bán hàng và tham gia đấu thầu công trình. Để sử dụng có hiệu quả phương tiện, thiết bị, cần thực hiện tốt những việc sau :

- Công tác tuyên truyền ý thức của người điều khiển phương tiện trong việc chấp hành các nội qui, qui định của Nhà nước, của đơn vị phải được thực hiện thường xuyên.

- Các qui trình bảo dưỡng, vận hành phương tiện phải được thực hiện nghiêm chỉnh nhằm đảm bảo các phương tiện luôn được bảo quản tốt, luôn trong tình trạng sẵn sàng hoạt động, không để xảy ra các hư hỏng do lỗi chủ quan của tài xế.

- Công tác điều động phương tiện giao nhận hàng phải được phối hợp nhịp nhàng từ khâu tiếp nhận đơn hàng, điều động phương tiện, giao nhận ... nhất là các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện phải được từng khâu giải quyết trong phạm vi, chức trách được giao và phải kịp thời báo cáo xin ý kiến giải quyết nếu vượt thẩm quyền.

3.3- Hoạt động Tài chính – Kế toán :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018	So sánh %	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Tổng cộng nguồn vốn	1.000 đ	112.000.000	100.567.000	107.000.000	90%	106%
2	Nhu cầu vốn lưu động	1.000 đ	155.000.000	171.015.800	182.000.000	110%	106%
3	Vốn chủ sở hữu	1.000 đ	58.710.000	58.710.000	58.710.000	100%	100%
4	Vốn vay NH	1.000 đ	83.200.000	86.997.000	87.000.000	105%	100%
5	Chi phí lãi vay	1.000 đ	6.656.000	6.836.040	6.700.000	103%	98%
6	Vòng quay vốn lưu động	vòng	1,51	1,24	1,24	82%	100%

Để hoạt động tài chính hỗ trợ tốt nhất cho các hoạt động khác thì năm 2018 đơn vị phải chú trọng đến :

- Công tác phân tích, đề xuất các vấn đề tài chính của các bộ phận nghiệp vụ phải được thực hiện thường xuyên, kịp thời để tham mưu cho BGD một cách nhanh chóng, chính xác và toàn diện về thực trạng hoạt động tài chính.

- Thường xuyên lập phương án, kế hoạch chuẩn bị vốn theo từng thời điểm, tiến độ sản xuất, tiến độ thi công công trình ... các kế hoạch này nếu được lập sát với diễn biến thị trường thì sẽ hỗ trợ rất tốt cho các lĩnh vực khác hoàn thành nhiệm vụ được giao.

- Duy trì tốt mối quan hệ với các tổ chức tín dụng để tạo lợi thế về nguồn vốn vay và sự bảo lãnh để tham gia dự thầu, bảo lãnh mua hàng ... khi Công ty có nhu cầu.

- Kiểm tra việc thực hiện chính sách bán hàng; quản lý công nợ theo hạn mức bán hàng; theo dõi và đề xuất biện pháp thu hồi nợ quá hạn, nợ khó đòi ...

- Công tác chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo thực hiện theo đúng các qui định của Luật Kế toán, chế độ kế toán và các báo cáo kế toán theo đúng qui định của Nhà nước.

3.4- Công tác khác :

a/ Công tác Tổ chức - Hành chính và lao động tiền lương :

TT	Chỉ tiêu	Đvt	KH năm 2017	TH năm 2017	KH năm 2018	So sánh %	
						TH 2017/ KH 2017	KH 2018/ TH 2017
1	Lao động	Người	140	125	125	89%	100%
2	Thu nhập BQ/người/tháng	1.000 đ	5.400	5.400	5.800	100%	107%

3	Tổng quỹ lương, thưởng	1.000 đ	8.700.000	8.106.000	8.748.000	93%	108%
---	------------------------	---------	-----------	-----------	-----------	-----	------

- Tiếp tục chấp hành nghiêm túc Nội quy, Quy chế làm việc của Công ty và các chính sách pháp luật của Nhà nước; thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động. Tiếp tục thực hiện tốt việc ban hành, phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chủ trương, chính sách của Nhà nước đối với đơn vị, đối với toàn thể CB CNV.

- Hoàn thiện các phương án trả lương gắn với hiệu quả công việc vừa đảm bảo tuân thủ đúng theo các quy định của pháp luật và vừa đảm bảo quyền lợi, lợi ích chính đáng của người lao động, kích thích được người lao động năng động, sáng tạo, nâng cao năng suất lao động để CB CNV trong Công ty an tâm công tác. Đồng thời sẽ tiến hành điều chỉnh chính sách thưởng cho phù hợp với tình hình mới.

- Song song với việc tái cấu trúc hoạt động SXKD sẽ tiến hành sắp xếp lại nhân sự theo hướng tinh gọn, chuyên trách nhằm kích thích người lao động phát huy tối đa năng lực bản thân, nâng cao tinh thần trách nhiệm trong công việc, có tinh thần cầu tiến ... để nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.

- Quan tâm đúng mức công tác AT - VSLĐ, PCCC. Tiếp tục trang bị đầy đủ thiết bị bảo hộ lao động, trang phục bảo hộ lao động, trang phục văn phòng, tổ chức khám sức khỏe định kỳ năm 2018 cho CB CNV; kết hợp với các tổ chức đoàn thể thường xuyên tuyên truyền, kiểm tra công tác ATLĐ - VSLĐ, PCCC ...

Ban Giám đốc cũng sẽ tiếp tục phối hợp với các tổ chức đoàn thể chăm lo tốt đời sống vật chất, đời sống tinh thần cho người lao động. Tổ chức gặp mặt, tặng quà người lao động trong các dịp lễ, tết nguyên đán; tổ chức cho các cháu thiếu nhi vui chơi nhân ngày Quốc tế thiếu nhi 1/6, tổ chức nghỉ dưỡng định kỳ hàng năm cho CB CNV; tổ chức các sân chơi lành mạnh nhằm tăng cường thể lực, tinh thần thoải mái để người lao động ... Song song đó là tham gia, hưởng ứng các công tác phúc lợi xã hội, các cuộc vận động, các phong trào của địa phương và của Tỉnh phát động.

b/ Công tác Đảng - Đoàn thể :

HDQT, BGĐ Công ty sẽ tiếp tục tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Công đoàn ... hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ và qui định của cơ quan cấp trên. Tiếp tục phát huy những kết quả đã đạt được, khắc phục những tồn tại, yếu kém; hưởng ứng phong trào thi đua “*Động khởi mới*” của Tỉnh ủy.

4. Hoạt động đầu tư :

4.1- Dự án đầu tư Khu tái định cư Phú Tân - TP Bến Tre :

Đến thời điểm hiện nay, nhu cầu về quỹ đất phục vụ nhu cầu bố trí tái định cư để thực hiện dự án cải tạo và nâng cấp đô thị tại TP Bến Tre là hết sức cấp thiết. Dự án đầu tư Khu tái định cư Phú Tân - TP Bến Tre được hình thành để góp phần cùng địa phương giải quyết vấn đề trên. Theo kế hoạch thi dự án sẽ được phân kỳ thành 02 giai đoạn; giai đoạn 1 đang được triển khai trước trên cơ sở cân đối nguồn vốn ở thời điểm hiện nay. Cụ thể giai đoạn 1 :

a/ Qui mô dự án :

- Diện tích : 54.852 m².

- Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 : 89 tỷ đồng (*Vay ngân hàng BIDV 58 tỷ*).

b/ Thời gian : Dự kiến thời gian từ khi khởi công đến khi hoàn thành là 5 năm.

c/ Tiến độ dự án :

- Quý III/2016 đến quý I/2017 : Xin chủ trương và chuẩn bị đầu tư.

- Trong Quý II/2017 : Đề xuất dự án đầu tư, phê duyệt chủ trương đầu tư, thiết kế bản vẽ thi công;

- Quý III/2017 đến Quý II/2018 : Khởi công xây dựng san nền, hạ tầng kỹ thuật.

- Trong Quý III/2018 : Đo đạc phân lô, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Từ đầu Quý IV/2018 đến đầu năm 2021 : Khai thác dự án.

d/ Hiệu quả đầu tư :

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận dự kiến như sau :

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH				So sánh (%)		
			NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	KH 2020/ KH 2019	KH 2021/ KH 2020	KH 2022/ KH 2021
1	Doanh thu	1.000đ	22.800.000	24.000.000	33.000.000	50.000.000	105%	138%	152%
2	LNTT	1.000đ	1.800.000	1.900.000	2.600.000	4.000.000	106%	137%	154%

4.2- Dự án xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An - TP Bến Tre :

Ngoài việc giúp địa phương đạt tiêu chí xây dựng “ nông thôn mới “, dự án được khai thác sẽ giúp Công ty thu hồi giá trị khu đất này để đưa vốn vào hoạt động chính của đơn vị.

a/ Qui mô dự án :

- Diện tích 1.816,5 m², trong đó diện tích cho thuê (nhà lồng, ki ốt) là 716,31 m², diện tích công trình phụ trợ (sân, đường, bãi giữ xe) là 912,6 m².

- Tổng mức đầu tư là 6,7 tỷ đồng. Trong đó, vốn vay ngân hàng là 4,5 tỷ đồng, vốn tự có của đơn vị là 2,2 tỷ đồng.

b. Thời gian : 50 năm

c/ Tiến độ dự án :

- Quý I/2018 - giai đoạn chuẩn bị đầu tư : Trình UBND TP Bến Tre phương án đầu tư xây dựng chợ và dự kiến trong tháng 3/2018 UBND TP Bến Tre phê duyệt phương án.

- Trong Quý II/2018 : Lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng (gồm các bước : thiết kế bản vẽ thi công và dự toán; thuyết minh mục tiêu đầu tư, qui mô, và hiệu quả đầu tư xây dựng công trình) và trình phê duyệt Báo cáo kinh tế kỹ thuật đầu tư xây dựng.

- Trong tháng 7/2018 : Trình thẩm tra về PCCC, thẩm tra thiết kế bản vẽ thi công và dự toán, xin giấy phép xây dựng,

- Từ tháng 8/2018: Khởi công xây dựng và hoàn thành nghiệm thu đưa vào khai thác sử dụng trong tháng **01/2019**.

d/ Hiệu quả đầu tư :

Dự án đầu tư xây dựng chợ Mỹ Thạnh An – TP Bến Tre là dự án đầu tư mới, có cấu trúc hạ tầng kỹ thuật khu thương mại đầy đủ, đúng yêu cầu quy hoạch của UBND TP Bến Tre. Sau khi dự án đi vào hoạt động sẽ hình thành một tổ hợp khu thương mại, góp phần vào sự phát triển kinh tế bền vững, ổn định lâu dài, góp phần thúc đẩy tăng trưởng kinh tế - xã hội của xã Mỹ Thạnh An nói riêng và của TP Bến Tre nói chung. Ngoài ra còn giải quyết việc làm, tăng thu nhập cho người lao động tại địa phương và các vùng phụ cận, đóng góp vào ngân sách địa phương.

Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận cụ thể :

Báo cáo Ban Giám Đốc

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	KẾ HOẠCH				So sánh (%)		
			NĂM 2019	NĂM 2020	NĂM 2021	NĂM 2022	KH 2020/ KH 2019	KH 2021/ KH 2020	KH 2022/ KH 2021
1	Doanh thu	1.000 đ	15.000.000	15.000.000	15.000.000	15.000.000	100%	100%	100%
2	LNTT	1.000 đ	540.000	540.000	540.000	540.000	100%	100%	100%

4.3- Dự án đầu tư phương tiện vận tải thủy (sà lan tự hành) :

Hoạt động vận tải của đơn vị chủ yếu là thực hiện chức năng luân chuyển hàng hóa hỗ trợ hoạt động kinh doanh VLXD, vận chuyển vật tư hỗ trợ hoạt động xây dựng.

Thực tế, hiện nay công ty chỉ có 01 sà lan boong BTr - 0929 có công suất 350 m³/chuyến nên chưa đáp ứng đủ, kịp thời việc vận chuyển cát, đá về kho của Công ty hoặc đến các công trình mà Công ty thi công. Nếu thuê phương tiện ngoài thì đơn vị bị đẩy giá thuê, phụ thuộc về thời gian ... sẽ ảnh hưởng đến tiến độ cung ứng vật tư của đơn vị. Hơn nữa, sà lan boong không còn phù hợp để vận chuyển cát, đá vì dễ bị tai nạn khi nhận hàng.

Do vậy, việc đầu tư trang bị thêm sà lan để tăng năng lực vận chuyển là cần thiết và đảm bảo tính khả thi.

a/ Qui mô dự án :

- **Loại phương tiện và công suất vận chuyển :** Sà lan tự hành có công suất vận chuyển 750 m³/chuyến.

b/ Giá trị đầu tư : 6.000.000.000 đồng.

c/ Thời gian : Dự kiến sẽ đầu tư trong quý II/2018.

d/ Hiệu quả đầu tư :

- Doanh thu dự kiến : **3.150.180.000 đồng/năm.**

- Lợi nhuận trước thuế dự kiến : **470.180.000 đồng/năm.**

- Thời gian khấu hao : **07 năm.**

Với công suất vận chuyển 750 m³/chuyến tương đương 36.000 m³/năm sẽ đáp ứng được 40% nhu cầu vận chuyển cát đá từ các mỏ về kho Công ty phục vụ hoạt động kinh doanh VLXD và có nguồn hàng kịp thời cung ứng cho các công trình xây dựng. Giúp đơn vị chủ động hơn trong việc tính toán giá thành bán ra, giá dự thầu công trình. Hơn nữa, đây là phương tiện đóng mới nên chi phí sửa chữa, bảo dưỡng thấp và có tính cơ động cao, khi lưu thông ít phụ thuộc vào con nước; khả năng luân chuyển hàng hóa nhanh.

Trên đây là báo cáo tổng kết hoạt động kinh doanh năm 2017, phương hướng hoạt động năm 2018 của Ban Giám đốc Công ty kính trình với quý cổ đông.

Xin trân trọng kính chào !

Bến Tre, ngày 05 tháng 06 năm 2018

PHAN QUỐC CHÔNG

CÔNG CHAM ĐỐC

CỔ PHẦN

VẬT LIỆU XÂY DỰNG

BẾN TRE

PHAN QUỐC CHÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017, TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG NHIỆM KỲ 2013-2017 VÀ PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM KỲ 2018-2022

I. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NĂM 2017 :

1. Các cuộc họp của Hội đồng Quản trị (viết tắt là HĐQT) trong năm 2017 :

HĐQT bao gồm 05 thành viên và đã tổ chức 04 cuộc họp (từ tháng 01 đến tháng 12). Cụ thể như sau :

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ
1	Ông Phan Quốc Thông	Chủ tịch	4/4	100%
2	Ông Nguyễn Thanh Huy	Thành viên	4/4	100%
3	Bà Mai Thị Thanh Thủy	Thành viên	4/4	100%
4	Ông Phan Trọng Tài	Thành viên	4/4	100%
5	Ông Lê Đình Nhiên	Thành viên	4/4	100%

2. Các Nghị quyết, Quyết định của HĐQT :

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/2017/NQ-HĐQT	11/04/2017	Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
2	02/2017/NQ-HĐQT	22/08/2017	Thông qua kết quả SXKD 6 tháng đầu năm và kế hoạch 6 tháng cuối năm 2017. Thông qua việc xây dựng hạng mục Trạm xử lý nước thải thuộc Dự án ĐTXD KTĐC Mỹ Thạnh An. Thông qua việc chấm dứt Đầu tư dự án ĐTXD Khu nhà ở công nhân, huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre. Thông qua kế hoạch Đơn giá tiền lương năm 2017.
3	03/2017/NQ-HĐQT	22/12/2017	HĐQT thống nhất thông qua việc ủy quyền Giám đốc Công ty ký hợp đồng vay vốn Dự án ĐTXD KTĐC Phú Tân – gđ1.
4	04/2017/NQ-HĐQT	31/12/2017	Thù lao HĐQT và BKS 2017.

(Đính kèm chi tiết Báo cáo tình hình quản trị công ty năm 2017)

3. Về hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc (viết tắt là BGD)

:

HDQT thường xuyên giám sát việc thực hiện các Nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHĐCĐ) và HDQT, giám sát các hoạt động của Ban giám đốc. HDQT đã chỉ đạo ban Giám đốc một số nội dung chính như sau :

- Xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2017 trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2017.
- Giám sát việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch do ĐHĐCĐ và HDQT đề ra.
- HDQT thường xuyên xem xét, đánh giá việc thực hiện kế hoạch kinh doanh và các chỉ tiêu kinh tế để có biện pháp chỉ đạo kịp thời BGD đáp ứng các yêu cầu về nguồn lực cho các hoạt động của Công ty.
- Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền, ...

4. Báo cáo chi phí thù lao của HDQT Công ty :

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị : 21.119.184 đồng/năm.
- Thành viên Hội đồng Quản trị (04 người) : 63.357.552 đồng/năm (15.839.388 đồng/người/năm).

Tổng số tiền thù lao năm 2017 : 84.476.736 đồng.

II. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA HDQT NHIỆM KỲ 2013-2017 :

1. Kết quả hoạt động giai đoạn 2013-2017 :

Tuy từ giữa năm 2013 nền kinh tế Việt Nam đã bắt đầu phục hồi, nhưng tổng cầu của nền kinh tế tăng chậm. Nền công nghiệp hỗ trợ chậm phát triển dẫn đến nhiều ngành công nghiệp khó tồn tại khi thực hiện lộ trình cắt giảm thuế quan, trước mắt là khu vực AEC.

Thị trường tài chính phát triển chưa thực sự đồng bộ, hệ thống ngân hàng thương mại đang trong giai đoạn tái cơ cấu phải đảm nhận phần lớn nguồn vốn ngắn hạn lẫn trung - dài hạn cho nền kinh tế nên vẫn đang gặp khó khăn.

Bộ máy hành chính công kênh, nhiều tầng nấc, kém hiệu quả chưa có giải pháp để tinh gọn, mà còn có khả năng tăng thêm trong các năm tới, khi triển khai các luật mới về tổ chức bộ máy Nhà nước.

Trong giai đoạn này thì từ năm 2015 bức tranh kinh tế của nước ta diễn biến khá tích cực, mở ra nhiều cơ hội phát triển bền vững trong những năm sau. Các chỉ báo về kinh tế vĩ mô như tăng trưởng, kiểm soát lạm phát, tỷ giá, thanh khoản của ngân hàng thương mại ... tiếp tục được cải thiện so với các năm trước.

Đối với đơn vị thì trong giai đoạn vừa qua gặp nhiều khó khăn, mất đi các lợi thế kinh doanh so với trước do sự biến động của thị trường, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đối thủ, áp lực về tài chính, thay đổi chính sách về khai thác khoáng sản ... đã ít nhiều ảnh hưởng tiêu cực đến hiệu quả hoạt động của các lĩnh vực :

Kinh doanh VLXD : Mặc dù đơn vị có lợi thế là đã có thị trường và thị phần ổn định, các khách hàng truyền thống luôn tin tưởng vào đơn vị. Tuy nhiên do phải đối mặt với các áp lực về doanh số mua vào, sản lượng bán ra, giảm giá bán để cạnh tranh, bố trí vốn cho các mặt hoạt động ... nên tùy từng thời điểm mà đơn vị phải điều chỉnh các

chính sách bán hàng, điều chỉnh giảm lợi nhuận trong kinh doanh, điều chỉnh các kế hoạch dài hạn để nhằm mục đích giữ thị trường, ổn định thị phần.

Thi công xây dựng : Lĩnh vực này có nhiều thuận lợi là qua quá trình hoạt động với phương châm đảm bảo chất lượng công trình, thi công đúng tiến độ, giá cả hợp lý ... nên đã tạo được sự tin tưởng của các chủ đầu tư ở lĩnh vực xây dựng dân dụng và công nghiệp; do được xác định là hoạt động chủ lực nên các hoạt động khác của đơn vị đã hỗ trợ rất tốt cho hoạt động này hoàn thành nhiệm vụ của mình. Ngoài ra thì trong giai đoạn này phải đối mặt với các vấn đề về sự biến động giá cả vật tư, vấn đề giải ngân quyết toán chậm, sự thay đổi bất thường của thời tiết, sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các đối thủ ... nên hiệu quả mang lại chưa đạt như kỳ vọng.

Khai thác cát : Ở hoạt động này đơn vị có lợi thế rất lớn do trong quá trình khai thác luôn chấp hành nghiêm chỉnh và đầy đủ các qui định của nhà nước về khai thác khoáng sản, có lượng khách hàng truyền thống đa dạng, giá bán ổn định, chứng từ nguồn gốc xuất xứ cát hợp pháp, ủng hộ rất tốt các chương trình xã hội tại địa phương ... nên đã mang lại hiệu quả rất tốt. Tuy nhiên, từ năm 2016, hoạt động này gặp nhiều khó khăn do nhà nước áp dụng thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (*thời gian thu từ năm 2014 đến khi mở hết thời hạn hoạt động*); đơn vị phải nộp tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tại 5 mỏ là trên 6 tỷ đồng (*đến cuối quý I/2017 phải nộp hoàn tất*), trong khi sản lượng tiêu thụ không tăng (do chất lượng cát giảm, tình trạng khai thác trái phép tràn lan) và giá cát bán cũng không thể tăng nên đã ảnh hưởng rất nhiều đến chỉ tiêu lợi nhuận của hoạt động này.

Nhìn chung trong giai đoạn 2013-2017, hoạt động kinh doanh của công ty trong giai đoạn này không có sự tăng trưởng nhiều, tuy không đạt được tiêu chí “ năm sau cao hơn năm trước ” nhưng vẫn hoàn thành tương đối kế hoạch hàng năm đã đề ra. Cụ thể như sau :

*** Doanh thu, lợi nhuận giai đoạn 2013-2017 :**

DVT : đồng

Năm	2013	2014	2015	2016	2017
Doanh thu	238.395.516.000	237.142.185.000	209.034.680.000	218.264.994.000	212.594.865.000
LNTT	10.845.265.000	11.351.034.000	7.524.687.000	7.880.704.000	6.391.349.000
Nộp NSNN	14.349.954.000	16.487.946.000	13.345.876.000	15.783.690.000	77.750.819.000

- Tổng doanh thu 5 năm (2013 - 2017) là 1.115,432 tỷ đồng (Chỉ tiêu kế hoạch là 1.211,922 tỷ đồng).

- Tổng lợi nhuận trước thuế 5 năm (2013 - 2017) là 43,993 tỷ đồng (Chỉ tiêu kế hoạch là 48,600 tỷ đồng).

- Tổng nộp NSNN 5 năm (2013 – 2017) là 77,75 tỷ đồng (Chỉ tiêu kế hoạch là 69,9 tỷ đồng)

*** Tỷ lệ cổ tức giai đoạn 2013-2017 :**

DVT : đồng

Chỉ tiêu	2013	2014	2015	2016	2017
Cổ tức	6.073.509.000	6.073.509.000	4.858.807.200	5.061.257.500	4.251.456.300
Vốn điều lệ	40.490.060.000	40.490.060.000	40.490.060.000	40.490.060.000	40.490.060.000
Lợi nhuận sau thuế	8.001.128.774	8.635.661.547	6.104.365.645	6.280.604.055	5.112.019.338
Cổ tức/VDL	15%	15%	12%	12,5%	10,5%
Cổ tức/LNST	75,9%	70,3%	79,6%	80,6%	83%

2. Những hoạt động chính của HĐQT nhiệm kỳ 2013-2017 :

a/ Hàng quý, HĐQT tiến hành họp định kỳ một lần, trong phiên họp, HĐQT nghe BGD báo cáo các vấn đề :

- Báo cáo tình hình hình thực hiện và kế hoạch sản xuất, kinh doanh, thi công xây dựng, v.v... định kỳ hàng tháng, quý, năm.
- Báo cáo tài chính định kỳ hàng quý, 6 tháng, 9 tháng, năm.
- Các báo cáo về công tác tổ chức, hành chính, nhân sự, v.v...

Theo đó, HĐQT đã kịp thời đưa ra những ý kiến đóng góp, chỉ đạo giúp BGD điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh mang lại hiệu quả cao nhất cho Công ty.

b/ Ngoài các nội dung trên, định kỳ hàng năm, HĐQT Công ty xem xét và thống nhất trình lên ĐHCĐ thường niên các vấn đề sau : Báo cáo HĐQT, Báo cáo Ban Kiểm soát, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, Phương án phân phối lợi nhuận, Thù lao của HĐQT và BKS, Kế hoạch tài chính năm kế tiếp và các nội dung khác thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông (viết tắt là ĐHCĐ). Bên cạnh đó, tùy từng thời kỳ và các giai đoạn phát triển khác nhau, HĐQT Công ty đã trình ĐHCĐ các vấn đề khác như :

- Bổ sung và sửa đổi Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty theo Nghị quyết ĐHCĐ
- Ban hành Quy chế Quản trị Công ty.
- Đăng ký bổ sung ngành nghề kinh doanh ...

c/ Thông qua và duyệt kế hoạch lao động tiền lương hàng năm

Với kết quả hoạt động SXKD đã đạt được, HĐQT nhiệm kỳ III (2013-2017) đã hoàn thành các nhiệm vụ của mình theo đúng tinh thần các nghị quyết ĐHCĐ, các quy định tại Điều lệ, quy định hiện hành của pháp luật; tạo được niềm tin với cổ đông; giữ vững uy tín thương hiệu Công ty trên thương trường; xây dựng và phát huy văn hóa doanh nghiệp.

III. PHƯƠNG HƯỚNG HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NHIỆM KỲ 2018-2022 :

1. ĐỊNH HƯỚNG CHUNG :

Định hướng chung của Nhà nước trong thời gian tới là tiếp tục ổn định kinh tế vĩ mô, tạo chuyển biến rõ nét, thực chất trong thực hiện các đột phá chiến lược, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với đổi mới mô hình tăng trưởng, nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh; khuyến khích đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp, phát triển doanh nghiệp, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế... ổn định cho sự phát triển đất nước.

Chính phủ đã cảm nhận và nhận thức rõ ràng về diễn biến của cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ 4. Tuy nhiên, tận dụng cơ hội hay giảm thiểu thách thức đòi hỏi sự nhận thức, sự tích hợp bối cảnh mới vào chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương; và đưa ra các giải pháp cụ thể, kế hoạch hành động và tổ chức thực hiện các giải pháp nhằm làm cho cuộc cách mạng 4.0 trở thành cơ hội của nền kinh tế, đem lại lợi ích cho các ngành và doanh nghiệp thay vì thách thức và các phí tổn cho ngành và doanh nghiệp.

Trên cơ sở định hướng phát triển chung của tỉnh, tình hình thị trường và năng lực hoạt động của đơn vị, HĐQT Công ty xác định phương hướng hoạt động SXKD theo tinh thần thận trọng và chắc chắn, tiến hành các giải pháp như : rà soát, tái cấu trúc các lĩnh vực hoạt động, nâng cao năng lực cạnh tranh, xây dựng chính sách trả lương theo năng suất lao động, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn; phát huy những thành quả đạt được; song song đó là phân tích, đánh giá những tồn tại, hạn chế trong những năm qua để tập trung thực hiện hoàn thành kế hoạch 2018, nhiệm kỳ 2018-2022 và quan trọng nhất là đáp ứng được kế hoạch phát triển bền vững của đơn vị.

2. PHÂN TÍCH SWOT :

a. Điểm mạnh :

- Là thương hiệu có uy tín trên thị trường Bến Tre trong lĩnh vực kinh doanh - sản xuất VLXD, thi công xây dựng - san lấp mặt bằng.
- Nguồn lực tài chính đảm bảo yêu cầu sản xuất kinh doanh và phát triển bền vững.
- Có đầy đủ hệ thống kho tàng, bến bãi, phương tiện vận tải, thiết bị thi công.
- Lực lượng nhân sự ổn định, có trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tay nghề cao và gắn bó chặt chẽ với đơn vị; đội ngũ kỹ sư trong lĩnh vực xây dựng có đủ các chuyên ngành và có đủ nhân sự cùng lúc đảm nhận cùng lúc nhiều công trình lớn.
- Hệ thống các cửa hàng đại lý và đối tác rộng khắp trên địa bàn toàn tỉnh.

b. Điểm yếu :

- Cơ chế hoạt động chưa linh động, chưa đáp ứng yêu cầu của thị trường. Việc phối hợp giữa các bộ phận chưa tốt làm ảnh hưởng đến kế hoạch chung của Công ty.
- Bộ máy công kênh, năng suất lao động thấp.
- Một bộ phận không nhỏ trong đội ngũ lao động có tinh thần trách nhiệm kém. Chưa lấy mức độ hài lòng của khách hàng làm thước đo hiệu quả công việc.

c. Cơ hội :

- UBND tỉnh Bến tre xác định năm 2018 sẽ là năm “ tăng tốc “ với mục tiêu đạt tốc độ tăng trưởng GRDP là 7%, tiếp tục đẩy mạnh tăng thu nhập, chuyển dịch cơ cấu cả 3 khu vực, đặc biệt là nâng tỷ trọng khu vực công nghiệp – xây dựng trên 20%. Đặc biệt là Tỉnh sẽ tiến hành đầu tư Khu Công nghiệp Phú Thuận, Cụm công nghiệp Phong Năm, ... và hạ tầng giao thông để kêu gọi các nhà đầu tư.

- TP Bến Tre triển khai dự án cải tạo và nâng cấp đô thị từ nguồn vốn vay WB để sớm đạt các tiêu chí nâng TP Bến Tre thành đô thị loại II.

d. Nguy cơ :

- Chính sách bán hàng trả chậm dễ dẫn đến tình trạng bị chiếm dụng vốn và làm chậm khả năng quay vòng vốn kinh doanh.

- Các nhà sản xuất vì mục tiêu chiếm lĩnh thị trường, gia tăng thị phần sẽ gây áp lực với đơn vị nhằm tăng sản lượng tiêu thụ ... trong khi vẫn áp dụng các chính sách này với các nhà phân phối khác, việc này dẫn đến tình trạng cạnh tranh gay gắt, ngày càng khốc liệt và thiếu lành mạnh giữa các nhà phân phối khác với đơn vị trên thị trường Bến Tre.

- Việc điều chỉnh các chính sách của Nhà nước liên quan đến thuế và các khoản thu về ngân sách ảnh hưởng rất nhiều đến hiệu quả kinh doanh của đơn vị.

- Hoạt động thi công xây dựng chiếm hơn 50% doanh thu, 70% lợi nhuận của đơn vị nhưng lại phụ thuộc rất nhiều ở việc bố trí vốn của Nhà nước và việc đấu thầu nên không có tính ổn định.

3. MỤC TIÊU CHIẾN LƯỢC :

Trên cơ sở phân tích tình hình trên, HDQT, BGD Công ty xác định vị thế, mục tiêu, chiến lược và phương hướng phát triển trong thời gian tới là :

a/ Tầm nhìn :

Trở thành doanh nghiệp có qui mô doanh thu hàng đầu tại Bến Tre và tỉnh lân cận trong ngành xây dựng và phát triển dự án.

b/ Sứ mệnh :

Cung cấp sản phẩm xây dựng và dự án có chất lượng tốt, giá cả hợp lý, đáp ứng tốt nhu cầu của thị trường Bến Tre và các tỉnh lân cận.

c/ Giá trị cốt lõi :

- Đồng tâm hiệp lực;
- Chăm trọng vững vàng;
- Phát triển bền vững;

d/ Các mục tiêu chủ yếu :

- Phát triển SXKD, đảm bảo doanh thu và lợi nhuận của Công ty, tạo niềm tin cho cổ đông hiện hữu để làm tiền đề thu hút vốn đầu tư.

- Đảm bảo chất lượng sản phẩm, bảo vệ thương hiệu, uy tín của đơn vị trong tỉnh, hướng đến mở rộng kinh doanh ra thị trường các tỉnh lân cận.

- Nghiên cứu, phát triển ngành nghề SXKD mới phù hợp với năng lực nội tại nhằm mở rộng quy mô hoạt động, nâng cao hiệu quả hoạt động, nâng cao tầm vóc Công ty.

e/ Các mục tiêu phát triển bền vững :

- Kiểm soát chặt chẽ đầu vào lẫn đầu ra của các sản phẩm có yếu tố gây hại đến sức khỏe con người. Quản lý thi công công trình không để xảy ra trường hợp thất thoát nguyên vật liệu, phế phẩm ra môi trường.

- Nghiên cứu đầu tư trang thiết bị nhằm hạn chế tối đa các chất thải độc hại trong quá trình sản xuất; đảm bảo không gây tác động tiêu cực đến môi trường và sức khỏe người lao động.

- Công tác PCCC được chú trọng để đảm bảo an toàn cho hàng hóa và con người.

- Chính sách lương, thưởng, chăm sóc sức khỏe, đời sống của người lao động được xây dựng thành bộ quy chế nhằm có sự minh bạch, đảm bảo tính công bằng và tạo được sự gắn bó giữa Công ty với người lao động.

- Tham gia đầy đủ các chương trình xã hội do địa phương phát động.

f/ Các mục tiêu phát triển trung và dài hạn :

- **Trong tương lai gần** : Thực hiện hiệu quả việc cung cấp vật tư cho các công trình trọng điểm trong địa bàn tỉnh Bến Tre, xây dựng thương hiệu trong lĩnh vực thi công, trở thành chủ đầu tư dự án tin cậy và có uy tín tại địa ph

ương.

- **Trong dài hạn** : Mở rộng địa bàn hoạt động ra các tỉnh lân cận. Chính sách sản phẩm và dịch vụ có chất lượng cao là chiến lược then chốt và chủ đạo của Công ty.

4. KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN CHO GIAI ĐOẠN 5 NĂM (2018-2022)

a/ Các giải pháp :

- **Một là cơ cấu lại lĩnh vực hoạt động** : Tiến hành điều tra nghiên cứu thị trường, phân tích, đánh giá khả năng tăng trưởng, hiệu quả phát triển bền vững, phù hợp với định hướng phát triển của Nhà nước, đáp ứng được nhu cầu của thị trường ... theo đó thì lĩnh vực, mặt hàng nào không hiệu quả thì thu hẹp hoặc chấm dứt hoạt động. Song song đó là sắp xếp, tinh gọn lại bộ máy tổ chức cho phù hợp với tình hình mới; chú trọng bố trí theo hướng nhân sự được phân công nhiệm vụ phải có năng lực, trình độ chuyên môn, ý thức trách nhiệm với công việc, có tinh thần cầu tiến ... và quan trọng nhất là phù hợp với định hướng phát triển của Công ty.

- **Hai là tăng cường năng lực cạnh tranh** : Đơn vị nhận thấy, đây là động lực cho sự phát triển, thúc đẩy đơn vị tìm ra những biện pháp nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và quyết định vị trí của doanh nghiệp trên thị trường thông qua thị phần của doanh nghiệp so với đối thủ cạnh tranh. Do vậy, để nâng cao năng lực cạnh tranh trong tình hình như hiện nay thì có rất nhiều việc phải làm, trong đó có một số nội dung sau :

+ **Đổi mới cơ cấu tổ chức quản lý** : Xác định rõ chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận; có sự phân biệt tương đối về tính chất, công việc của các bộ phận, tránh sự chồng chéo, tạo điều kiện cho người lao động tập trung đầu tư chuyên sâu và đảm bảo sự hoạt động của các bộ phận đúng chức năng, nhiệm vụ và có sự phối hợp nhịp nhàng.

Đồng thời Công ty sẽ tiếp tục công tác quản lý doanh nghiệp theo tiêu chuẩn hệ thống ISO 9001:2015 nhằm mục đích nâng cao chất lượng quản lý doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh nhất là cải tiến cung cách phục vụ, chăm sóc khách hàng, hướng đến sự hài lòng, thỏa mãn của khách hàng đối với các sản phẩm và dịch vụ mà Công ty cung cấp; phục vụ công tác quản lý một cách khoa học, hiệu quả và mở ra nhiều cơ hội mới giúp Công ty phát triển bền vững.

+ **Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực** : Tiến hành sắp xếp, bố trí hợp lý đội ngũ nhân sự. Chú trọng phát hiện người có năng lực để bố trí vào những công việc phù hợp với ngành nghề, trình độ và năng lực sở trường. Bổ sung những nhân sự đủ tiêu chuẩn, có triển vọng phát triển, đồng thời thay thế những nhân sự không đủ năng lực, không đủ tiêu chuẩn. Song song đó là tiêu chuẩn hóa các chức danh, nhiệm vụ để phù hợp và đáp ứng được yêu cầu phát triển trong từng thời kỳ. Áp dụng cơ chế bổ sung, đào thải nhân lực để duy trì đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên giỏi chuyên môn nghiệp vụ nhằm đáp ứng yêu cầu đơn vị.

+ **Tăng cường hoạt động marketing** : Tăng cường công tác nghiên cứu thị trường, hoàn thiện chiến lược SXKD, chiến lược phân phối và tổ chức lại mạng lưới bán hàng. Chú trọng công tác nắm bắt thông tin thị trường, kết hợp chia sẻ thông tin với các đối tác chiến lược để thực hiện tốt hơn công tác dự báo về các biến động của thị trường.

+ **Giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm** : Kích thích khả năng sáng tạo, phát huy trí tuệ của từng cá nhân và tập thể tự giác nâng cao trình độ chuyên môn, trình độ tay nghề nhằm tìm cách tối thiểu hóa chi phí sản xuất, đặc biệt là chi phí nguyên liệu, chi phí quản lý; sử dụng hiệu quả phương tiện, thiết bị sẵn có; đẩy mạnh việc đầu tư và thay thế một số loại phương tiện, thiết bị ... cho năng suất thấp, hoạt động không hiệu quả.

+ **Xây dựng và phát triển thương hiệu** : Để xây dựng một thương hiệu được khách hàng tin cậy thì cần phải hiểu rõ nhu cầu, thị hiếu và đáp ứng tối đa nhu cầu của khách hàng, luôn lấy sự hài lòng của khách hàng làm trọng tâm cho mọi hoạt động.

- **Ba là tăng năng suất lao động** : Trên cơ sở cơ cấu lại hoạt động SXKD, tiến hành sắp xếp, bố trí lại lực lượng lao động theo hướng tinh gọn. Song song đó, nhằm để người lao động an tâm công tác, tập trung phát huy năng lực, tích cực hoàn thành nhiệm vụ được giao và cũng để các kế hoạch SXKD, các chính sách hàng mang lại hiệu quả thì đơn vị sẽ tiến hành xây dựng phương án trả lương mới theo hướng làm theo năng lực, hưởng theo năng suất. Việc điều chỉnh phương án trả lương ngoài việc đảm bảo quyền lợi, lợi ích chính đáng của người lao động mà còn đảm bảo cho các chủ trương, chính sách bán hàng, các kế hoạch SXKD của đơn vị được thực thi một cách tốt nhất.

- **Bốn là nâng cao hiệu quả sử dụng vốn** : Để đạt được mục tiêu tăng trưởng và tối đa hoá lợi nhuận thì việc nâng cao hiệu quả sử dụng vốn phải được xem là nhiệm vụ then chốt. Cụ thể :

+ Xây dựng cơ chế quản lý, sử dụng vốn trong SXKD, kiểm tra, đẩy mạnh thu hồi công nợ một cách thường xuyên. Tuân thủ nghiêm túc quy tắc quản lý tài chính, xây dựng biện pháp tăng nhanh vòng quay của vốn lưu động.

+ Rà soát lại những bất động sản mà Công ty đã đầu tư. Cái gì khai thác được thì sớm đưa vào khai thác; cái gì không khai thác được thì tiến hành bán để đưa vốn phục vụ hoạt động chính của Công ty.

+ Khai thác nguồn vốn một cách có hiệu quả, không để vốn nhàn rỗi gây lãng phí; sử dụng vốn đúng mục đích, tiết kiệm ... do vậy khi đầu tư sẽ có sự cân nhắc, tính toán để xác định đúng thời điểm, quy mô, lộ trình sử dụng vốn để đem lại hiệu quả cao nhất với chi phí thấp nhất.

+ Có kế hoạch quản lý, phân bổ sử dụng vốn hợp lý theo từng thời điểm và từng lĩnh vực hoạt động để giảm áp lực không cần thiết.

Đây là những yếu tố có ảnh hưởng rất lớn đến hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp liên quan đến vấn đề bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp, thực hiện được những yêu cầu trên tức là doanh nghiệp sẽ nâng cao hiệu quả hoạt động của mình.

b/ Kế hoạch phát triển :

Với định hướng tôn trọng quá khứ, cần trọng trong hiện tại, vững bước tiến đến tương lai, HĐQT Công ty đề ra kế hoạch phát triển cho giai đoạn 5 năm 2018 - 2022 như sau :

- Duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định qua các năm, cụ thể doanh thu tăng trưởng bình quân 5% và lợi nhuận là 6%.

- Tiếp tục nghiên cứu, sản xuất các nhóm vật liệu xây dựng mới để nâng cao giá trị gia tăng hàng hóa đơn vị kinh doanh, từng bước mở rộng thị trường ra các khu vực lân cận.

- Chú trọng phát triển và mở rộng các hoạt động đóng góp tỷ trọng lớn trong tổng lợi nhuận của toàn Công ty như hoạt động thi công xây dựng và san lấp mặt bằng, v.v...

- Tiếp tục thực hiện các gói giải pháp cần trọng trong tình hình thị trường vẫn còn nhiều khó khăn như hiện nay như : xem xét, chọn lọc các đối tác có đủ tiềm lực kinh tế và uy tín trên thương trường, kiểm soát chặt chẽ tình hình công nợ, v.v...

- Không ngừng nâng cao năng lực thi công, sản xuất, tài chính để tự thực hiện đầu tư các dự án khu dân cư, khu tái định cư.

c/ Các chỉ tiêu kế hoạch nhiệm kỳ 2018-2022 :

- Các hoạt động SXKD :

DVT : Triệu đồng

TT	Nội dung	Kế hoạch dự kiến diễn biến qua các năm									
		2018	2018/ 2017	2019	2019/ 2018	2020	2020/ 2019	2021	2021/ 2020	2022	2022/ 2021
A	B	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)
1	Vốn điều lệ	40.490	100%	40.490	100%	40.490	100%	40.490	100%	40.490	100%
2	Vốn chủ sở hữu	58.710	100%	58.710	100%	58.710	100%	58.710	100%	58.710	100%
3	Tổng doanh thu	225.000	106%	239.000	106%	253.000	106%	268.000	106%	284.000	106%
a	DT bán hàng & CC dịch vụ	221.480	106%	235.000	106%	250.000	106%	265.000	106%	280.000	106%
b	DT HĐTC	20	118%	21	105%	22	105%	23	105%	24	105%
c	Thu nhập #	3.500	84%	3.700	106%	3.900	105%	4.100	105%	4.300	105%
4	LNTT	6.600	103%	6.800	103%	7.000	103%	7.200	103%	7.400	103%
5	LNST	5.200	102%	5.300	102%	5.400	102%	5.500	102%	5.600	102%
6	Nộp NSNN	18.400	103%	19.000	103%	19.600	103%	20.200	103%	20.800	103%
7	Tiền lương bình quân/người/tháng	5.700	106%	6.000	105%	6.300	105%	6.600	105%	6.800	103%
8	TL cổ tức/VĐL	11,5%	115%	12%	104%	12,5%	104%	13%	104%	13,5%	104%

9	Tỷ suất LNST/										
	-Vốn CSH	8,86%	102%	9,03%	102%	9,2%	102%	9,37%	102%	9,54%	102%
	-Vốn điều lệ	12,84%	147%	13,09%	102%	13,34%	102%	13,58%	102%	13,83%	102%
	-Doanh thu	2,31%	18%	2,22%	96%	2,13%	96%	2,05%	96%	1,97%	96%

(Ghi chú : Kế hoạch 2018-2022 dự kiến tăng trưởng 6% đối với doanh thu, 5% đối với LNTT)

- Về hoạt động đầu tư và các hoạt động khác :

+ Triển khai thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Khu Tái định cư Phú Tân – giai đoạn 1 (phường Phú Tân, TP Bến Tre) và tiếp tục thực hiện giai đoạn 2.

+ Triển khai thực hiện dự án Đầu tư xây dựng Chợ Mỹ Thạnh An (xã Mỹ Thạnh An, TP Bến Tre).

+ Thực hiện Đầu tư xây dựng Khu Tái định cư Mỹ Thạnh An mở rộng.

- + Tham gia đấu giá quyền khai thác các mỏ cát.
- + Lựa chọn công nghệ phù hợp để đầu tư Nhà máy sản xuất gạch không nung công suất 10 triệu viên/năm.
- + Đầu tư phương tiện vận tải thủy (sà lan tự hành) có công suất vận chuyển 750 m³/chuyến.
- + Rà soát bất động sản công ty đã đầu tư và thực hiện bán bớt hoặc nâng cao hiệu quả sử dụng.

Trên đây là báo cáo về Hoạt động của HĐQT về thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ năm 2017, tổng kết nhiệm kỳ 2013-2017 và phương hướng nhiệm kỳ 2018-2022.

Kính trình với Đại hội !

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN QUỐC THÔNG

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2013 - 2017 VÀ KẾ HOẠCH NHIỆM KỲ 2018 – 2022

I. TỔNG KẾT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2013 - 2017

1. Các cuộc họp của Ban kiểm soát trong giai đoạn 2013 - 2017

Ban kiểm soát (*sau đây viết tắt là BKS*) bao gồm 03 thành viên, hàng quý BKS tổ chức họp 01 lần (mỗi năm 04 cuộc họp), mỗi cuộc họp đều đầy đủ 03 thành viên, đạt tỷ lệ 100%.

2. Kết quả giám sát tình hình hoạt động tài chính của công ty giai đoạn 2013 - 2017

- Trong giai đoạn 2013 – 2017, Báo cáo tài chính của Công ty được lập theo các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành.

- Các báo cáo tài chính năm được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES tại TP. Hồ Chí Minh là đơn vị kiểm toán được UBCKNN chấp thuận trong danh sách công ty kiểm toán cho các tổ chức phát hành và niêm yết.

- Ý kiến của kiểm toán viên về các Báo cáo tài chính qua các năm của Công ty là ý kiến chấp nhận toàn bộ. Các Báo cáo tài chính năm đã phản ánh một cách trung thực, hợp lý tình hình tài chính tại ngày 31/12 hàng năm, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ phù hợp với chuẩn mực chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan.

3. Kiểm soát hoạt động của Hội đồng Quản trị giai đoạn 2013 - 2017

- Giai đoạn 2013 – 2017, Hội đồng quản trị (*sau đây viết tắt là HĐQT*) đã họp và ban hành các quyết định, Nghị quyết đề Giám đốc có cơ sở triển khai tổ chức thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm.

- Về trình tự, thủ tục: HĐQT thực hiện theo đúng quy định Pháp luật và Điều lệ Công ty. Nội dung các cuộc họp và các vấn đề cần thảo luận được bàn bạc dân chủ, các quyết định của HĐQT có sự thống nhất cao của các thành viên.

4. Kiểm soát hoạt động của Ban điều hành giai đoạn 2013 - 2017

- Về thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh: nền kinh tế Việt Nam qua các năm có nhiều chuyển biến tích cực tạo nền tảng cho công tác tổ chức kinh doanh của Ban điều hành. Kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm đều đạt thành tích đáng khích lệ.

- Về công tác quản lý điều hành: Trong giai đoạn 2013 - 2017, Ban điều hành đã xây dựng nhiều chiến lược kinh doanh hiệu quả và đa dạng. Bên cạnh việc khẳng định chất lượng sản phẩm dịch vụ, các chiến lược đầu tư sản phẩm mới cũng được Ban điều hành chú trọng. Bên cạnh đó, công tác kiện toàn cơ cấu tổ chức, nhân sự của công ty nhằm tạo tính ổn định, làm nền tảng cho việc quản trị công ty ngày càng hiệu quả cũng là vấn đề được Ban điều hành qua tâm đúng mực.

5. Báo cáo chi phí thù lao của Ban kiểm soát Công ty:

- Trưởng Ban kiểm soát: 15.839.388 đồng/năm.
- Kiểm soát viên (02 người): 10.559.592 đồng/người/năm.

II. BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ SỰ PHỐI HỢP GIỮA BAN KIỂM SOÁT VÀ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ CỔ ĐÔNG NHIỆM KỲ 2013 - 2017:

Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị trên tinh thần hợp tác đã phối hợp kịp thời trong những trường hợp cần thiết để hoạt động công ty vừa được tiến hành đúng quy định của pháp luật vừa đáp ứng được yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông. Trong thời gian tới sự phối hợp giữa Ban kiểm soát và Hội đồng quản trị sẽ còn được cải thiện và gắn kết chặt chẽ hơn.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ:

Nhiệm kỳ tới (2018 – 2022), Ban Kiểm soát sẽ tiếp tục thực hiện nhiệm vụ việc thay mặt cổ đông thường xuyên kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Định kỳ hàng quý, Ban Kiểm soát sẽ tiến hành kiểm tra, phân tích, đánh giá các hoạt động của Công ty thông qua các Báo cáo tài chính, đồng thời kiểm tra đánh giá các hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và có trách nhiệm báo cáo trước toàn thể Đại hội đồng cổ đông.

Trong hoạt động của mình, để đạt được hiệu quả tốt nhất, Ban Kiểm soát sẽ phải nỗ lực nhiều hơn nữa và rất mong sẽ tiếp tục nhận được sự hỗ trợ của các quý vị cổ đông cũng như của Hội đồng quản trị, sự hợp tác và phối hợp của Ban Giám đốc và các bộ phận nghiệp vụ trong Công ty.

Để thực hiện tốt vai trò của Ban kiểm soát, Ban Kiểm soát có một vài kiến nghị như sau:

- Tiếp tục cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý và nhân sự cho phù hợp hơn nữa đối với sự phát triển trong tương lai của Công ty;

- Có kế hoạch cụ thể hơn trong công tác triển khai sản xuất kinh doanh, mở rộng thị trường, gia tăng các dự án thi công. Đồng thời khuyến khích cán bộ công nhân viên phát huy truyền thống đề xuất sáng kiến mới trong kinh doanh.

- Xây dựng kế hoạch chi tiết về tài chính, cân đối giữa nguồn vốn vay và vốn tự có, trong trường hợp cần thiết có thể huy động thêm vốn để tài trợ cho các dự án nhằm mở rộng quy mô hoạt động của công ty.

IV. KẾ HOẠCH CÔNG TÁC CỦA BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 - 2022

- Thực hiện đầy đủ chức năng nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định tại Điều lệ công ty và Pháp luật Nhà nước.
- Triển khai công tác kiểm tra, giám sát định kỳ theo quy định.
- Ban kiểm soát tiếp tục duy trì, phối hợp tốt với HĐQT, Ban Giám Đốc và các phòng ban trong công ty để công tác kiểm tra, kiểm soát ngày càng hoàn thiện.

Trên đây là báo cáo của Ban Kiểm soát, kính trình Đại hội đồng cổ đông nhiệm kỳ 2018 – 2022.

Trân trọng kính chào !

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. BAN KIỂM SOÁT

TRƯỞNG BAN



VÕ BÁ TRẮC



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính đã kiểm toán năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 14 Điều lệ Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre quy định quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông về việc thông qua Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm của Công ty.

Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông biểu quyết thông qua Báo cáo tài chính năm 2017 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - VIETVALUES (đính kèm toàn văn Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017).

Kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT**



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Kết quả sản xuất kinh doanh và Phân phối lợi nhuận năm 2017

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Căn cứ Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2017 của Công ty, Hội đồng quản trị kinh trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua kết quả hoạt động kinh doanh 2017, phương án trích lập quỹ và chia cổ tức như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2017
1	Tổng doanh thu	Đồng	212.594.865.307
2	Thuế TNDN phải nộp	Đồng	1.279.330.080
3	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.391.349.418
4	Lợi nhuận sau thuế	Đồng	5.112.019.338
5	Chi thù lao HĐQT, BKS (không điều hành)	Đồng	95.036.382
6	Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	Đồng	784.873.211
7	Tổng lợi nhuận còn lại phân phối	Đồng	4.232.109.745
8	Lợi nhuận giữ lại năm trước	Đồng	19.346.555
9	Cổ tức (*)	(10,5%/VĐL)	4.251.456.300
10	Lợi nhuận giữ lại	Đồng	0

(*) Ủy quyền cho HĐQT lựa chọn thời gian phù hợp thực hiện chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông công ty theo đúng quy định.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



PHAN QUỐC THỐNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 và phân phối lợi nhuận năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công Ty Cổ Phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 như sau:

STT	Nội dung	ĐVT	Năm 2018
1	Tổng doanh thu	Đồng	225.000.000.000
2	Lợi nhuận trước thuế	Đồng	6.600.000.000
3	Cổ tức	%	11,5%

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: **Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 và Kế hoạch
thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre
Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua các vấn đề sau:

1. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2017 như sau:

- Chủ tịch Hội đồng quản trị	:	21.119.184 đồng/năm
- Thành viên Hội đồng quản trị	:	15.839.388 đồng/người/năm
- Trưởng Ban kiểm soát	:	15.839.388 đồng/năm
- Thành viên Ban kiểm soát	:	10.559.592 đồng/người/năm
Tổng số tiền thù lao năm 2017	:	121.435.308 đồng

2. Thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát năm 2018 đề nghị như sau:

2.1 Thù lao Hội đồng quản trị và các thành viên BKS là: 2,5% lợi nhuận sau thuế thực hiện và trích quỹ thưởng HĐQT và BKS là 10% LNST vượt kế hoạch nhưng không quá 500 triệu đồng.

2.2 Lương của Trưởng ban kiểm soát chuyên trách là: 10 triệu đồng/tháng

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH HĐQT



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Ủy quyền Hội đồng quản trị chọn đơn vị kiểm toán BCTC năm 2018 của công ty có trong danh sách các công ty kiểm toán và kiểm toán viên được chấp thuận kiểm toán cho đơn vị có lợi ích công chúng năm 2018 do UBCKNN công bố.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: **Bổ sung ngành nghề kinh doanh**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

- Căn cứ Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức hoạt động Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre;
- Căn cứ tình hình hoạt động công ty.

Để mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty, Hội đồng quản trị công ty kính trình Đại hội cổ đông thông qua việc bổ sung ngành nghề kinh doanh, cụ thể như sau:

- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: **Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác, mã ngành 7730**
- Bổ sung ngành nghề kinh doanh: **Kinh doanh, khai thác, đầu tư xây dựng chợ, mã ngành 4710**

Đại hội cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị thực hiện các thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp với Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bến Tre.

Nay kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn!

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỖ TỊCH



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: Sửa đổi Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Căn cứ Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017.
- Căn cứ Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017.
- Căn cứ Điều lệ của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

Hội đồng quản trị kính trình Đại hội đồng cổ đông về việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty như sau:

Trên cơ sở rà soát Điều lệ Công ty, Hội đồng quản trị nhận thấy một số điều khoản tại Điều lệ và Quy chế quản trị nội bộ Công ty cần được xem xét sửa đổi, bổ sung phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và điều hành.

Dự thảo Điều lệ tổ chức hoạt động công ty và Quy chế quản trị nội bộ công ty được đính kèm tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 của công ty. Quý cổ đông có thể tham khảo tại Tài liệu Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2018 được đăng tại website www.vlxdbentre.com

Các quy định của Điều lệ Công ty được sửa đổi, bổ sung và Quy chế quản trị nội bộ công ty sẽ có hiệu lực áp dụng từ ngày được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Kính trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Xin chân thành cảm ơn

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018



PHAN QUỐC THÔNG



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
Địa chỉ: Số 12, Đường số 1, Ấp An Thuận A, Xã Mỹ Thạnh An, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
ĐT: (0275) 3822 315 Fax: (0275) 3822 319 Website: www.vlxdbentre.com

TỜ TRÌNH

V/v: **Bầu cử Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022**

Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Hội đồng quản trị Công ty kính trình Đại hội cổ đông nhiệm kỳ 2018 - 2022 các nội dung sau:

- I. Số lượng bầu thành viên HĐQT: 05 người, Số lượng bầu thành viên BKS: 03 người
- II. Danh sách ứng viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2018 – 2022 gồm có:
 1. Phan Quốc Thông
 2. Mai Thị Thanh Thủy
 3. Nguyễn Thanh Huy
 4. Lê Đình Nhiên
 5. Phan Trọng Tài
 6. Nguyễn Văn Thạnh
- III. Danh sách ứng viên Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018 – 2022 gồm có:
 1. Đỗ Thị Kim Anh
 2. Huỳnh Hữu Phúc
 3. Lê Thị Kim Nướng

Kính trình quý vị cổ đông xem xét thông qua.

Xin chân thành cảm ơn.

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH
CÔNG TY
CỔ PHẦN
VẬT LIỆU XÂY DỰNG
BẾN TRE
TP. BẾN TRE - BẾN TRE

PHAN QUỐC THÔNG

QUY CHẾ ĐỀ CỬ, ỨNG CỬ, BẦU CỬ HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN KIỂM SOÁT NHIỆM KỲ 2018 - 2022

Căn cứ:

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được quốc hội Nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua tại khóa XIII, kỳ họp thứ 8 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre.

HDQT trình ĐHĐCĐ Quy chế đề cử, ứng cử và bầu cử Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát nhiệm kỳ 2018-2022 tại Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre như sau:

I. Giải thích thuật ngữ/từ ngữ viết tắt

- Công ty : Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre
- HDQT : Hội đồng quản trị
- BKS : Ban kiểm soát
- BTC : Ban tổ chức Đại hội
- ĐHĐCĐ : Đại hội đồng cổ đông
- Đại biểu : Cổ đông, người đại diện (người nhận ủy quyền)

II. Chủ tọa tại Đại hội

Chủ tọa tại đại hội có trách nhiệm chủ trì việc bầu cử với những việc cụ thể là:

- Giới thiệu danh sách đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát
- Giải quyết các khiếu nại về cuộc bầu cử (nếu có)

III. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm thành viên HDQT

1. Số lượng thành viên HDQT : 05 người (trong đó có tối thiểu 01 thành viên HDQT độc lập)
2. Nhiệm kỳ : 2018 - 2022
3. Số lượng ứng viên HDQT tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Hội đồng quản trị (Theo khoản 1 Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13)
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13;
 - Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty;

- Thành viên Hội đồng quản trị không được là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của Giám đốc, Tổng giám đốc và người quản lý khác của công ty; không được là người có liên quan của người quản lý, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ.

5. Tiêu chuẩn TV HĐQT độc lập (*căn cứ Khoản 2, Điều 151 Luật Doanh nghiệp 68/2014/QH13*) như sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty, không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
- Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT được hưởng theo quy định.
- Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty.
- Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết của công ty.
- Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT, BKS của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

IV. Số lượng, nhiệm kỳ và tiêu chuẩn làm Kiểm soát viên

1. Số lượng thành viên của BKS : 03 người
2. Nhiệm kỳ : 2018 - 2022
3. Số lượng ứng viên BKS tối đa : Không hạn chế
4. Tiêu chuẩn ứng cử viên tham gia Ban kiểm soát (*Theo Điều 164 của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13*)
 - Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ và không thuộc đối tượng bị cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật doanh nghiệp 68/2014/QH13;
 - Không phải là vợ hoặc chồng, cha đẻ, cha nuôi, mẹ đẻ, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và người quản lý khác;
 - Không được giữ các chức vụ quản lý công ty; không nhất thiết phải là cổ đông hoặc người lao động của công ty;
 - Phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.

V. Nguyên tắc bầu cử

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

- Ban kiểm phiếu do chủ tọa đề cử và được đại hội thông qua. Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

VI. Qui định đề cử thành viên Hội đồng quản trị (Theo Điều 24 Điều lệ)

Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa 06 (sáu) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa 07 (bảy) ứng viên; và từ 80% trở lên được đề cử tối đa 08 (tám) ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo một cơ chế do công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

VII. Qui định đề cử thành viên Ban kiểm soát (Theo Điều 32 Điều lệ)

Các cổ đông có quyền gộp số phiếu biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Ban Kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử 01 (một) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa 02 (hai) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa 03 (ba) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa 04 (bốn) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa 05 (năm) ứng viên.

VIII. Hồ sơ tham gia đề cử để bầu vào HĐQT và BKS

1. Hồ sơ đề cử vào HĐQT và BKS

(Mẫu biểu được đăng tải trên website của Công ty theo địa chỉ: www.vlxdentre.com)

- Đơn xin đề cử vào HĐQT và BKS *(theo mẫu)*
- Sơ yếu lý lịch ứng viên *(theo mẫu)*
- Bản sao các giấy tờ sau: CMND/Thẻ căn cước/Hộ chiếu/Hộ khẩu thường trú
- Các bằng cấp chứng nhận về trình độ văn hóa và trình độ chuyên môn
- Giấy tờ xác nhận tỷ lệ sở hữu của cổ đông/ nhóm cổ đông đáp ứng điều kiện đề cử theo Quy chế này quy định *(theo mẫu)*

Người đề cử vào HĐQT và BKS phải chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội cổ đông về tính chính xác, trung thực về nội dung trong hồ sơ của mình.

2. Địa điểm và thời hạn nhận hồ sơ đề cử

Để tạo điều kiện cho công tác tổ chức Đại hội, các ứng viên vui lòng gửi hồ sơ về trước **15h ngày 08/06/2018**

Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre

Địa chỉ: 12, Đường số 1, ấp An Thuận A, xã Mỹ Thạnh An, tp. Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Điện thoại: (0275) 3822 315 - Fax: (0275) 3822 319

Liên hệ: Bà Nguyễn Thị Kim Thi (ĐT: 0946 537 319)

Nếu trong trường hợp các ứng cử viên được các nhóm cổ đông đề cử ngay tại Đại hội, vui lòng gửi hồ sơ đề cử về cho Thư ký Đại hội trước khi tiến hành bầu cử.

IX. Danh sách ứng cử viên

- Dựa vào Hồ sơ đề cử của các cổ đông, nhóm cổ đông và các hồ sơ kèm theo của các ứng viên, Thư ký Đại hội sẽ lập Danh sách các ứng cử viên đáp ứng đủ điều kiện quy định để bầu HĐQT và BKS.
- Danh sách ứng cử viên HĐQT và BKS được sắp xếp theo thứ tự ABC theo tên, ghi đầy đủ họ và tên trên phiếu bầu.

X. Phương thức bầu cử:

- Thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu (*Theo khoản 3 Điều 144 Luật Doanh nghiệp*)
- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân (x) với số thành viên được bầu của HĐQT và BKS.
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.
- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).

XI. Phiếu bầu cử

1. Nội dung của Phiếu bầu cử

- Phiếu bầu cử (phiếu bầu) là phiếu có ghi mã đại biểu, số cổ phần sở hữu và/hoặc đại diện, có đóng dấu treo Công ty.
- Mỗi đại biểu sẽ được phát hai (02) Phiếu bầu: một (01) phiếu bầu Hội đồng quản trị và một (01) phiếu bầu Ban kiểm soát. Đại biểu khi được phát phiếu phải kiểm tra lại các thông tin ghi trên phiếu bầu, nếu có sai sót phải thông báo ngay cho Ban kiểm phiếu.

2. Cách ghi Phiếu bầu cử

Mỗi đại biểu được phát hai (02) phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:

- + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một ứng viên hoặc bầu số phiếu đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng.
- + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý:

Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô số phiếu bầu thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở “ô số phiếu bầu”.

3. Tính hợp lệ và không hợp lệ của phiếu bầu cử

- Phiếu bầu hợp lệ: là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.
- Các phiếu bầu sau đây sẽ được coi là không hợp lệ:
 - + Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu
 - + Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì
 - + Gạch tên các ứng cử viên
 - + Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu
 - + Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử
 - + Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cử đồng hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu
 - + Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu
 - + Không có chữ ký của đại biểu tham dự.

4. Bỏ phiếu và Kiểm phiếu

- Trong trường hợp có sự sai sót, cử đồng có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu).
- Đại biểu bỏ phiếu bầu cử vào thùng phiếu đã được niêm phong do Ban kiểm phiếu giám sát.
- Sau khi việc bỏ phiếu kết thúc, việc kiểm phiếu sẽ được tiến hành dưới sự giám sát của Ban kiểm soát hoặc đại diện cử đồng.

- Ban kiểm phiếu có trách nhiệm lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả và cùng với Chủ toạ giải quyết các thắc mắc, khiếu nại của cổ đông (nếu có).
 - Phiếu bầu cử sau khi kiểm sẽ được lưu trữ theo quy định.
- 5. Nguyên tắc trúng cử lựa chọn các ứng cử viên** (Theo Điều 144 Luật Doanh nghiệp)
- Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc thành viên Ban kiểm soát được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số thành viên HĐQT hoặc không đủ số thành viên BKS thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

XII. Hiệu lực thi hành

Quy chế bầu cử này có hiệu lực thực hiện ngay khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Quy chế này sẽ hết hiệu lực khi Đại Hội Cổ Đông nhiệm kỳ 2018 - 2022 của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre kết thúc.

Trên đây là toàn bộ quy chế ứng cử, đề cử thành viên để bầu cử Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát của Công ty nhiệm kỳ 2018 - 2022 tại Đại hội đồng cổ đông của Công ty Cổ phần Vật liệu xây dựng Bến Tre kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét thông qua.

Nơi nhận:

- Cổ đông;
- Lưu HĐQT

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



PHAN QUỐC THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐIỀU LỆ
TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG



Vatlieuxaydungbentre

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG
BẾN TRE

Bến Tre, ngày 15 tháng 06 năm 2018

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU -----	69
CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ-----	69
Điều 1. Giải thích thuật ngữ	69
CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY-----	70
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty	70
Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty	71
CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY	72
Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty	72
Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty	73
CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP -----	73
Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập	73
Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu	74
Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác	74
Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần	74
Điều 10. Thu hồi cổ phần	75
CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT -----	76
Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát	76
CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG-----	76
Điều 12. Quyền của cổ đông	76
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông	77
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông	79
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông	80
Điều 16. Đại diện theo ủy quyền	81
Điều 17. Thay đổi các quyền	82
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông	83
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông	84
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông	84
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	86
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông	87
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông	89
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông	90
CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ-----	91
Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị	91
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị	92
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị	93
Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị	94
Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị	95
Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị	96
Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị	99
Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty	99
CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY -----	100
Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý	100
Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp	100
Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc	100
Điều 36. Thư ký Công ty	102

CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT -----	102
Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên	102
Điều 38. Kiểm soát viên	102
Điều 39. Ban kiểm soát	103
CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC-----	105
Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng	105
Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi	105
Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	106
CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY -----	107
Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	107
CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN-----	107
Điều 44. Công nhân viên và công đoàn	107
CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN -----	108
Điều 45. Phân phối lợi nhuận	108
CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN -----	108
Điều 46. Tài khoản ngân hàng	108
Điều 47. Năm tài chính	109
Điều 48. Chế độ kế toán	109
CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN-----	109
Điều 49. Báo cáo tài chính năm	109
Điều 50. Báo cáo thường niên	109
CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY-----	110
Điều 51. Kiểm toán	110
CHƯƠNG XVII. CON DẤU-----	110
Điều 52. Con dấu	110
CHƯƠNG XX. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ -----	110
Điều 53. Chấm dứt hoạt động	110
Điều 54. Gia hạn hoạt động	110
Điều 55. Thanh lý	111
CHƯƠNG XXI. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ-----	111
Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ	111
CHƯƠNG XXII. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ-----	112
Điều 57. Điều lệ công ty	112
CHƯƠNG XXIII. NGÀY HIỆU LỰC-----	112
Điều 58. Ngày hiệu lực	112

I. PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này được thông qua theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông số ngày ... tháng ... năm 2018.

II. CHƯƠNG I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Giải thích thuật ngữ

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:

- a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 6 Điều lệ này;
 - b. "Luật doanh nghiệp" là Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014;;
 - c. "Luật chứng khoán" là Luật chứng khoán số 70/2006/QH11 của Quốc hội, có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2007, được sửa đổi, bổ sung bởi: Luật số 62/2010/QH12 ngày 24 tháng 11 năm 2010 có hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2011 cùng các văn bản hướng dẫn có liên quan.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là Công ty) được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp lần đầu;
 - e. "Người điều hành doanh nghiệp" là Giám đốc, Phó giám đốc, Kế toán trưởng.
 - f. "Cổ đông" là cá nhân, tổ chức sở hữu ít nhất một cổ phần của công ty.
 - g. "Người có liên quan" là cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - h. "Cổ đông lớn" là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật chứng khoán;
 - i. "Thời hạn hoạt động" là thời gian hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết;
 - j. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.
2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.
 3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.

III. CHƯƠNG II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN, THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG VÀ NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 - Tên Công ty viết bằng tiếng Anh:
 - Tên giao dịch: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE
 - Tên Công ty viết tắt: CTY CP VLXD BẾN TRE
2. Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre (sau đây gọi tắt là Công ty) là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

- Địa chỉ trụ sở chính: Số 12 – Đường số 1 - Ấp An Thuận A – Xã Mỹ Thạnh An – TP Bến Tre – Tỉnh Bến Tre
- Điện thoại: (0275) 3822376 – 3822319 – 3822315 – 3829857 – 3501508
- Fax: (0275) 3822319
- E-mail: vlxdbentre@yahoo.com.vn
- Website: www.vlxdbentre.com

4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với quyết định của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.
5. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo khoản 2 Điều 53 hoặc gia hạn hoạt động theo Điều 54 Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

Điều 3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

1. Công ty có một (01) người đại diện theo pháp luật là Giám đốc công ty.
2. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài, Tòa án. Trách nhiệm của người đại diện theo pháp luật thực hiện theo Điều 14 của Luật Doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty phải cư trú ở Việt Nam; trường hợp xuất cảnh khỏi Việt Nam thì phải ủy quyền bằng văn bản cho người khác để thực hiện quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Trường hợp hết thời hạn ủy quyền mà người đại diện theo pháp luật của Công ty chưa trở lại Việt Nam và không có ủy quyền khác thì người được ủy quyền vẫn tiếp tục thực hiện các quyền và nghĩa vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty trong phạm vi đã được ủy quyền cho đến khi người đại diện theo pháp luật của Công ty trở lại làm việc tại Công ty hoặc cho đến khi Hội đồng quản trị quyết định cử người khác làm người đại diện theo pháp luật của Công ty.
5. Trường hợp vắng mặt tại Việt Nam quá 30 ngày mà không ủy quyền cho người khác thực hiện các quyền và nhiệm vụ của người đại diện theo pháp luật của Công ty hoặc bị chết, mất tích, tạm giam, kết án tù, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự thì Hội đồng quản trị cử người khác làm đại diện theo pháp luật của Công ty.

IV. CHƯƠNG III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1	Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét <i>Chi tiết : khai thác cát sông</i>	0810
2	Sản xuất vật liệu xây dựng từ đất sét	2392
3	Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao	2395
4	Sản xuất sản phẩm khác bằng kim loại chưa được phân vào đâu <i>Chi tiết : Sản xuất tôn và xà gồ</i>	2599
5	Xây dựng nhà các loại	4100
6	Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ <i>Chi tiết : Xây dựng công trình đường bộ</i>	4210
7	Xây dựng công trình công ích	4220
8	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4290
9	Chuẩn bị mặt bằng	4312
10	Lắp đặt hệ thống điện <i>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống điện, phòng cháy chữa cháy các công trình công nghiệp và dân dụng</i>	4321
11	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí <i>Chi tiết : Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước các công trình công nghiệp và dân dụng</i>	4322
12	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình <i>Chi tiết : Bán buôn hàng trang trí nội thất</i>	4649
13	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan <i>Chi tiết : Bán buôn xăng, dầu, dầu nhớt, gas</i>	4661
14	Bán buôn kim loại và quặng kim loại <i>Chi tiết : Bán buôn sắt, thép</i>	4662
15	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663 (Chính)
16	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
17	Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa	5022
18	Bốc xếp hàng hóa <i>Chi tiết : Bốc xếp hàng hóa đường bộ, bốc xếp hàng hóa cảng sông</i>	5224
19	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất <i>Chi tiết : Môi giới bất động sản, dịch vụ nhà đất (phải thực hiện đúng</i>	6820

	<i>theo các quy định của pháp luật)</i>	
20	Kinh doanh cho thuê cảng, kho bãi. Đầu tư dự án xây dựng công trình công nghiệp, công trình dân dụng	Ngành nghề chưa khớp mã với HT ngành KTVN
21	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
22	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác	7730
23	Kinh doanh, khai thác, đầu tư xây dựng chợ, mã ngành	4710

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty là:

Mục tiêu hoạt động của Công ty là mang lại lợi nhuận cao nhất cho các cổ đông; huy động phát triển nguồn vốn; sử dụng vốn có hiệu quả nhất trong sản xuất kinh doanh; tạo việc làm và thu nhập ổn định cho người lao động trong Công ty; làm tròn nghĩa vụ đối với Nhà nước.

Điều 5. Phạm vi kinh doanh và hoạt động của Công ty

- Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề của Công ty đã được công bố trên Cổng thông tin đăng ký doanh nghiệp quốc gia và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.
- Công ty được tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà pháp luật không cấm và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

V. CHƯƠNG IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

- Vốn điều lệ của Công ty là 40.490.060.000 VNĐ (Bốn mươi tỷ, bốn trăm chín mươi triệu, không trăm sáu mươi ngàn đồng chẵn).
TỔNG SỐ VỐN ĐIỀU LỆ CỦA CÔNG TY ĐƯỢC CHIA THÀNH 4.049.006 CỔ PHẦN (Bốn triệu không trăm bốn mươi chín ngàn không trăm lẻ sáu cổ phần) với mệnh giá là 10.000 VNĐ/cổ phần (Mười ngàn đồng/cổ phần).
- Công ty có thể thay đổi vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Các cổ phần của Công ty vào ngày thông qua Điều lệ này là cổ phần phổ thông. Các quyền và nghĩa vụ của cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông được quy định tại Điều 12, Điều 13 Điều lệ này.
- Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.
- Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

6. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quyết định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở giao dịch chứng khoán theo phương thức đấu giá.
7. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này, Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.
8. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.
2. Cổ phiếu là chứng chỉ do công ty phát hành, bút toán ghi sổ hoặc dữ liệu điện tử xác nhận quyền sở hữu một hoặc một số cổ phần của công ty đó. Cổ phiếu phải có đầy đủ các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 120 Luật doanh nghiệp.
3. Trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày nộp đầy đủ hồ sơ đề nghị chuyển quyền sở hữu cổ phần theo quy định của Công ty hoặc trong thời hạn hai (02) tháng (hoặc thời hạn khác theo điều khoản phát hành quy định) kể từ ngày thanh toán đầy đủ tiền mua cổ phần theo như quy định tại phương án phát hành cổ phiếu của Công ty, người sở hữu số cổ phần được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho Công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.
4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 8. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự) được phát hành có dấu và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty.

Điều 9. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu đăng niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán và các quyền lợi khác theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty.
2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy (07) ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.
3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.
4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán quy định tại khoản 3 Điều 111 Luật doanh nghiệp. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.
5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm tương ứng) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.
6. Thông báo thu hồi được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá lãi suất cho vay kỳ hạn 12 tháng do Ngân hàng Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam công bố tại thời điểm thanh toán) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

VI. CHƯƠNG V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Cơ cấu tổ chức, quản trị và kiểm soát

Cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị và kiểm soát của Công ty bao gồm:

1. Đại hội đồng cổ đông;
2. Hội đồng quản trị;
3. Ban kiểm soát;
4. Giám đốc công ty.

VII. CHƯƠNG VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.
2. Cổ đông phổ thông có các quyền sau:
 - a. Tham dự và phát biểu trong các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại Đại hội đồng cổ đông hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc thực hiện bỏ phiếu từ xa;
 - b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;
 - d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;
 - e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;
 - f. Tiếp cận thông tin về danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông;
 - g. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - h. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần tại Công ty sau khi Công ty đã thanh toán các khoản nợ (bao gồm cả nghĩa vụ nợ đối với nhà nước, thuế, phí) và thanh toán cho các cổ đông nắm giữ các loại cổ phần khác của Công ty theo quy định của pháp luật;
 - i. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp;
 - j. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có các quyền sau:
 - a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại Điều 25 và Điều 37 Điều lệ này;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;
 - c. Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của Công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của Công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra;
 - e. Các quyền khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông phổ thông có các nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ công ty và các quy chế nội bộ của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.
2. Tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết/bầu cử thông qua các hình thức sau:
 - a. Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - b. Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp;
 - c. Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - d. Gửi phiếu biểu quyết/bầu cử đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định.
4. Cung cấp chính xác họ, tên, địa chỉ thường trú, số thẻ căn cước công dân, giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức khi đăng ký mua cổ phần và thông báo cho công ty khi có thay đổi về các nội dung trên.
5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:
 - a. Vi phạm pháp luật;
 - b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước các rủi ro tài chính đối với Công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết Hội đồng quản trị có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty, đặc biệt thông qua báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản ngoại trừ trọng yếu, Công ty có thể mời đại diện công ty kiểm toán độc lập dự họp Đại hội đồng cổ đông thường niên để giải thích các nội dung liên quan.
3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:
 - a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
 - b. Báo cáo tài chính quý, sáu (06) tháng hoặc báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa (1/2) so với số đầu kỳ;
 - c. Số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên giảm quá một phần ba (1/3) so với số thành viên quy định tại Điều lệ này;
 - d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông. Yêu cầu triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải được thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có đủ chữ ký của các cổ đông liên quan hoặc văn bản yêu cầu được lập thành nhiều bản và tập hợp đủ chữ ký của các cổ đông có liên quan;
 - e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc người điều hành khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình;
 - f. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên

còn lại như quy định tại điểm c khoản 3 Điều này hoặc nhận được yêu cầu quy định tại điểm d và điểm e khoản 3 Điều này;

- b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm a khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 5 Điều 136 Luật doanh nghiệp;
- c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều này thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại điểm d khoản 3 Điều này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 6 Điều 136 Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua các vấn đề sau:
 - a. Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán;
 - b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát;
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
 - e. Mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
 - f. Các vấn đề khác thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.
2. Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua báo cáo tài chính năm;
 - b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này do Hội đồng quản trị trình Đại hội đồng cổ đông quyết định.
 - c. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị/Kiểm soát viên;
 - d. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - e. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị/Ban kiểm soát;

- g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng ba (03) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và cổ đông;
 - l. Quyết định giao dịch đầu tư/bán số tài sản có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính kỳ gần nhất đã được kiểm toán;
 - m. Quyết định mua lại trên 10% tổng số cổ phần phát hành của mỗi loại;
 - n. Công ty ký kết hợp đồng, giao dịch với những đối tượng được quy định tại khoản 1 Điều 162 Luật doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
- a. Thông qua các hợp đồng quy định tại khoản 2 Điều này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện tương ứng với tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán hoặc chào mua công khai theo quy định của pháp luật.
4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Đại diện theo ủy quyền

1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một Người đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền cho mỗi Người đại diện.
2. Việc ủy quyền cho Người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;

- b. Trường hợp cổ đông tổ chức thực hiện ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp. Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).
 4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - b. Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - c. Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc hủy bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua Người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21 Điều lệ này.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến việc phân phối lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại điểm b hoặc điểm c khoản 4 Điều 14 Điều lệ này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn bảy (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên; (nếu có)
 - c. Phiếu biểu quyết;

- d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp; (Giấy ủy quyền)
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.
5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
- a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ này;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm xác định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi (30) ngày kể từ ngày dự định tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai chỉ được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết.
3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi (30) phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi (20) ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai. Trong trường hợp này, đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu có quyền biểu quyết của các cổ đông dự họp, được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.
2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối, bỏ phiếu trắng hoặc không hợp lệ theo từng vấn đề được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa cuộc họp.
3. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết trước đó không thay đổi.
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên Hội đồng quản trị còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số. Trường hợp không bầu được người làm chủ tọa, Trường Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có số phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Chương trình và nội dung cuộc họp phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trong phiên khai mạc. Chương trình phải xác định rõ và chi tiết thời gian đối với từng vấn đề trong nội dung chương trình họp.
6. Chủ tọa đại hội có thể tiến hành các hoạt động cần thiết để điều khiển cuộc họp Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ, có trật tự, theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số đại biểu tham dự.
7. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
8. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh hợp pháp, hợp lý khác. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện

được ủy quyền không tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông sau khi xem xét một cách cẩn trọng có quyền từ chối hoặc trực xuất cổ đông hoặc đại diện nêu trên ra khỏi đại hội.

9. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông, sau khi đã xem xét một cách cẩn trọng, có thể tiến hành các biện pháp thích hợp để:

- a. Bố trí chỗ ngồi tại địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- b. Bảo đảm an toàn cho mọi người có mặt tại các địa điểm họp;
- c. Tạo điều kiện cho cổ đông tham dự (hoặc tiếp tục tham dự) đại hội. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có toàn quyền thay đổi những biện pháp nêu trên và áp dụng tất cả các biện pháp cần thiết. Các biện pháp áp dụng có thể là cấp giấy vào cửa hoặc sử dụng những hình thức lựa chọn khác.

10. Trong trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông áp dụng các biện pháp nêu trên, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông khi xác định địa điểm đại hội có thể:

- a. Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);
- b. Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

11. Trong Điều lệ này (trừ khi hoàn cảnh yêu cầu khác), mọi cổ đông được coi là tham gia đại hội ở địa điểm chính của đại hội.

12. Hàng năm, Công ty tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu có quyền biểu quyết của tất cả cổ đông (hoặc các đại diện được ủy quyền) dự họp tán thành:

- a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
- b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
- d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
- e. Sửa đổi bổ sung Điều lệ công ty;

- f. Tổ chức lại, giải thể công ty.
2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp tán thành hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu có quyền biểu quyết tán thành bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 và khoản 3 Điều này.
 3. Việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử. Trường hợp số ứng viên bằng với số thành viên Hội đồng quản trị hoặc Kiểm soát viên cần bầu thì việc bầu thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát có thể được thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu tương tự điểm a khoản 3 Điều này hoặc thực hiện theo phương thức biểu quyết (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tỷ lệ biểu quyết thông qua theo phương thức biểu quyết được thực hiện khoản 2 điều này.
 4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thực hiện theo quy định sau đây:

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau:
 - a. Sửa đổi, bổ sung các nội dung của Điều lệ công ty;
 - b. Định hướng phát triển công ty;
 - c. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;
 - d. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Quyết định đầu tư hoặc bán số tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất của công ty;
 - f. Thông qua báo cáo tài chính hằng năm;
 - g. Tổ chức lại, giải thể công ty;

- h. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;
 - i. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;
 - j. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.
2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ này.
3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Mục đích lấy ý kiến;
 - c. Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số đăng ký doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - d. Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - e. Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - f. Phương án bầu cử (nếu có);
 - g. Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - h. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
4. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
5. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
- a. Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - b. Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

6. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
 - c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đã tham gia biểu quyết/bầu cử, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số phiếu biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
 - d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
 - e. Các vấn đề đã được thông qua;
 - f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên Hội đồng quản trị, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

7. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
8. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.
9. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản phải được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết chấp thuận và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số lượng cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu bầu tương ứng;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
- h. Tổng hợp số phiếu bầu đối với từng ứng viên;
- i. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
- j. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.

Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ hoặc gửi cho tất cả các cổ đông trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại

khoản 3 Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ này, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ này.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ này.
3. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn do Hội đồng quản trị quyết định phù hợp với trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty.

VIII. CHƯƠNG VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 25. Ứng cử, đề cử thành viên Hội đồng quản trị

1. Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên Hội đồng quản trị được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên Hội đồng quản trị phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên Hội đồng quản trị. Thông tin liên quan đến ứng viên Hội đồng quản trị được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:
 - a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
 - b. Trình độ học vấn;
 - c. Trình độ chuyên môn;
 - d. Quá trình công tác;
 - e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên Hội đồng quản trị và các chức danh quản lý khác;
 - f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên Hội đồng quản trị của Công ty;
 - g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
 - h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
 - i. Các thông tin khác (nếu có).
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được

đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.

3. Trường hợp số lượng ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Thủ tục Hội đồng quản trị đương nhiệm giới thiệu ứng viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử theo quy định pháp luật.

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là năm (05) người. Nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị là năm (05) năm. Thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.

2. Cơ cấu thành viên Hội đồng quản trị như sau:

Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.

3. Thành viên Hội đồng quản trị không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:
 - a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;
 - b. Thành viên đó gửi đơn từ chức bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;
 - c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;
 - e. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - f. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên Hội đồng quản trị;
 - g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
4. Việc bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
5. Thành viên Hội đồng quản trị có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông.
2. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ công ty và Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nghĩa vụ sau:
 - a. Quyết định chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của công ty;
 - b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - c. Bổ nhiệm và miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, người điều hành khác và quyết định mức lương của họ;
 - d. Giám sát, chỉ đạo Giám đốc và người điều hành khác;
 - e. Giải quyết các khiếu nại của Công ty đối với người điều hành doanh nghiệp cũng như quyết định lựa chọn đại diện của Công ty để giải quyết các vấn đề liên quan tới các thủ tục pháp lý đối với người điều hành đó;
 - f. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty, việc thành lập công ty con, lập chi nhánh, văn phòng đại diện và việc góp vốn, mua cổ phần của doanh nghiệp khác;
 - g. Đề xuất việc tổ chức lại hoặc giải thể Công ty;
 - h. Quyết định quy chế nội bộ về quản trị công ty sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận thông qua hiệu quả để bảo vệ cổ đông ;
 - i. Duyệt chương trình, nội dung tài liệu phục vụ họp Đại hội đồng cổ đông, triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông hoặc lấy ý kiến để Đại hội đồng cổ đông thông qua quyết định;
 - j. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm ứng trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền; quyết định thời hạn và thủ tục trả cổ tức;
 - k. Đề xuất các loại cổ phần phát hành và tổng số cổ phần phát hành theo từng loại;
 - l. Đề xuất việc phát hành trái phiếu chuyển đổi và trái phiếu kèm chứng quyền;
 - m. Quyết định giá chào bán cổ phiếu, trái phiếu trong trường hợp được Đại hội đồng cổ đông ủy quyền;
 - n. Trình báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán, báo cáo quản trị công ty lên Đại hội đồng cổ đông;
 - o. Báo cáo Đại hội đồng cổ đông việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Giám đốc;
 - p. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.

3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
 - a. Thành lập các chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 149 Luật doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 135 và khoản 1, khoản 3 Điều 162 Luật doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không thuộc kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% vốn điều lệ công ty căn cứ báo cáo tài chính kiểm toán gần nhất hoặc các khoản đầu tư vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần, phần vốn góp tại các công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền trong đợt phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc mua lại hoặc thu hồi không quá 10% tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mười hai (12) tháng;
 - j. Quyết định giá mua lại hoặc thu hồi cổ phần của Công ty;
 - k. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình.
4. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Giám đốc và người điều hành khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo lên Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính năm của Công ty bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.
5. Trừ khi pháp luật và Điều lệ quy định khác, Hội đồng quản trị có thể ủy quyền cho nhân viên cấp dưới và người điều hành khác đại diện xử lý công việc thay mặt cho Công ty.

Điều 28. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của thành viên Hội đồng quản trị

1. Thành viên Hội đồng quản trị (không tính các đại diện được ủy quyền) được nhận thù lao cho công việc của mình dưới tư cách là thành viên Hội đồng quản trị. Tổng mức thù lao cho Hội đồng quản trị do Đại hội đồng cổ đông quyết định. Khoản thù

lao này được chia cho các thành viên Hội đồng quản trị theo thỏa thuận trong Hội đồng quản trị hoặc chia đều trong trường hợp không thỏa thuận được.

2. Tổng số tiền trả cho từng thành viên Hội đồng quản trị bao gồm thù lao, chi phí, hoa hồng, quyền mua cổ phần và các lợi ích khác được hưởng từ Công ty, công ty con, công ty liên kết của Công ty và các công ty khác mà thành viên Hội đồng quản trị là đại diện phần vốn góp phải được công bố chi tiết trong Báo cáo thường niên của Công ty. Thù lao của thành viên Hội đồng quản trị phải được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính hàng năm của Công ty.
3. Thành viên Hội đồng quản trị nắm giữ chức vụ điều hành hoặc thành viên Hội đồng quản trị làm việc tại các tiểu ban của Hội đồng quản trị hoặc thực hiện những công việc khác mà theo Hội đồng quản trị là nằm ngoài phạm vi nhiệm vụ thông thường của một thành viên Hội đồng quản trị, có thể được trả thêm thù lao dưới dạng một khoản tiền công trọn gói theo từng lần, lương, hoa hồng, phần trăm lợi nhuận hoặc dưới hình thức khác theo quyết định của Hội đồng quản trị.
4. Thành viên Hội đồng quản trị có quyền được thanh toán tất cả các chi phí đi lại, ăn, ở và các khoản chi phí hợp lý khác mà họ đã phải chi trả khi thực hiện trách nhiệm thành viên Hội đồng quản trị của mình, bao gồm cả các chi phí phát sinh trong việc tới tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị hoặc các tiểu ban của Hội đồng quản trị.

Điều 29. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị phải lựa chọn một người trong số các thành viên Hội đồng quản trị để bầu làm Chủ tịch.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị có các quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a. Lập chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu phục vụ cuộc họp; triệu tập và chủ tọa cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - c. Tổ chức việc thông qua nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - d. Giám sát quá trình tổ chức thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị;
 - e. Chủ tọa cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, cuộc họp Hội đồng quản trị;
 - f. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Luật này và Điều lệ công ty.
3. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.

4. Khi xét thấy cần thiết, Chủ tịch Hội đồng quản trị tuyển dụng thư ký công ty để hỗ trợ Hội đồng quản trị và Chủ tịch Hội đồng quản trị thực hiện các nghĩa vụ thuộc thẩm quyền theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
5. Chủ tịch Hội đồng quản trị có thể bị bãi miễn theo quyết định của Hội đồng quản trị. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị từ chức hoặc bị bãi miễn, Hội đồng quản trị phải bầu người thay thế trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày quyết định bãi miễn Chủ tịch Hội đồng quản trị có hiệu lực.

Điều 30. Cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được tiến hành trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất ngang nhau thì các thành viên này bầu một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị theo nguyên tắc đa số.
2. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
3. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - a. Ban kiểm soát;
 - b. Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - c. Ít nhất hai (02) thành viên Hội đồng quản trị;
 - d. Các trường hợp khác (nếu có).
4. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại khoản 3 Điều này. Trường hợp không triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch Hội đồng quản trị phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại khoản 3 Điều này có quyền triệu tập họp Hội đồng quản trị.
5. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
6. Các cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi cho các thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên ít nhất năm (05) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên Hội đồng quản trị có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên Hội đồng quản trị đó. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên.

Thông báo mời họp được gửi bằng thư qua đường bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên Hội đồng quản trị và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty.

8. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.

Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Cuộc họp của Hội đồng quản trị có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của Hội đồng quản trị khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:
 - a. Nghe từng thành viên Hội đồng quản trị khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
 - b. Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên Hội đồng quản trị tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên Hội đồng quản trị, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên Hội đồng quản trị tham dự cuộc họp này.

10. Thành viên Hội đồng quản trị có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

11. Biểu quyết

- a. Trừ quy định tại điểm b khoản 11 Điều 30, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền theo quy định tại khoản 8 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên Hội đồng quản trị không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên Hội đồng quản trị không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp Hội đồng quản trị về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại điểm d khoản 11 Điều 30, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên Hội đồng quản trị hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại điểm a và điểm b khoản 5 Điều 41 Điều lệ này được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Kiểm soát viên có quyền dự cuộc họp Hội đồng quản trị, có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

12. Thành viên Hội đồng quản trị trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên Hội đồng quản trị không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên Hội đồng quản trị này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng quản trị được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên.

13. Hội đồng quản trị thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch Hội đồng quản trị là phiếu quyết định.

14. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được các thành viên Hội đồng quản trị thông qua tại cuộc họp được triệu tập và tổ chức theo thông lệ.

15. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị tới các thành viên và nghị quyết, biên bản đó là bằng chứng xác thực về

công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi. Nghị quyết, biên bản họp Hội đồng quản trị được lập bằng tiếng Việt và có thể lập bằng tiếng Anh. Biên bản phải có chữ ký của chủ tọa và người ghi biên bản.

Điều 31. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.
2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty.

Điều 32. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể đồng thời là thư ký công ty.
2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:
 - a. Có hiểu biết về pháp luật;
 - b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
 - c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.
3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.
4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:
 - a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
 - b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát;

- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

IX. CHƯƠNG VIII. GIÁM ĐỐC CÔNG TY, NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức bộ máy quản lý

Hệ thống quản lý của Công ty phải đảm bảo bộ máy quản lý chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và chịu sự giám sát, chỉ đạo của Hội đồng quản trị trong công việc kinh doanh hàng ngày của Công ty. Công ty có Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm miễn nhiệm, bãi nhiệm các chức danh nêu trên phải được thông qua bằng nghị quyết Hội đồng quản trị.

Điều 34. Người điều hành doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng quản trị quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cưỡng để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức.
2. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Giám đốc do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Giám đốc.

Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Giám đốc

1. Hội đồng quản trị bổ nhiệm một (01) thành viên Hội đồng quản trị hoặc một người khác làm Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty.
2. Nhiệm kỳ của Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Giám

đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Giám đốc có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - b. Quyết định các vấn đề mà không cần phải có quyết định của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt Công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;
 - c. Kiến nghị với Hội đồng quản trị về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - d. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - e. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để Hội đồng quản trị quyết định;
 - f. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - g. Vào tháng 12 hàng năm, Giám đốc Công ty phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng kế hoạch sản lượng Tổng Công ty giao và phù hợp với định hướng, kế hoạch dài hạn và chiến lược của Công ty;
 - h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - i. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này, các quy chế nội bộ của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động ký với Công ty.
4. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cấp này khi được yêu cầu.

5. Hội đồng quản trị có thể miễn nhiệm Giám đốc khi đa số thành viên Hội đồng quản trị có quyền biểu quyết dự họp tán thành và bổ nhiệm Giám đốc mới thay thế.

Điều 36. Thư ký Công ty

Hội đồng quản trị chỉ định một (01) hoặc nhiều người làm Thư ký Công ty với nhiệm kỳ và những điều khoản theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Thư ký Công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị cũng có thể bổ nhiệm một hay nhiều Trợ lý Thư ký Công ty tùy từng thời điểm. Vai trò và nhiệm vụ của Thư ký Công ty bao gồm:

1. Chuẩn bị các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát.
2. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp.
3. Tham dự các cuộc họp.
4. Đảm bảo các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với luật pháp.
5. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát. Thư ký công ty có trách nhiệm bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

X. CHƯƠNG IX. BAN KIỂM SOÁT

Điều 37. Ứng cử, đề cử Kiểm soát viên

1. Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại khoản 1 Điều 25 Điều lệ này.
2. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
3. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Điều lệ công ty và Quy chế nội bộ về quản trị công ty. Cơ chế Ban kiểm soát đương nhiệm đề cử ứng viên Ban kiểm soát phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

Điều 38. Kiểm soát viên

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của ban kiểm soát không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp Ban kiểm soát kết thúc nhiệm kỳ mà Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới chưa

được bầu thì Ban kiểm soát đã hết nhiệm kỳ vẫn tiếp tục thực hiện quyền và nghĩa vụ cho đến khi Ban kiểm soát nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.

2. Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:
 - a. Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - b. Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
3. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để trình Đại hội đồng cổ đông.
 - d. Quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.
4. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục không được sự chấp thuận của Ban kiểm soát và Ban kiểm soát ra quyết định rằng chức vụ của người này bị bỏ trống;, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.
5. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này.

Điều 39. Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:
 - a. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;

- b. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
 - c. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc người quản lý khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Giám đốc và cổ đông;
 - d. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với Hội đồng quản trị trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định của Luật doanh nghiệp.
 - f. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời các thông tin và tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Ban kiểm soát. Người phụ trách quản trị công ty phải bảo đảm rằng toàn bộ bản sao các nghị quyết, biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông và của Hội đồng quản trị, các thông tin tài chính, các thông tin và tài liệu khác cung cấp cho cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị phải được cung cấp cho các Kiểm soát viên vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với cổ đông và thành viên Hội đồng quản trị.
 3. Ban kiểm soát có thể ban hành các quy định về cuộc họp của Ban kiểm soát và cách thức hoạt động của Ban kiểm soát. Ban kiểm soát phải họp tối thiểu hai (02) lần một năm và cuộc họp được tiến hành khi có từ hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên trở lên dự họp.
 4. Tiền lương hoặc thù lao và quyền lợi khác của Kiểm soát viên được thực hiện theo quy định sau đây:

Kiểm soát viên được trả tiền lương hoặc thù lao và được hưởng các quyền lợi khác theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức lương, thù lao và ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát;

Kiểm soát viên được thanh toán chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý. Tổng mức thù lao và chi phí này không vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của Ban kiểm soát đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác;

Tiền lương hoặc thù lao và chi phí hoạt động của Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của công ty theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của công ty.

XI. CHƯƠNG X. TRÁCH NHIỆM CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, KIỂM SOÁT VIÊN, GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI ĐIỀU HÀNH KHÁC

Điều 40. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích của Công ty.

Điều 41. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác phải công khai các lợi ích có liên quan theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.
3. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác.
4. Trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác, Công ty không được cấp các khoản vay hoặc bảo lãnh cho các thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan tới các thành viên nêu trên hoặc pháp nhân mà những người này có các lợi ích tài chính trừ trường hợp công ty đại chúng và tổ chức có liên quan tới thành viên này là các công ty trong cùng tập đoàn hoặc các công ty hoạt động theo nhóm công ty, bao gồm công ty mẹ - công ty con, tập đoàn kinh tế và pháp luật chuyên ngành có quy định khác.
5. Hợp đồng hoặc giao dịch giữa Công ty với một hoặc nhiều thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các cá nhân, tổ chức có liên quan đến họ hoặc công ty, đối tác, hiệp hội, hoặc tổ chức mà thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác hoặc những người liên quan đến họ là thành viên, hoặc có liên quan lợi ích tài chính không bị vô hiệu hoá trong các trường hợp sau đây:
 - a. Đối với hợp đồng có giá trị nhỏ hơn mười lăm phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch cũng như các mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được báo cáo tới Hội đồng quản trị. Đồng thời, Hội đồng quản trị đã cho phép thực hiện hợp

đồng hoặc giao dịch đó một cách trung thực bằng đa số phiếu tán thành của những thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan;

- b. Đối với những hợp đồng có giá trị lớn hơn hoặc bằng ba mươi lăm (35%) phần trăm (35%) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất, những nội dung quan trọng của hợp đồng hoặc giao dịch này cũng như mối quan hệ và lợi ích của thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác đã được công bố cho các cổ đông không có lợi ích liên quan có quyền biểu quyết về vấn đề đó, và những cổ đông đó đã thông qua hợp đồng hoặc giao dịch này;
- c. Hợp đồng hoặc giao dịch đó được một tổ chức tư vấn độc lập cho là công bằng và hợp lý xét trên mọi phương diện liên quan đến các cổ đông của Công ty vào thời điểm giao dịch hoặc hợp đồng này được Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông thông qua.
- d. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác và các tổ chức, cá nhân có liên quan tới các thành viên nêu trên không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của Công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 42. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác vi phạm nghĩa vụ, trách nhiệm trung thực và cẩn trọng, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự miễn cưỡng và năng lực chuyên môn phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.
2. Công ty bồi thường cho những người đã, đang hoặc có thể trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (bao gồm các vụ việc dân sự, hành chính và không phải là các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty ủy quyền hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, người điều hành doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện theo ủy quyền của Công ty với điều kiện người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích hoặc không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình.
3. Khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ hoặc thực thi các công việc theo ủy quyền của Công ty, thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, người điều hành khác, nhân viên hoặc là đại diện theo ủy quyền của Công ty được Công ty bồi thường khi trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố (trừ các vụ kiện do Công ty là người khởi kiện) trong các trường hợp sau:
 - a. Đã hành động trung thực, cẩn trọng, miễn cưỡng vì lợi ích và không mâu thuẫn với lợi ích của Công ty;

- b. Tuân thủ luật pháp và không có bằng chứng xác nhận đã không thực hiện trách nhiệm của mình.
4. Chi phí bồi thường bao gồm các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép. Công ty có thể mua bảo hiểm cho những người này để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

XII. CHƯƠNG XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 43. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nêu tại khoản 2 Điều 25 Điều lệ này có quyền trực tiếp hoặc qua người được ủy quyền gửi văn bản yêu cầu được kiểm tra danh sách cổ đông, các biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và sao chụp hoặc trích lục các tài liệu này trong giờ làm việc và tại trụ sở chính của Công ty. Yêu cầu kiểm tra do đại diện được ủy quyền của cổ đông phải kèm theo giấy ủy quyền của cổ đông mà người đó đại diện hoặc bản sao công chứng của giấy ủy quyền này.
2. Thành viên Hội đồng quản trị, Kiểm soát viên, Giám đốc và người điều hành khác có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.
3. Công ty phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, các báo cáo của Hội đồng quản trị, các báo cáo của Ban kiểm soát, báo cáo tài chính năm, sổ sách kế toán và các tài liệu khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và Cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các tài liệu này.
4. Điều lệ công ty phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty.

XIII. CHƯƠNG XII. CÔNG NHÂN VIÊN VÀ CÔNG ĐOÀN

Điều 44. Công nhân viên và công đoàn

1. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động nghỉ việc, tiền lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp.
2. Giám đốc phải lập kế hoạch để Hội đồng quản trị thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ này, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành.

XIV. CHƯƠNG XIII. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Điều 45. Phân phối lợi nhuận

1. Đại hội đồng cổ đông quyết định mức chi trả cổ tức và hình thức chi trả cổ tức hàng năm từ lợi nhuận được giữ lại của Công ty.
2. Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ theo ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.
3. Công ty không thanh toán lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.
4. Hội đồng quản trị có thể kiến nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng cổ phiếu và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi quyết định này.
5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam. Việc chi trả có thể thực hiện trực tiếp hoặc thông qua các ngân hàng trên cơ sở các thông tin chi tiết về tài khoản ngân hàng do cổ đông cung cấp. Trường hợp Công ty đã chuyển khoản theo đúng các thông tin chi tiết về ngân hàng do cổ đông cung cấp mà cổ đông đó không nhận được tiền, Công ty không phải chịu trách nhiệm về khoản tiền Công ty đã chuyển cho cổ đông này. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu đăng ký giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam.
6. Căn cứ Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán, Hội đồng quản trị thông qua nghị quyết xác định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo ngày đó, những người đăng ký với tư cách cổ đông hoặc người sở hữu các chứng khoán khác được quyền nhận cổ tức, lãi suất, phân phối lợi nhuận, nhận cổ phiếu, nhận thông báo hoặc tài liệu khác.
7. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận được thực hiện theo quy định của pháp luật.

XV. CHƯƠNG XIV. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN

Điều 46. Tài khoản ngân hàng

1. Công ty mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.
2. Theo sự chấp thuận trước của cơ quan có thẩm quyền, trong trường hợp cần thiết, Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.
3. Công ty tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 47. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng một hàng năm và kết thúc vào ngày 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đó.

Điều 48. Chế độ kế toán

1. Chế độ kế toán Công ty sử dụng là Chế độ Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc chế độ kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán là đồng Việt Nam. Trường hợp Công ty có các nghiệp vụ kinh tế phát sinh chủ yếu bằng một loại ngoại tệ thì được tự chọn ngoại tệ đó làm đơn vị tiền tệ trong kế toán, chịu trách nhiệm về lựa chọn đó trước pháp luật và thông báo cho cơ quan quản lý thuế trực tiếp.

XVI. CHƯƠNG XV. BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN, BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 49. Báo cáo tài chính năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 51 Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính phải nộp báo cáo tài chính hàng năm cho cơ quan thuế có thẩm quyền, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và cơ quan đăng ký kinh doanh.
2. Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi/lỗ của Công ty trong năm tài chính, báo cáo tình hình tài chính phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình hoạt động của Công ty tính đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.
3. Công ty phải lập và công bố các báo cáo sáu tháng và quý theo các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp
4. Các báo cáo tài chính được kiểm toán (bao gồm ý kiến của kiểm toán viên), báo cáo sáu tháng và quý của công ty phải được đồng thời công bố trên website của Công ty.

Điều 50. Báo cáo thường niên

Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

XVII. CHƯƠNG XVI. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 51. Kiểm toán

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên chỉ định một công ty kiểm toán độc lập hoặc thông qua danh sách các công ty kiểm toán độc lập và ủy quyền cho Hội đồng quản trị quyết định lựa chọn một trong số các đơn vị này tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thỏa thuận với Hội đồng quản trị. Công ty phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
2. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính năm phản ánh các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị.
3. Bản sao của báo cáo kiểm toán được đính kèm báo cáo tài chính năm của Công ty.
4. Kiểm toán viên độc lập thực hiện việc kiểm toán Công ty được phép tham dự các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty.

XVIII. CHƯƠNG XVII. CON DẤU

Điều 52. Con dấu

1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp và Điều lệ công ty.
2. Hội đồng quản trị, Giám đốc sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XIX. CHƯƠNG XVIII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 53. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:
 - a. Kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
 - b. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.
2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải được thông báo hoặc phải được chấp thuận bởi cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 54. Gia hạn hoạt động

1. Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông ít nhất bảy (07) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động để cổ đông có thể biểu quyết về việc gia hạn hoạt động của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị.
2. Thời hạn hoạt động được gia hạn khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 55. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu (06) tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba (03) thành viên. Hai (02) thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một (01) thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.
2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.
3. Tiền thu được từ việc thanh lý được thanh toán theo thứ tự sau:
 - a. Các chi phí thanh lý;
 - b. Các khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội và các quyền lợi khác của người lao động theo thỏa ước lao động tập thể và hợp đồng lao động đã ký kết;
 - c. Thuế và các khoản nộp cho Nhà nước;
 - d. Các khoản nợ khác của Công ty;
 - e. Phần còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (d) trên đây được chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi được ưu tiên thanh toán trước.

XX. CHƯƠNG XIX. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 56. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp, khiếu nại liên quan tới hoạt động của Công ty, quyền và nghĩa vụ của các cổ đông theo quy định tại Luật doanh nghiệp, các quy định pháp luật khác, Điều lệ công ty, các quy định giữa:
 - a. Cổ đông với Công ty;
 - b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hay người điều hành khác;
2. Các bên liên quan cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị chủ trì việc giải quyết tranh chấp và yêu

cầu từng bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng bảy (07) ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh.

3. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu (06) tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, một bên có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Tòa án kinh tế.
4. Các bên tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Việc thanh toán các chi phí của Tòa án được thực hiện theo phán quyết của Tòa án.

XXI. CHƯƠNG XX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 57. Điều lệ công ty

1. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét, thông qua.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XXII. CHƯƠNG XXI. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 58. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 21 chương 58 điều được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật Liệu Xây dựng Bến Tre nhất trí thông qua ngày ... tháng ... năm 2018 tại ... và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.
2. Điều lệ được lập thành mười (10) bản, có giá trị như nhau, trong đó:
 - a. Nộp và đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định;
 - b. Lưu giữ tại Trụ sở chính của Công ty.
3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc Giám đốc Công ty.

Điều lệ tổ chức và hoạt động Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE

Người đại diện theo pháp luật



PHAN QUỐC THÔNG

**QUY CHẾ QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬT LIỆU XÂY DỰNG BẾN TRE**

Căn cứ:

- Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 năm 2014;
- Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 năm 2006;
- Nghị định 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 06 năm 2017 hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều của Nghị định số 71/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 6 năm 2017 của Chính phủ hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng;
- Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

MỤC LỤC

CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG 118

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh 118

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt 118

CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG 119

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG 119

Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 119

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông 119

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông 119

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông 121

Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông 121

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông 121

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông 123

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông 124

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông 126

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội 126

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết 128

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử 128

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu 129

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu 129

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông 129

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 130

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 131

Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên 131

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 131

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 132

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty 132

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN 132

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 132

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản 133

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản 133

CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ 135

Mục 1. Quy định chung 135

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT 135

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT 135

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT 136

Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT 136

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT	136
Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	137
Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT	137
Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT	138
Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	138
Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT	138
Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT	138
Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT	139
Điều 34. Cuộc họp HĐQT	139
Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT	140
CHƯƠNG 4 – BAN KIỂM SOÁT	143
Mục 1. Quy định chung	143
Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát	143
Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên	143
Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát	143
Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên	144
Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên	144
Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty	144
Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên	144
Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên	144
Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	145
Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên	145
Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát	145
Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát	146
Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát	146
CHƯƠNG 5 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT	146
Điều 47. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT	146
Điều 48. Tiểu ban chính sách phát triển	146
Điều 49. Tiểu ban nhân sự	147
Điều 50. Tiểu ban lương thưởng	148
Điều 51. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ	148
CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP	151
Điều 52. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp	151
Điều 53. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp	151
Điều 54. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp	152
Điều 55. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	152
Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp	152
CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC	152

Điều 57. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc 152

Điều 58. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát 152

Điều 59. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc 153

Điều 60. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT 153

Điều 61. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao 154

Điều 62. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc 154

Điều 63. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS154

Điều 64. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên 155

CHƯƠNG 8 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC 157

Điều 65. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác 157

Điều 66. Khen thưởng 158

Điều 67. Kỷ luật 158

CHƯƠNG 9. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY 158

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty 158

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 159

Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty 159

Điều 71. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 159

Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty 159

CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY Error! Bookmark not defined.

Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty Error! Bookmark not defined.

CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC Error! Bookmark not defined.

Điều 74. Ngày hiệu lực Error! Bookmark not defined.

XXIII. CHƯƠNG 1 – QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này được xây dựng theo Thông tư số 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 của Bộ Tài chính, quy định về quản trị Công ty của Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre.

Điều 2. Giải thích thuật ngữ và chữ viết tắt

1. Người có liên quan là cá nhân hoặc tổ chức được quy định tại khoản 17 Điều 4 Luật doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán.
2. Thành viên độc lập HĐQT là thành viên HĐQT không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và những người điều hành khác theo quy định của Điều lệ công ty và thỏa các điều kiện theo quy định tại Điều 151 Luật Doanh nghiệp.
3. Công ty: là Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre
4. HĐQT: là HĐQT
5. Ứng cử: là tự đề cử
6. BKS: là Ban kiểm soát
7. VSD: là Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
8. Đại biểu: là Cổ đông, người đại diện (người được cổ đông ủy quyền)
9. Người phụ trách quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quyền hạn được quy định tại Điều 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

XXIV.CHƯƠNG 2 – QUY ĐỊNH VỀ TỔ CHỨC HỌP ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

I. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG THƯỜNG NIÊN VÀ BẤT THƯỜNG

1. Mục 1. Thể thức tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

Điều 3. Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Điều lệ công ty)

1. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông thường niên:* Đại hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một (01) lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Trong trường hợp cần thiết HĐQT có thể đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh gia hạn thời gian triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông nhưng không quá sáu (06) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
2. *Thẩm quyền triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường:*
 - a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi (30) ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Điểm c Khoản 3 Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Điểm d và Điểm e Khoản 3 Điều 14;
 - b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm a Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điểm b Khoản 4 Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi (30) ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Điểm d Khoản 3 này có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.
 - d. Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và thông qua các quyết định của Đại hội đồng cổ đông. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được Công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 4. Nhân sự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 142 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 4 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Chủ tọa và Đoàn Chủ tọa:

- a. Chủ tịch HĐQT làm chủ tọa các cuộc họp do HĐQT triệu tập; trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên HĐQT còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp theo nguyên tắc đa số; trường hợp không bầu được người làm chủ tọa thì Trưởng Ban kiểm soát điều khiển để Đại hội đồng cổ đông

bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có số phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

- b. Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.
- c. Chủ tọa có quyền thực hiện các biện pháp cần thiết để điều khiển cuộc họp một cách hợp lý, có trật tự, đúng theo chương trình đã được thông qua và phản ánh được mong muốn của đa số người dự họp.
- d. Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết theo quy định tại khoản 8 Điều 142 Luật doanh nghiệp.
- e. Một số quyền và nghĩa vụ khác của Chủ tọa theo quy định của luật hiện hành.
- f. Đoàn Chủ tọa gồm 03 người, bao gồm 01 Chủ tịch và 02 Thành viên.
- g. Nhiệm vụ của Đoàn Chủ tọa:
 - Điều hành các hoạt động của Đại hội đồng cổ đông Công ty theo chương trình dự kiến của HĐQT đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua;
 - Hướng dẫn các đại biểu và Đại hội thảo luận các nội dung có trong chương trình;
 - Trình dự thảo, kết luận những vấn đề cần thiết để Đại hội biểu quyết;
 - Trả lời những vấn đề do Đại hội yêu cầu;
 - Giải quyết các vấn đề phát sinh trong suốt quá trình Đại hội.
- h. Nguyên tắc làm việc của Đoàn Chủ tọa: Đoàn Chủ tọa làm việc theo nguyên tắc tập thể, tập trung dân chủ, quyết định theo đa số.

2. **Thư ký đại hội:**

- a. Chủ tọa chỉ định một hoặc một số người làm thư ký cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Thư ký đại hội:
 - Ghi chép đầy đủ, trung thực nội dung Đại hội;
 - Tiếp nhận phiếu đăng ký phát biểu của Đại biểu;
 - Lập Biên bản họp và soạn thảo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông;
 - Hỗ trợ Chủ tọa công bố thông tin liên quan đến cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thông báo đến các Cổ đông theo đúng quy định pháp luật và Điều lệ công ty;
 - Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu của Chủ Tọa.

3. **Ban kiểm phiếu:**

- a. Đại hội đồng cổ đông bầu một hoặc một số người vào ban kiểm phiếu theo đề nghị của chủ tọa cuộc họp;
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm phiếu:
 - Phổ biến nguyên tắc, thể lệ, hướng dẫn cách thức biểu quyết.
 - Kiểm và ghi nhận phiếu biểu quyết, lập biên bản kiểm phiếu, công bố kết quả; chuyển biên bản cho Chủ tọa phê chuẩn kết quả biểu quyết.

- Nhanh chóng thông báo kết quả biểu quyết cho thư ký.
- Xem xét và báo cáo Đại hội những trường hợp vi phạm thể lệ biểu quyết hoặc đơn thư khiếu nại về kết quả biểu quyết.

4. Ban kiểm tra tư cách đại biểu:

- a. Ban kiểm tra tư cách đại biểu của Đại hội gồm 03 người, bao gồm 01 Trưởng Ban và 02 thành viên, do HĐQT thành lập và do Đoàn Chủ tọa giới thiệu đến Đại hội.
- b. Nhiệm vụ của Ban kiểm tra tư cách đại biểu:
 - Kiểm tra tư cách và tình hình cổ đông, đại diện cổ đông đến dự họp.
 - Trưởng Ban kiểm tra tư cách đại biểu báo cáo với Đại hội đồng cổ đông tình hình cổ đông dự họp. Nếu cuộc họp có đủ số lượng cổ đông và đại diện được ủy quyền có quyền dự họp đại diện ít nhất 51% số cổ phần có quyền biểu quyết tham dự thì cuộc họp Đại hội đồng cổ đông Công ty được tổ chức tiến hành.

Điều 5. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 19 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết.
2. Trường hợp cuộc họp lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì được triệu tập họp lần thứ hai trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông triệu tập lần thứ hai được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 33% tổng số phiếu biểu quyết.
3. Trường hợp cuộc họp triệu tập lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 2 Điều này được triệu tập họp lần thứ ba trong thời hạn 20 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Trong trường hợp này, cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông được tiến hành không phụ thuộc vào tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp.

2. Mục 2. Quy định về trình tự, thủ tục về triệu tập và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Quy chế THQ 197/QĐ-VSD 29/09/2017)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền tham dự đại hội. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. Công ty thực hiện thủ tục lập danh sách cổ đông với VSD:
 - a. Công ty phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đầy đủ, hợp lệ đến VSD chậm nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày đăng ký cuối cùng, trong đó phải nêu rõ các thông tin cơ bản sau:
 - i. Thông tin về ngày đăng ký cuối cùng: Ngày đăng ký cuối cùng là ngày làm việc do VSD trên cơ sở ủy quyền của Công ty ấn định để xác định danh sách người sở hữu chứng khoán được hưởng quyền phù hợp với thông báo của Công ty, VSD và quy định của pháp luật.

ii. Hồ sơ thông báo thực hiện quyền:

Công ty gửi cho VSD hồ sơ thông báo thực hiện quyền, bao gồm:

- Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng (Mẫu 07/Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017).
- Các tài liệu kèm theo như sau:
 - Tài liệu chứng minh đã công bố thông tin về việc lập danh sách cổ đông có quyền tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng.
 - Các tài liệu liên quan đến nội dung họp Đại hội đồng cổ đông, lấy ý kiến bằng văn bản (bản cứng và file dữ liệu) (nếu có).
 - Nghị quyết của HĐQT thông qua việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do HĐQT triệu tập*).
 - Văn bản của Ban Kiểm soát thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*);
 - Biên bản họp của Ban Kiểm soát về việc thống nhất thay thế HĐQT triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do Ban Kiểm soát triệu tập*).
 - Văn bản của cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền thông báo cho VSD về việc thay thế HĐQT, Ban Kiểm soát triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường kèm theo các tài liệu chứng minh HĐQT, Ban Kiểm soát không thực hiện đúng quy định của Luật doanh nghiệp về việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*);
 - Tài liệu chứng minh cổ đông hoặc nhóm cổ đông sở hữu trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng (*Trường hợp Đại hội đồng cổ đông bất thường do cổ đông hoặc nhóm cổ đông có thẩm quyền triệu tập theo quy định của Luật Doanh nghiệp*).

iii. Tài liệu liên quan khác (nếu có).

- b. Trong vòng một (01) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD chuyển Danh sách người sở hữu chứng khoán lưu ký được phân bổ quyền bỏ phiếu (Mẫu 08/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) dưới dạng chứng từ điện tử cho TVLK, tổ chức mở tài khoản trực tiếp.
- c. Trong vòng hai (02) ngày làm việc sau ngày đăng ký cuối cùng, VSD gửi Công ty Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán (Mẫu 09/THQ Quy chế thực hiện quyền cho người sở hữu chứng khoán số: 197/QĐ-VSD ngày 29/09/2017) (File dữ liệu Danh sách trên sẽ được VSD gửi vào địa chỉ email mà Công ty đã đăng ký với VSD).
- d. Trường hợp Công ty không chấp thuận thông tin trong Danh sách tổng hợp phân bổ quyền bỏ phiếu cho người sở hữu chứng khoán, trong vòng tám (08) ngày làm việc kể từ ngày đăng ký cuối cùng, Công ty phải gửi thông báo bằng văn bản cho VSD nêu rõ lý do.

- e. Trường hợp Công ty uỷ quyền VSD trong việc gửi thư mời hoặc làm đại lý thực hiện việc bỏ phiếu điện tử hoặc các công việc khác liên quan đến việc tổ chức đại hội cổ đông, lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản,... việc tổ chức triển khai được thực hiện theo quy định tại thỏa thuận ký kết giữa VSD và Công ty.

Điều 7. Thông báo triệu tập Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 18 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 3 Quy chế này.
2. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện các công việc sau đây:
 - a. Chuẩn bị danh sách cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông. Danh sách cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông được lập không sớm hơn bảy (07) ngày trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông. Trình tự, thủ tục thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy chế này;
 - b. Chuẩn bị chương trình, nội dung đại hội;
 - c. Chuẩn bị tài liệu cho đại hội;
 - d. Dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông theo nội dung dự kiến của cuộc họp;
 - e. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;
 - f. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp;
 - g. Các công việc khác phục vụ đại hội.
3. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông bằng phương thức bảo đảm, đồng thời công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty và Ủy ban chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp để các cổ đông có thể tiếp cận, bao gồm:
 - a. Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
 - b. Danh sách và thông tin chi tiết của các ứng viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
 - c. Phiếu biểu quyết, bầu cử;
 - d. Mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp;
 - e. Dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp.
4. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền kiến nghị vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bằng văn bản và phải được gửi đến Công ty ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Kiến nghị phải bao gồm họ và tên cổ đông,

địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính đối với cổ đông là tổ chức; số lượng và loại cổ phần cổ đông đó nắm giữ, và nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp.

5. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối kiến nghị quy định tại khoản 4 Điều này nếu thuộc một trong các trường hợp sau:
 - a. Kiến nghị được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;
 - b. Vào thời điểm kiến nghị, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không nắm giữ đủ từ 5% cổ phần phổ thông trở lên trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty;
 - c. Vấn đề kiến nghị không thuộc phạm vi thẩm quyền quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Điều lệ công ty; Khoản 1, 2, 3 Điều 20 Điều lệ công ty)

1. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông:
 - a. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được quy định rõ tại Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm liên hệ Công ty hoặc gửi Giấy đăng ký tham dự Đại hội (được đính kèm Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông gửi cho cổ đông) về Công ty.
 - b. Cổ đông chọn hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một đại diện khác tham dự và biểu quyết/bầu cử tại cuộc họp và tuân thủ quy định tại Khoản 2 Điều này; (Trường hợp có nhiều hơn một đại diện được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu cử/biểu quyết được ủy quyền cho mỗi đại diện).
 - Tham dự và biểu quyết/bầu cử thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
 - Gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử;
 - Các hình thức đăng ký tham dự họp Đại hội đồng cổ đông khác phù hợp với qui định của Pháp luật.
 - Công ty phải cố gắng tối đa trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại để cổ đông có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông tốt nhất, bao gồm hướng dẫn cổ đông biểu quyết thông qua họp Đại hội đồng cổ đông trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.
2. Quy định về việc ủy quyền tham dự đại hội

- a. Các cổ đông có quyền tham dự cuộc họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định của pháp luật có thể ủy quyền cho cá nhân, tổ chức đại diện tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu được ủy quyền cho mỗi người đại diện;
- b. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của Công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trường hợp cổ đông tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông tổ chức và cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền dự họp;
 - Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;
 - Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền khi đăng ký dự họp trước khi vào phòng họp.
- c. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định người đại diện, việc chỉ định người đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định người đại diện đó được xuất trình cùng với giấy ủy quyền cho luật sư (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty);
- d. Trừ trường hợp quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều này, phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi xảy ra một trong các trường hợp sau đây:
 - Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ việc chỉ định ủy quyền;
 - Người ủy quyền đã hủy bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

3. Cách thức đăng ký tham dự Đại hội đồng cổ đông và Kiểm tra tư cách đại biểu vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông
 - a. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải tiến hành thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết;
 - b. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết/phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được ủy quyền và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu của cổ đông đó;
 - c. Cổ đông hoặc đại diện được ủy quyền đến sau khi cuộc họp đã khai mạc có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết/bầu cử tại đại hội ngay sau khi đăng ký. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của những nội dung đã được biểu quyết/bầu cử trước đó không thay đổi.

Điều 9. Các nội dung được thông qua tại Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 162 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 15 Điều lệ công ty)

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:
 - a. Báo cáo tài chính năm được kiểm toán;
 - b. Báo cáo thường niên của Hội đồng quản trị;
 - c. Báo cáo của Ban kiểm soát; và
 - d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.
2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định về các vấn đề sau:
 - a. Thông qua các báo cáo tài chính năm;
 - b. Thông qua kế hoạch phát triển trung và dài hạn của Công ty;
 - c. Xác định mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị;
 - d. Xác định số lượng thành viên của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - e. Lựa chọn công ty kiểm toán độc lập;
 - f. Ấn định tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo thù lao của Hội đồng quản trị; Ban kiểm soát;
 - g. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát;
 - a. Quyết định xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
 - b. Sửa đổi và bổ sung Điều lệ Công ty;
 - k. Xác định loại cổ phần và số lượng cổ phần mới được phát hành đối với mỗi loại cổ phần và việc chuyển nhượng cổ phần của thành viên sáng lập trong vòng 3 (ba) năm đầu tiên kể từ ngày thành lập;
 - l. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - m. Tổ chức lại và giải thể Công ty và chỉ định người thực hiện;
 - n. Quyết định đầu tư, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc giao dịch mua tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% (ba mươi lăm phần trăm) tổng giá trị tài sản của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Giao dịch mua lại hơn 10% (mười phần trăm) trên tổng số phát hành của một loại cổ phần của Công ty;
 - ô. Công ty của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Khoản 1 Điều 162 Luật Doanh nghiệp với giá trị từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên trên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán;
 - p. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty.
3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Thông qua các hợp đồng quy định tại Khoản 1 Điều 120 Luật Doanh nghiệp khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua lại cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ

đồng hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các vấn đề tại đại hội

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc; Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- a. Tất cả các vấn đề trong chương trình và nội dung họp của Đại hội đều phải được Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết công khai.
- b. Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử được Công ty in, đóng dấu treo và gửi trực tiếp cho đại biểu tại đại hội (kèm theo bộ tài liệu tham dự Đại hội đồng cổ đông). Mỗi đại biểu được cấp Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết và Phiếu bầu cử. Trên Thẻ biểu quyết, Phiếu biểu quyết Phiếu bầu cử có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số cổ phần sở hữu và nhận ủy quyền được biểu quyết của đại biểu đó.

2. Quy định về tính hợp lệ của phiếu biểu quyết và phiếu bầu cử

a. Phiếu biểu quyết

- **Phiếu biểu quyết hợp lệ** là phiếu theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, rách, nát,... không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu này và phải có chữ ký, dưới chữ ký phải có đầy đủ họ tên được viết tay của đại biểu tham dự.

Trên phiếu biểu quyết, nội dung biểu quyết là hợp lệ khi đại biểu đánh dấu chọn một (01) trong ba (03) ô vuông biểu quyết. ***Nội dung biểu quyết không hợp lệ là nội dung không đúng theo các quy định của nội dung biểu quyết hợp lệ.***

- **Phiếu biểu quyết không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu biểu quyết;
- Phiếu biểu quyết không theo mẫu in sẵn do BTC phát ra, phiếu không có dấu đỏ của Công ty hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài quy định cho phiếu biểu quyết, khi đó tất cả nội dung biểu quyết trên phiếu biểu quyết là không hợp lệ.

b. Phiếu bầu cử

- **Phiếu bầu cử hợp lệ:** là phiếu bầu theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, không tẩy xoá, cạo sửa, không viết thêm nội dung nào khác ngoài quy định cho phiếu bầu; phải có chữ ký, ghi rõ họ tên của đại biểu tham dự.

- **Phiếu bầu cử không hợp lệ:**

- Ghi thêm nội dung khác vào phiếu bầu;
- Ghi nội dung trên phiếu bầu bằng viết chì;
- Gạch tên các ứng cử viên;
- Phiếu bầu không theo mẫu in sẵn do ban tổ chức phát ra, phiếu không có dấu treo của công ty, hoặc đã tẩy xoá, cạo sửa, viết thêm nội dung khác ngoài qui định cho phiếu bầu;
- Số ứng viên mà đại biểu bầu lớn hơn số lượng ứng viên trúng cử;
- Phiếu có tổng số phiếu bầu cho các ứng cử viên của cổ đông hoặc đại diện lớn hơn tổng số phiếu được phép bầu;
- Phiếu nộp sau khi Ban kiểm phiếu đã mở niêm phong thùng phiếu;

- Không có chữ ký của đại biểu tham dự.
- Các quy định khác theo Quy chế bầu cử đại hội đồng cổ đông và Điều lệ Công ty quy định.

Điều 11. Cách thức bỏ phiếu biểu quyết

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Đại hội đồng cổ đông thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách giơ thẻ, bỏ phiếu trực tiếp, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác.
- Đại biểu thực hiện việc biểu quyết để Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến một vấn đề được đưa ra biểu quyết tại Đại hội bằng cách giơ cao Thẻ biểu quyết hoặc điền các phương án lựa chọn trên Phiếu biểu quyết.

2. Các hình thức bỏ phiếu biểu quyết

- Biểu quyết bằng thẻ biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức giơ cao Thẻ biểu quyết, mặt trước của Thẻ biểu quyết phải được giơ cao hướng về phía Đoàn Chủ tọa. Trường hợp đại biểu không giơ Thẻ biểu quyết trong cả ba lần biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết tán thành vấn đề đó. Trường hợp đại biểu giơ cao Thẻ biểu quyết nhiều hơn một (01) lần khi biểu quyết Tán thành, Không tán thành hoặc Không ý kiến của một vấn đề thì được xem như biểu quyết không hợp lệ. Theo hình thức biểu quyết bằng giơ Thẻ biểu quyết, Thành viên Ban kiểm tra tư cách đại biểu/Ban kiểm phiếu đánh dấu mã đại biểu và số phiếu biểu quyết tương ứng của từng cổ đông Tán thành, Không tán thành, Không ý kiến và Không hợp lệ.
- Biểu quyết bằng phiếu biểu quyết: Khi biểu quyết bằng hình thức điền vào Phiếu biểu quyết, đối với từng nội dung, đại biểu chọn một trong ba phương án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý kiến” được in sẵn trong Phiếu biểu quyết bằng cách đánh dấu “X” hoặc “✓” vào ô mình chọn. Sau khi hoàn tất cả nội dung cần biểu quyết của Đại hội, đại biểu gửi Phiếu biểu quyết về thùng phiếu kín đã được niêm phong tại Đại hội theo hướng dẫn của Ban kiểm phiếu. Phiếu biểu quyết phải có chữ ký và ghi rõ họ tên của đại biểu.

Điều 12. Cách thức bỏ phiếu bầu cử

(Căn cứ quy định tại Quy chế bầu cử tại Đại hội đồng cổ đông)

1. Nguyên tắc chung

- Thực hiện đúng theo qui định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- Thành viên ban kiểm phiếu không được có tên trong danh sách đề cử, tự đề cử vào HĐQT và Ban kiểm soát.

2. Các hình thức bỏ phiếu bầu cử

a. Bầu cử theo phương thức bầu dồn phiếu

- Theo đó mỗi đại biểu có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu, đại diện sở hữu nhân với số thành viên được bầu;
- Đại biểu tham dự có quyền dồn hết tổng số phiếu biểu quyết của mình cho một hoặc một số ứng cử viên;

- Trường hợp phát sinh thêm ứng viên trong ngày diễn ra đại hội, đại biểu có thể liên hệ với Ban kiểm phiếu xin cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp lại phiếu cũ (trước khi bỏ vào thùng phiếu);
- Trong trường hợp có sự lựa chọn nhầm lẫn, đại biểu liên hệ với Ban kiểm phiếu để được cấp lại phiếu bầu cử mới và phải nộp phiếu cũ;
- Cách ghi phiếu bầu cử: Mỗi đại biểu được phát các phiếu bầu. Cách ghi phiếu bầu được hướng dẫn cụ thể như sau:
 - + Đại biểu bầu số ứng viên tối đa bằng số ứng viên trúng cử;
 - + Nếu bầu dồn toàn bộ số phiếu cho một hoặc nhiều ứng viên, đại biểu đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” của các ứng viên tương ứng;
 - + Nếu bầu số phiếu không đều nhau cho nhiều ứng viên, đại biểu ghi rõ số phiếu bầu vào ô “Số phiếu bầu” của các ứng viên tương ứng.

Lưu ý: Trong trường hợp đại biểu vừa đánh dấu vào ô “Bầu dồn phiếu” vừa ghi số lượng ở ô “Số phiếu bầu” thì kết quả lấy theo số lượng phiếu ở ô “Số phiếu bầu”.

- Nguyên tắc trúng cử:
 - + Người trúng cử được xác định theo số phiếu được bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên cần bầu.
 - + Trường hợp có từ hai (02) ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu được bầu như nhau cho thành viên cuối cùng thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu được bầu ngang nhau.
 - + Nếu kết quả bầu cử lần một không đủ số lượng cần bầu thì sẽ được tiến hành bầu cử cho đến khi bầu đủ số lượng thành viên cần bầu.

b. Bầu cử theo phương thức biểu quyết: Thực hiện theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 11 Quy chế này.

Điều 13. Cách thức kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Cách thức kiểm phiếu được tiến hành bằng cách thu phiếu bầu cử/thẻ/phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu thẻ/phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.

Đối với những vấn đề nhạy cảm và nếu cổ đông có yêu cầu, Công ty phải chỉ định tổ chức độc lập thực hiện việc thu thập và kiểm phiếu.

Điều 14. Thông báo kết quả kiểm phiếu

(Căn cứ quy định tại Quy chế làm việc tại Đại hội đồng cổ đông)

Ban kiểm phiếu sẽ kiểm tra và tổng hợp và báo cáo Chủ tọa kết quả kiểm của từng vấn đề. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp

Điều 15. Cách thức phản đối quyết định của Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 129 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Cổ đông biểu quyết phản đối nghị quyết về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu công ty mua lại cổ phần của mình. Yêu cầu phải bằng văn bản, trong đó nêu rõ tên, địa chỉ của cổ đông, số lượng cổ phần từng loại, giá dự định bán, lý do yêu cầu công ty mua lại. Yêu cầu phải được

gửi đến công ty trong thời hạn mười (10) ngày, kể từ ngày Đại hội đồng cổ đông thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông quy định tại khoản 1 Điều này với giá thị trường hoặc giá được tính theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận được về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty giới thiệu ít nhất ba (03) tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp để cổ đông lựa chọn và lựa chọn đó là quyết định cuối cùng.

Điều 16. Lập Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Điều lệ công ty)

1. Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải được lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - b. Thời gian và địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông;
 - c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
 - d. Họ, tên chủ tọa và thư ký;
 - e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông về từng vấn đề trong chương trình họp;
 - f. Số cổ đông và tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông dự họp, phụ lục danh sách đăng ký cổ đông, đại diện cổ đông dự họp với số cổ phần và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu tương ứng;
 - g. Tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ phương thức biểu quyết, tổng số phiếu hợp lệ, không hợp lệ, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của cổ đông dự họp;
 - h. Các vấn đề đã được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết thông qua tương ứng;
 - i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký.
2. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.
3. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tọa và thư ký cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.
4. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.
5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi gửi biên bản.

6. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 17. Thông qua và công bố Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Điều lệ công ty)

1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản 2 và Khoản 3 Điều này, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề thuộc thẩm quyền Đại hội đồng cổ đông sẽ được thông qua khi có từ 51% trở lên tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông; hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại; Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh; Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty; Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty, Tổ chức lại, giải thể công ty; được thông qua khi có ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.
3. Việc bầu thành viên HĐQT hoặc Ban kiểm soát thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT hoặc Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.
4. Các nghị quyết Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định
5. Nghị quyết cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày kết thúc cuộc họp.

3. Mục 3. Quy định về một số báo cáo bắt buộc phải trình Đại hội đồng cổ đông thường niên

Điều 18. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 9 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của HĐQT trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị theo quy định tại khoản 3 Điều 158 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Hội đồng quản trị và các quyết định của Hội đồng quản trị;

- c. Kết quả đánh giá của thành viên độc lập Hội đồng quản trị về hoạt động của Hội đồng quản trị (nếu có);
- d. Hoạt động của tiểu ban Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội đồng quản trị trong trường hợp công ty đại chúng hoạt động theo mô hình quy định tại điểm b khoản 1 Điều 134 Luật doanh nghiệp;
- e. Hoạt động của các tiểu ban khác thuộc Hội đồng quản trị (nếu có);
- f. Kết quả giám sát đối với Tổng Giám đốc;
- g. Kết quả giám sát đối với người điều hành khác;
- h. Các kế hoạch trong tương lai.

Điều 19. Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát tại Đại hội đồng cổ đông thường niên

(Căn cứ quy định tại Điều 10 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Báo cáo hoạt động của Ban kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông thường niên tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

- a. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban kiểm soát và từng Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 3 Điều 167 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
- b. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban kiểm soát;
- c. Kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của công ty;
- d. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các người điều hành doanh nghiệp khác;
- e. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.

Điều 20. Báo cáo tình hình quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 30 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Báo cáo tình hình quản trị công ty phải đượ công bố thông tin định kỳ 06 tháng một lần và nội dung báo cáo phải tuân thủ các nội dung theo phụ lục 05 Thông tư số 155/2015/TT-BTC ngày 06 tháng 10 năm 2015.
2. Công ty phải công bố thông tin về tình hình quản trị năm của công ty tại các kỳ Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của Công ty theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.

II. QUY ĐỊNH ĐỐI VỚI VIỆC LẤY Ý KIẾN CỔ ĐÔNG BẰNG VĂN BẢN

Điều 21. Trường hợp được lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Điều lệ công ty)

Các nội dung sau đây có thể được thông qua bằng hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản:

- a. Định hướng phát triển công ty;
- b. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT và Ban kiểm soát;
- c. Các vấn đề khác khi xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

Điều 22. Trường hợp không được lấy ý kiến bằng văn bản

Các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 21 Điều lệ công ty.

Điều 23. Quy trình lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 8 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 22, 24 Điều lệ công ty)

1. HĐQT tổ chức họp và ban hành Nghị quyết HĐQT thông qua ngày đăng ký cuối cùng lập danh sách cổ đông có quyền biểu quyết. Nghị quyết HĐQT phải được công bố thông tin chậm nhất hai mươi (20) ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.
2. HĐQT phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết. HĐQT phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến. Yêu cầu và cách thức gửi phiếu lấy ý kiến và tài liệu kèm theo được thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 18 Điều lệ công ty.
3. Quy định về Phiếu lấy ý kiến
 - a. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - + Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - + Mục đích lấy ý kiến;
 - + Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của cổ đông là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử của cổ đông;
 - + Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - + Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;
 - + Phương án bầu cử (nếu có);
 - + Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;
 - + Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT và người đại diện theo pháp luật của Công ty.
 - b. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức hoặc cá nhân, người đại diện theo pháp luật của tổ chức được ủy quyền.
 - c. Phiếu lấy ý kiến có thể được gửi về Công ty theo các hình thức sau:
 - + Gửi thư: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;
 - + Gửi fax hoặc thư điện tử: Phiếu lấy ý kiến gửi về Công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến Công ty nhận được sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư hoặc được công bố trước thời điểm kiểm

phiếu trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.

4. Kiểm phiếu và lập Biên bản kiểm phiếu

HDQT kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Ban kiểm soát hoặc của cổ đông không phải là người điều hành doanh nghiệp. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua nghị quyết;
- c. Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết/phiếu bầu đã tham gia biểu quyết/bầu cử trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử hợp lệ và số biểu quyết/bầu cử không hợp lệ và phương thức gửi phiếu biểu quyết/phiếu bầu cử, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết/bầu cử;
- d. Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề và tổng số phiếu bầu cử từng ứng viên;
- e. Các vấn đề đã được thông qua;
- f. Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HDQT, người đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HDQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

5. Nghị quyết và Biên bản kiểm phiếu

- a. Biên bản kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp Công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải trên trang thông tin điện tử của Công ty trong vòng hai mươi tư (24) giờ, kể từ thời điểm kết thúc kiểm phiếu.
- b. Nghị quyết được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản thực hiện theo điều 21 Điều lệ công ty và có giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

6. Lưu tài liệu: Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

7. Yêu cầu hủy bỏ Quyết định của Đại hội đồng cổ đông thông qua hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

- a. Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản, thành viên HDQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
 - i. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật

doanh nghiệp và Điều lệ công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 21 Điều lệ công ty.

- ii. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.
- b. Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong vòng ba mươi (30) ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

XXV. CHƯƠNG 3 – HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ CUỘC HỌP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

4. Mục 1. Quy định chung

Điều 24. Thành phần và nhiệm kỳ HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 26 Điều lệ công ty)

1. Số lượng thành viên HĐQT là 05 người. Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Cơ cấu thành viên HĐQT như sau:
 - a. Tổng số thành viên thành viên độc lập HĐQT phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên HĐQT. Số lượng tối thiểu thành viên độc lập Hội đồng quản trị được xác định theo phương thức làm tròn xuống.
 - b. Thành viên HĐQT không còn tư cách thành viên HĐQT trong các trường hợp sau:
 - i. Không đủ tư cách làm thành viên HĐQT theo quy định của Luật doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên HĐQT;
 - ii. Có đơn từ chức;
 - iii. Bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của HĐQT có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;
 - iv. Không tham dự các cuộc họp của HĐQT trong vòng sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - v. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - vi. Cung cấp thông tin cá nhân sai khi gửi cho Công ty với tư cách là ứng viên HĐQT;
 - vii. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
3. Việc bổ nhiệm thành viên HĐQT phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.
4. Thành viên HĐQT có thể không phải là cổ đông của Công ty.

Điều 25. Quyền và trách nhiệm của Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 14 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT có đầy đủ các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền được cung cấp các thông tin, tài liệu về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh của công ty và của các đơn vị trong công ty.
2. Thành viên HĐQT có trách nhiệm theo quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra phải đảm bảo các trách nhiệm sau:

- a. Thực hiện các nhiệm vụ của mình một cách trung thực, cẩn trọng vì lợi ích cao nhất của cổ đông và của công ty;
 - b. Tham dự đầy đủ các cuộc họp của HĐQT và có ý kiến rõ ràng về các vấn đề được đưa ra thảo luận;
 - c. Báo cáo kịp thời và đầy đủ HĐQT các khoản thù lao mà họ nhận được từ các công ty con, công ty liên kết và các tổ chức khác mà họ là người đại diện phần vốn góp của công ty;
 - d. Báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và thực hiện công bố thông tin khi thực hiện giao dịch cổ phiếu của công ty theo quy định của pháp luật.
3. Thành viên HĐQT có thể được công ty mua bảo hiểm trách nhiệm sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông. Bảo hiểm này không bao gồm bảo hiểm cho những trách nhiệm của thành viên HĐQT liên quan đến việc vi phạm pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 26. Trách nhiệm và nghĩa vụ của HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điều 15 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

HĐQT phải tuân thủ đầy đủ trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra HĐQT có các trách nhiệm và nghĩa vụ sau:

1. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động của công ty;
2. Đối xử bình đẳng đối với tất cả cổ đông và tôn trọng lợi ích của người có quyền lợi liên quan đến công ty;
3. Đảm bảo hoạt động của công ty tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và quy định nội bộ của công ty;
4. Xây dựng Quy chế nội bộ về quản trị công ty và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua;
5. Báo cáo hoạt động của HĐQT tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 18 Quy chế này.
6. Báo cáo về tình hình quản trị công ty tại Đại hội đồng cổ đông thường niên và tại Báo cáo thường niên của công ty.

5. Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm thành viên HĐQT

Điều 27. Tiêu chuẩn Thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 151 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 12 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không nhất thiết phải là cổ đông của công ty, trừ trường hợp Điều lệ công ty quy định khác.
 - c. Thành viên HĐQT công ty có thể đồng thời là thành viên HĐQT của công ty khác.

2. Số lượng và cơ cấu thành viên HĐQT thực hiện theo Điều 24 Quy chế này.
3. Việc Chủ tịch HĐQT kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc Công ty thực hiện theo Điều lệ công ty và quy định của Pháp luật hiện hành.
4. Thành viên HĐQT của 01 công ty không được đồng thời là thành viên HĐQT tại quá 05 công ty khác.

Điều 28. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí thành viên HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2,3 Điều 25 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 30% đến dưới 40% được đề cử tối đa ba (03) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên; từ 60% đến dưới 70% được đề cử tối đa sáu (06) ứng viên; từ 70% đến 80% được đề cử tối đa bảy (07) ứng viên; và từ 80% đến dưới 90% được đề cử tối đa tám (08) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng cử viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Khoản 4 Điều 33 Quy chế này. Thủ tục HĐQT đương nhiệm giới thiệu ứng viên HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều 33 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 29. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu TV HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 11 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 1 Điều 25 Điều lệ công ty)

Trường hợp đã xác định được trước ứng viên, thông tin liên quan đến các ứng viên HĐQT được đưa vào tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông và công bố tối thiểu mười (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Công ty để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng viên HĐQT phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác và hợp lý của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực nếu được bầu làm thành viên HĐQT. Thông tin liên quan đến ứng viên HĐQT được công bố bao gồm các nội dung tối thiểu sau đây:

- a. Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
- b. Trình độ học vấn;
- c. Trình độ chuyên môn;
- d. Quá trình công tác;
- e. Các công ty mà ứng viên đang nắm giữ chức vụ thành viên HĐQT và các chức danh quản lý khác;
- f. Báo cáo đánh giá về đóng góp của ứng viên cho Công ty, trong trường hợp ứng viên đó hiện đang là thành viên HĐQT của Công ty;
- g. Các lợi ích có liên quan tới Công ty (nếu có);
- h. Họ, tên của cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cử ứng viên đó (nếu có);
- i. Các thông tin khác (nếu có).

Điều 30. Cách thức bầu thành viên HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của HĐQT và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên HĐQT được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của HĐQT thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử.

Điều 31. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

(Căn cứ Điều 156 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Thành viên HĐQT bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:
 - a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật doanh nghiệp;
 - b. Có đơn từ chức;
 - c. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - d. Trường hợp khác quy định tại Điều lệ công ty.
2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 32. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 33. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT

1. HĐQT hoặc các đối tượng khác theo quy định tại Khoản 3 Điều 34 Quy chế này triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu cử thành viên HĐQT để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 28 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử thành viên HĐQT và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 3 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. HĐQT tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên HĐQT thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, HĐQT sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên hợp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;

- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải được đa số Thành viên HĐQT đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;
- + Ứng viên do HĐQT giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp.

6. Mục 3 – Quy định về cuộc họp HĐQT

Điều 34. Cuộc họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 4 Điều 152 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 16 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Quy định chung về cuộc họp HĐQT

- a. HĐQT phải tổ chức họp ít nhất mỗi quý một (01) lần theo trình tự được quy định tại Điều lệ công ty và Điều 35 Quy chế này. Việc tổ chức họp HĐQT, chương trình họp và các tài liệu liên quan được thông báo trước cho các thành viên HĐQT theo thời hạn quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- b. Biên bản họp HĐQT phải được lập chi tiết và rõ ràng, Chủ tọa cuộc họp và người ghi biên bản phải ký tên vào biên bản cuộc họp, Biên bản họp HĐQT phải được lưu giữ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.
- c. Hàng năm, HĐQT yêu cầu thành viên độc lập HĐQT có báo cáo đánh giá về hoạt động của HĐQT và báo cáo đánh giá này có thể được công bố tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.

2. Quy định về cuộc họp đầu tiên

Trường hợp HĐQT bầu Chủ tịch thì Chủ tịch HĐQT sẽ được bầu trong cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử HĐQT nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một (01) thành viên có số phiếu bầu cao nhất hoặc tỷ lệ phiếu bầu cao nhất thì các thành viên bầu theo nguyên tắc đa số để chọn một (01) người trong số họ triệu tập họp HĐQT.

3. Quy định về cuộc họp định kỳ và bất thường

- a. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập các cuộc họp HĐQT định kỳ và bất thường, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Chủ tịch có thể triệu tập họp khi xét thấy cần thiết, nhưng mỗi quý phải họp ít nhất một (01) lần.
- b. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản nêu rõ mục đích cuộc họp, vấn đề cần thảo luận:
 - i. Ban kiểm soát hoặc Thành viên độc lập HĐQT;
 - ii. Tổng Giám đốc hoặc ít nhất năm (05) người điều hành khác;
 - iii. Ít nhất hai (02) thành viên HĐQT;
 - iv. Các trường hợp khác (nếu có).
- c. Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đề nghị nêu tại Điểm b, khoản 3 Điều này. Trường hợp không

triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch HĐQT phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Công ty; những người đề nghị tổ chức họp được nêu tại Điểm b, Khoản này có quyền triệu tập họp HĐQT.

- d. Trường hợp có yêu cầu của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty, Chủ tịch HĐQT phải triệu tập họp HĐQT để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.
- e. Trường hợp Chủ tịch HĐQT vắng mặt hoặc không thể thực hiện được nhiệm vụ của mình thì ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp không có người được ủy quyền thì các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời giữ chức Chủ tịch HĐQT theo nguyên tắc đa số.

Điều 35. Quy định về trình tự và thủ tục tổ chức họp HĐQT

(Căn cứ quy định tại Khoản 7,8 Điều 153; Điều 154 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Điều 30 Điều lệ công ty)

1. Thông báo họp HĐQT (gồm chương trình họp, thời gian, địa điểm, các tài liệu liên quan và các phiếu bầu cho những thành viên HĐQT không thể dự họp);
 - a. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên ít nhất ba (03) ngày làm việc trước ngày họp. Thành viên HĐQT có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản, việc từ chối này có thể được thay đổi hoặc hủy bỏ bằng văn bản của thành viên HĐQT đó. Thông báo họp HĐQT phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về những vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp và phiếu biểu quyết của thành viên;
 - b. Thông báo mời họp được gửi bằng thư, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của từng thành viên HĐQT và các Kiểm soát viên được đăng ký tại Công ty;
 - c. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gửi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo đến các Kiểm soát viên như đối với các thành viên HĐQT. Kiểm soát viên có quyền dự các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết;
 - d. Địa điểm họp: Cuộc họp HĐQT được tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch HĐQT và được sự nhất trí của HĐQT
 - e. Các hình thức họp khác:

Cuộc họp của HĐQT có thể tổ chức theo hình thức hội nghị trực tuyến giữa các thành viên của HĐQT khi tất cả hoặc một số thành viên đang ở những địa điểm khác nhau với điều kiện là mỗi thành viên tham gia họp đều có thể:

- + Nghe từng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- + Phát biểu với tất cả các thành viên tham dự khác một cách đồng thời.

Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp đó. Địa điểm cuộc họp được tổ chức theo quy định này là địa điểm mà có đông nhất thành viên HĐQT, hoặc là địa điểm có mặt Chủ tọa cuộc họp.

Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại được tổ chức và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp nhưng phải được khẳng định bằng các chữ ký trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

2. Điều kiện tổ chức họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT được tiến hành khi có ít nhất ba phần tư (3/4) tổng số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền) nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận;
- b. Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lần thứ hai được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp;
- c. Thành viên HĐQT chỉ được ủy quyền cho người khác dự họp nếu được đa số thành viên HĐQT chấp thuận.

3. Cách thức biểu quyết:

- a. Trừ quy định tại Khoản 2 điều này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người được ủy quyền theo quy định tại Khoản 2 Điều này trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có một (01) phiếu biểu quyết;
- b. Thành viên HĐQT không được biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc đề xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không được tính vào tỷ lệ thành viên tối thiểu có mặt để có thể tổ chức cuộc họp HĐQT về những quyết định mà thành viên đó không có quyền biểu quyết;
- c. Theo quy định tại Khoản d Khoản 3 Điều này, khi có vấn đề phát sinh tại cuộc họp liên quan đến lợi ích hoặc quyền biểu quyết của thành viên HĐQT mà thành viên đó không tự nguyện từ bỏ quyền biểu quyết, phán quyết của chủ tọa là quyết định cuối cùng, trừ trường hợp tính chất hoặc phạm vi lợi ích của thành viên HĐQT liên quan chưa được công bố đầy đủ;
- d. Thành viên HĐQT hưởng lợi từ một hợp đồng được quy định tại Điểm a và b Khoản 4 Điều 41 Điều lệ được coi là có lợi ích đáng kể trong hợp đồng đó;
- e. Thành viên HĐQT trực tiếp hoặc gián tiếp được hưởng lợi từ một hợp đồng hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đang dự kiến ký kết với Công ty và biết bản thân là người có lợi ích trong đó có trách nhiệm công khai lợi ích này tại cuộc họp đầu tiên của Hội đồng thảo luận về việc ký kết hợp đồng hoặc giao dịch này. Trường hợp thành viên HĐQT không biết bản thân và người liên quan có lợi ích vào thời điểm hợp đồng, giao dịch được ký với Công ty, thành viên HĐQT này phải công khai các lợi ích liên quan tại cuộc họp đầu tiên của HĐQT được tổ chức sau khi thành viên này biết rằng mình có lợi ích hoặc sẽ có lợi ích trong giao dịch hoặc hợp đồng nêu trên;
- f. Thành viên HĐQT có thể gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử. Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch HĐQT chậm nhất một (01) giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.

4. Cách thức thông qua nghị quyết của HĐQT:

- a. HĐQT thông qua các quyết định và ra nghị quyết trên cơ sở đa số thành viên HĐQT dự họp tán thành. Trường hợp số phiếu tán thành và phản đối ngang bằng nhau, phiếu biểu quyết của Chủ tịch HĐQT là phiếu quyết định;
- b. Nghị quyết theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được thông qua trên cơ sở ý kiến tán thành của đa số thành viên HĐQT có quyền biểu quyết. Nghị quyết này có hiệu lực và giá trị như nghị quyết được thông qua tại cuộc họp.

5. Ghi biên bản họp HĐQT:

- a. Các cuộc họp của HĐQT phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung chủ yếu sau đây:
 - i. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
 - ii. Mục đích, chương trình và nội dung họp;
 - iii. Thời gian, địa điểm họp;
 - iv. Họ, tên từng thành viên dự họp hoặc người được ủy quyền dự họp và cách thức dự họp; họ, tên các thành viên không dự họp và lý do;
 - v. Các vấn đề được thảo luận và biểu quyết tại cuộc họp;
 - vi. Tóm tắt phát biểu ý kiến của từng thành viên dự họp theo trình tự diễn biến của cuộc họp;
 - vii. Kết quả biểu quyết trong đó ghi rõ những thành viên tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - viii. Các vấn đề đã được thông qua;
 - ix. Họ, tên, chữ ký chủ tọa và người ghi biên bản.

Chủ tọa và người ghi biên bản phải chịu trách nhiệm về tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

- b. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty;
- c. Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng;
- d. Chủ tịch HĐQT có trách nhiệm gửi nghị quyết, biên bản họp HĐQT tới các thành viên và biên bản đó là bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong cuộc họp trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười (10) ngày kể từ ngày gửi.

6. Thông báo nghị quyết HĐQT.

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của hiện hành.

7. Mục 1. Quy định chung

Điều 36. Thành phần Ban Kiểm soát

(Căn cứ quy định tại 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13; Khoản 1, 3 Điều 38 Điều lệ công ty)

1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là ba (03) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên không quá năm (05) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
2. Các Kiểm soát viên bầu một (01) người trong số họ làm Trưởng ban theo nguyên tắc đa số. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty. Trưởng ban kiểm soát có các quyền và trách nhiệm sau:
 - a. Triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát;
 - b. Yêu cầu HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành khác cung cấp các thông tin liên quan để báo cáo Ban kiểm soát;
 - c. Lập và ký báo cáo của Ban kiểm soát sau khi đã tham khảo ý kiến của HĐQT để trình Đại hội đồng cổ đông.

Điều 37. Quyền và nghĩa vụ của Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

1. Kiểm soát viên có các quyền theo quy định của Luật doanh nghiệp, pháp luật liên quan và Điều lệ công ty, trong đó có quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác có trách nhiệm cung cấp các thông tin kịp thời và đầy đủ theo yêu cầu của Kiểm soát viên.
2. Kiểm soát viên có trách nhiệm tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Công ty có thể hướng dẫn quy định về hoạt động và thực thi nhiệm vụ của Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 38. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 22 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP)

Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty, ngoài ra Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ sau:

1. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của công ty;
2. Chịu trách nhiệm trước cổ đông về hoạt động giám sát của mình;
3. Giám sát tình hình tài chính công ty, tính hợp pháp trong các hoạt động của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác, sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với HĐQT, Tổng Giám đốc và cổ đông;
4. Trường hợp phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác, phải thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng 48 giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;

5. Báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 19 Quy chế này.

8. Mục 2 – Quy định về Đề cử, Ứng cử, Bầu, Miễn nhiệm và Bãi nhiệm Kiểm soát viên

Điều 39. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 2 Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

Kiểm soát viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 164 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty và không thuộc các trường hợp sau:

- + Làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty;
 - + Là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty trong ba (03) năm liền trước đó.
2. Trường hợp công ty niêm yết, Kiểm soát viên phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên.
3. Trưởng Ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.

Điều 40. Cách thức cổ đông, nhóm cổ đông ứng cử, đề cử người vào vị trí Kiểm soát viên theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty)

1. Các cổ đông nắm giữ cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết để đề cử các ứng viên Ban kiểm soát. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết được đề cử một (01) ứng viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử tối đa hai (02) ứng viên; từ 40% đến dưới 50% được đề cử tối đa bốn (04) ứng viên; từ 50% đến dưới 60% được đề cử tối đa năm (05) ứng viên.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên Ban kiểm soát thông qua đề cử và ứng cử không đủ số lượng cần thiết, Ban kiểm soát đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế quy định tại Khoản 4 Điều 45 Quy chế này. Thủ tục Ban kiểm soát đương nhiệm giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát thực hiện theo quy định tại Điều 45 Quy chế này và phải được công bố rõ ràng.

Điều 41. Công bố thông tin ứng viên tham gia bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 37 Điều lệ công ty)

Việc xác định ứng viên và công bố thông tin ứng viên thực hiện tương tự quy định tại Điều 29 Quy chế này.

Điều 42. Cách thức bầu Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 144 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 và Khoản 3 Điều 21 Điều lệ công ty)

Việc biểu quyết bầu Kiểm soát viên phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử Kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất

cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ 02 ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

(Căn cứ quy định tại Điều 169 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại Luật doanh nghiệp;
 - b. Không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình trong sáu (06) tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;
 - c. Có đơn từ chức và được chấp thuận;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.
2. Kiểm soát viên bị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:
 - a. Không hoàn thành nhiệm vụ, công việc được phân công;
 - b. Vi phạm nghiêm trọng hoặc vi phạm nhiều lần nghĩa vụ của Kiểm soát viên quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
 - c. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;
 - d. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty.

Điều 44. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Kiểm soát viên, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

Điều 45. Cách thức giới thiệu ứng viên Ban kiểm soát

1. Ban kiểm soát triệu tập cuộc họp Ban kiểm soát về việc bầu cử Kiểm soát viên để phổ biến nội dung bầu cử: số lượng, tiêu chuẩn ứng viên tham gia bầu cử, cách thức đề cử, ứng cử theo quy định tại Điều 40 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ được thực hiện tại Đại hội đồng cổ đông gần nhất hoặc thông qua hình thức tổ chức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản.
2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu cử Kiểm soát viên và các trình tự thủ tục về triệu tập và bầu cử sẽ thực hiện theo Chương 4 Quy chế này trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và điều kiện, cách thức bầu cử, thủ tục thực hiện ứng cử, đề cử ...
3. Công ty tổng hợp danh sách ứng viên thông qua đề cử, ứng cử và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng đủ tiêu chuẩn và điều kiện làm Kiểm soát viên theo quy định tại khoản 2 Điều này.
4. Trường hợp số lượng ứng viên BKS thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, BKS sẽ chuẩn bị danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:
 - + Số lượng ứng viên: là số lượng còn thiếu sau khi tổng hợp danh sách ứng viên họp lệ thông qua đề cử, ứng cử tại Khoản 3, Điều này;
 - + Ứng viên do BKS giới thiệu phải được đa số Kiểm soát viên đương nhiệm tiến hành biểu quyết thông qua;

- + Ứng viên do BKS giới thiệu phải đảm bảo tối thiểu các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp.

9. Mục 3 – Quy định về cuộc họp Ban kiểm soát

Điều 46. Cuộc họp Ban kiểm soát

(Căn cứ quy định tại Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số Kiểm soát viên. Biên bản họp Ban kiểm soát được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các Kiểm soát viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng Kiểm soát viên.
2. Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và đại diện công ty kiểm toán độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm.

XXVII. CHƯƠNG 5 – TIỂU BAN TRỰC THUỘC HĐQT

Điều 47. Các tiểu ban trực thuộc HĐQT

(Căn cứ quy định tại điều 17 ND 71, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Để hỗ trợ hoạt động của HĐQT, HĐQT có thể thành lập và ủy quyền cho các tiểu ban trực thuộc theo quy định Điều 31 Điều lệ công ty.
2. HĐQT công ty có thể thành lập các tiểu ban hỗ trợ hoạt động của HĐQT là tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng và các tiểu ban khác. HĐQT cần bổ nhiệm một (01) thành viên độc lập HĐQT làm trưởng ban các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng. Việc thành lập các tiểu ban phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
3. Trường hợp, không thành lập các tiểu ban nhân sự, tiểu ban lương thưởng, HĐQT có thể phân công thành viên độc lập HĐQT giúp HĐQT trong các hoạt động nhân sự, lương thưởng.
4. HĐQT quy định chi tiết về việc thành lập tiểu ban, trách nhiệm của từng tiểu ban, trách nhiệm của thành viên của tiểu ban hoặc trách nhiệm của thành viên độc lập được cử phụ trách về nhân sự, lương thưởng.

Điều 48. Tiểu ban chính sách phát triển

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Cơ cấu của tiểu ban chính sách phát triển: Tiểu ban Chính sách phát triển Công ty gồm ba (03) thành viên, Trưởng tiểu ban do HĐQT bổ nhiệm. Tiểu ban Chính sách phát triển có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT) do Trưởng tiểu ban quyết định.
2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban chính sách phát triển, trưởng tiểu ban:
 - a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên HĐQT;
 - b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
 - d. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về lĩnh vực hoạt động của công ty;
 - e. Tốt nghiệp chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh hoặc các ngành có liên quan;

- f. Có kinh nghiệm làm việc 03 năm tại vị trí Tổng Giám đốc kinh doanh hoặc vị trí tương đương;
3. Quy định về việc thành lập tiểu ban chính sách phát triển: Việc thành lập các tiểu ban chính sách phát triển phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
 4. Trách nhiệm của tiểu ban chính sách phát triển và từng thành viên:
 - a. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, chính sách thuộc thẩm quyền của mình liên quan đến việc lập kế hoạch, chiến lược phát triển trong hoạt động của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
 - b. Phân tích, xem xét, nghiên cứu, đánh giá các yếu tố trong quá khứ, hiện tại và xu hướng trong tương lai ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty;
 - c. Tham mưu cho HĐQT trong việc xác định mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh trong ngắn hạn cũng như dài hạn;
 - d. Tham mưu cho HĐQT trong việc đề ra các giải pháp nhằm thực hiện thành công các mục tiêu, định hướng, chiến lược kinh doanh đã đề ra;
 - e. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban kế hoạch và chiến lược phát triển do HĐQT phê chuẩn.

Điều 49. Tiểu ban nhân sự

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Cơ cấu của tiểu ban nhân sự: Tiểu ban nhân sự Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên độc lập HĐQT là Trưởng Ban. Tiểu ban nhân sự có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT) do Trưởng tiểu ban quyết định.
2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban nhân sự, trưởng tiểu ban:
 - a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật như luật Lao động, luật Thuế Thu nhập cá nhân, luật Bảo hiểm y tế, luật Bảo hiểm xã hội và các quy định có liên quan;
 - d. Các thành viên của tiểu ban phải có trình độ chuyên môn về nhân sự, hiểu biết về đặc điểm nhân sự của công ty;
 - e. Có kinh nghiệm làm việc 03 năm tại vị trí Tổng Giám đốc nhân sự hoặc vị trí tương đương.
3. Quy định về việc thành lập tiểu ban nhân sự: Việc thành lập các tiểu ban nhân sự phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trách nhiệm của tiểu ban nhân sự và từng thành viên:
 - a. Tham mưu cho HĐQT trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của HĐQT về các vấn đề liên quan đến tổ chức bộ máy, nhân sự trong quá trình quản trị Công ty;
 - b. Tham mưu cho HĐQT về quy mô, cơ cấu HĐQT, những người điều hành doanh nghiệp nhằm phù hợp với quy mô hoạt động và chiến lược phát triển của Công ty;

- c. Tham mưu cho HĐQT xử lý các vấn đề nhân sự phát sinh trong quá trình tiến hành các thủ tục bầu, bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm các chức danh thành viên HĐQT, kiểm soát viên và người điều hành doanh nghiệp theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- d. Tham mưu cho HĐQT trong việc ban hành các quy trình, quy định nội bộ của Công ty thuộc thẩm quyền của mình về quy chế tuyển chọn nhân sự, đào tạo, chính sách đãi ngộ khác đối với người điều hành doanh nghiệp, nhân viên của Công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- e. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban nhân sự do HĐQT phê chuẩn.

Điều 50. Tiểu ban lương thưởng

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 17 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Cơ cấu của tiểu ban lương thưởng: Tiểu ban lương thưởng Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên độc lập HĐQT hành là Trưởng Ban. Tiểu ban lương thưởng có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do HĐQT quyết định.
2. Tiêu chuẩn thành viên của tiểu ban lương thưởng, trưởng tiểu ban:
 - a. Trưởng tiểu ban phải là thành viên độc lập HĐQT;
 - b. Các thành viên của tiểu ban có năng lực hành vi dân sự đầy đủ;
 - c. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về pháp luật;
 - d. Các thành viên của tiểu ban phải có hiểu biết về tình hình tài chính của công ty;
3. Quy định về việc thành lập tiểu ban lương thưởng: Việc thành lập các tiểu ban lương thưởng phải được sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông.
4. Trách nhiệm của tiểu ban lương thưởng và từng thành viên:
 - a. Tham mưu cho HĐQT ban hành các quy chế, chính sách về lương thưởng và giám sát việc thực hiện các chính sách này;
 - b. Xây dựng, đề xuất về định mức lương, thưởng và các lợi ích khác đối với thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, những người điều hành doanh nghiệp cũng như các tiêu chí đánh giá liên quan đến việc lương thưởng của các thành viên này;
 - c. Tham mưu cho HĐQT các chương trình khen thưởng cho cán bộ, nhân viên có thành tích xuất sắc một cách công khai, công bằng, phù hợp và kịp thời;
 - d. Các chức năng, nhiệm vụ khác, quy định trong quy chế tổ chức và hoạt động của Tiểu ban lương thưởng do HĐQT phê chuẩn.

Điều 51. Tiểu ban Kiểm toán nội bộ

(Căn cứ quy định tại Điều 31 Điều lệ công ty)

1. Cơ cấu, thành phần của tiểu ban kiểm toán nội bộ: Tiểu ban kiểm toán nội bộ Công ty gồm ba (03) thành viên, do một thành viên HĐQT là Trưởng Ban. Tiểu ban kiểm toán nội bộ có các thành viên là thành viên HĐQT và một số thành viên khác (không phải là thành viên HĐQT), do Trưởng tiểu ban quyết định.
2. Các tiêu chuẩn của thành viên tiểu ban kiểm toán nội bộ, trưởng ban:
 - a. Có phẩm chất trung thực, ý thức chấp hành pháp luật;

- b. Có bằng đại học trở lên các chuyên ngành phù hợp, có kiến thức đầy đủ và luôn được cập nhật về các lĩnh vực được giao thực hiện kiểm toán nội bộ;
 - c. Đã có thời gian từ năm (05) năm trở lên làm việc theo chuyên ngành đào tạo hoặc từ 03 năm trở lên làm việc tại đơn vị đang công tác hoặc từ ba (03) năm trở lên làm kế toán, kiểm toán hoặc thanh tra;
 - d. Có kiến thức, hiểu biết chung về pháp luật và hoạt động của đơn vị; Có khả năng thu thập, phân tích, đánh giá và tổng hợp thông tin; Có kiến thức, kỹ năng về kiểm toán nội bộ;
 - e. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có bằng đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, quản trị kinh doanh, ngân hàng, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật hoặc có chứng chỉ về kiểm toán nội bộ do Tổ chức nghề nghiệp quốc tế về kiểm toán nội bộ cấp;
 - f. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải có thời gian công tác thực tế về tài chính, kế toán, kiểm toán, kiểm soát, thanh tra ít nhất năm (05) năm kinh nghiệm công tác;
 - g. Trưởng tiểu ban kiểm toán nội bộ phải là thành viên HĐQT;
3. Quyền và trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ
- a. Quyền của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - i. Được cung cấp đầy đủ, kịp thời tất cả các thông tin, tài liệu, hồ sơ cần thiết cho hoạt động kiểm toán nội bộ như: báo cáo tài chính, báo cáo quản trị, chiến lược;
 - ii. Được tiếp cận, xem xét tất cả các quy trình nghiệp vụ, tài sản khi thực hiện kiểm toán nội bộ, được tiếp cận, phỏng vấn tất cả cán bộ, nhân viên của Công ty về các vấn đề liên quan đến nội dung kiểm toán;
 - iii. Được nhận tài liệu, văn bản, biên bản họp của HĐQT và các bộ phận chức năng khác có liên quan đến công việc của kiểm toán nội bộ;
 - iv. Được tham dự các cuộc họp nội bộ theo quy định của pháp luật hoặc theo quy định tại Điều lệ, quy định nội bộ của Công ty;
 - v. Được giám sát, đánh giá và theo dõi các hoạt động sửa chữa, khắc phục, hoàn thiện của lãnh đạo Phòng ban, bộ phận đối với các vấn đề mà kiểm toán nội bộ đã ghi nhận và có khuyến nghị;
 - vi. Được bảo vệ an toàn trước hành động bất hợp tác của bộ phận/Phòng ban được kiểm toán;
 - vii. Được đào tạo để nâng cao năng lực cho nhân sự trong bộ phận kiểm toán nội bộ;
 - viii. Được chủ động thực hiện nhiệm vụ theo kế hoạch kiểm toán đã được phê duyệt;
 - ix. Các quyền hạn khác theo quy định của pháp luật và quy chế về kiểm toán nội bộ.
 - b. Trách nhiệm của tiểu ban kiểm toán nội bộ:
 - i. Bảo mật tài liệu, thông tin theo đúng quy định pháp luật hiện hành và Quy chế về kiểm toán nội bộ của đơn vị;
 - ii. Chịu trách nhiệm trước HĐQT về kết quả công việc kiểm toán nội bộ, về những đánh giá, kết luận, kiến nghị, đề xuất trong các báo cáo kiểm toán nội bộ;
 - iii. Theo dõi kết quả thực hiện các kiến nghị sau kiểm toán nội bộ của các bộ phận trong Công ty;

iv. Tổ chức đào tạo liên tục nhằm nâng cao và đảm bảo năng lực chuyên môn cho kiểm toán viên nội bộ.

4. Nhiệm vụ của tiểu ban kiểm toán nội bộ:

- a. Xây dựng quy trình nghiệp vụ kiểm toán nội bộ tại Công ty trình cấp quản lý trực tiếp Trưởng kiểm toán nội bộ xem xét, phê duyệt;
- b. Lập kế hoạch kiểm toán nội bộ hàng năm và thực hiện hoạt động kiểm toán nội bộ theo kế hoạch được phê duyệt;
- c. Thực hiện các chính sách, quy trình và thủ tục kiểm toán nội bộ đã được phê duyệt, đảm bảo chất lượng và hiệu quả;
- d. Kiểm toán đột xuất và tư vấn theo yêu cầu của HĐQT;
- e. Kiến nghị các biện pháp sửa chữa, khắc phục sai sót; đề xuất biện pháp nhằm hoàn thiện, nâng cao hiệu lực, hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ;
- f. Lập báo cáo kiểm toán;
- g. Thông báo và gửi kịp thời kết quả kiểm toán nội bộ theo quy định;
- h. Phát triển, chỉnh sửa, bổ sung, hoàn thiện phương pháp kiểm toán nội bộ và phạm vi hoạt động của kiểm toán nội bộ để có thể cập nhật, theo kịp sự phát triển của Công ty;
- i. Tư vấn cho cơ quan, đơn vị, doanh nghiệp trong việc lựa chọn, kiểm soát sử dụng dịch vụ kiểm toán độc lập bảo đảm tiết kiệm, hiệu quả;
- j. Trình bày ý kiến của kiểm toán nội bộ để HĐQT xem xét, quyết định dự toán ngân sách, phân bổ và giao dự toán ngân sách, quyết toán ngân sách, báo cáo tài chính, báo cáo quản trị. Thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật;
- k. Duy trì việc trao đổi thường xuyên với tổ chức kiểm toán độc lập của đơn vị nhằm đảm bảo hợp tác có hiệu quả;
- l. Thực hiện các nhiệm vụ khác HĐQT giao hoặc theo quy định của pháp luật.

5. Cuộc họp của tiểu ban kiểm toán nội bộ

Tiểu ban kiểm toán nội bộ phải họp ít nhất hai (02) lần trong một năm, số lượng thành viên tham dự họp ít nhất là hai phần ba (2/3) số thành viên. Biên bản họp tiểu ban kiểm toán nội bộ được lập chi tiết và rõ ràng. Thư ký và các thành viên tham dự họp phải ký tên vào các biên bản cuộc họp. Các biên bản họp của tiểu ban kiểm toán nội bộ phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên.

XXVIII. CHƯƠNG 6 - NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP

Điều 52. Các tiêu chuẩn của người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 65, 157 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Điều 51, 52, 54 Luật kế toán số 88/2015/QH13, Điều 19 Nghị định số 174/2016/NĐ-CP)

1. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Phó Tổng Giám đốc
 - a. Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13;
 - b. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh của công ty;
3. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Kế toán trưởng
 - a. Không thuộc đối tượng những người bị cấm đảm nhiệm công tác kế toán quy định tại điều 52 Luật Kế toán số 88/2015/QH13 và Điều 19, Nghị định 174/2016/NĐ-CP;
 - b. Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp, trung thực, liêm khiết, có ý thức chấp hành pháp luật;
 - c. Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán;
 - d. Có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ trung cấp trở lên;
 - e. Có chứng chỉ bồi dưỡng kế toán trưởng;
 - f. Có thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là hai (02) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán từ trình độ đại học trở lên và thời gian công tác thực tế về kế toán ít nhất là ba (03) năm đối với người có chuyên môn, nghiệp vụ về kế toán trình độ trung cấp, cao đẳng.

Điều 53. Việc bổ nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điều 34 và Khoản 1, 2 Điều 35 và Điều lệ công ty)

1. Việc bổ nhiệm Tổng Giám đốc:
 - a. HĐQT bổ nhiệm một (01) thành viên HĐQT hoặc một người khác làm Tổng Giám đốc; ký hợp đồng trong đó quy định thù lao, tiền lương và lợi ích khác. Thù lao, tiền lương và lợi ích khác của Tổng Giám đốc phải được báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên, được thể hiện thành mục riêng trong Báo cáo tài chính năm và được nêu trong Báo cáo thường niên của Công ty;
 - b. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá năm (05) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng Giám đốc không phải là người mà pháp luật cấm giữ chức vụ này và phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Việc bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác:
 - a. Theo đề nghị của Tổng Giám đốc và được sự chấp thuận của HĐQT, Công ty được tuyển dụng người điều hành khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với cơ cấu và quy chế quản lý của Công ty do HĐQT quy định. Người điều hành doanh nghiệp phải có trách nhiệm miễn cán để hỗ trợ Công ty đạt được các mục tiêu đề ra trong hoạt động và tổ chức;
 - b. Thù lao, tiền lương, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc do HĐQT quyết định và hợp đồng với những người điều hành khác do HĐQT quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng Giám đốc.

Điều 54. Ký hợp đồng lao động với người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty)

Thẩm quyền ký kết và quyết định các điều khoản của hợp đồng lao động được quy định tại Điểm c Khoản 2 Điều 27 và Điều 35 Điều lệ công ty. Một thành viên HĐQT được ủy quyền sẽ ký kết hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

HĐQT có thể xem xét đưa vào thêm các điều khoản và các điều kiện khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng hoặc người điều hành doanh nghiệp khác.

Điều 55. Các trường hợp miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13)

1. Không còn đủ tiêu chuẩn và điều kiện quy định tại Điều 52 Quy chế này;
2. Có đơn xin nghỉ việc;
3. Các đối tượng không được tham gia quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13.

Điều 56. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm người điều hành doanh nghiệp, công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

XXIX. CHƯƠNG 7 – QUY ĐỊNH VỀ PHỐI HỢP HOẠT ĐỘNG GIỮA HĐQT, BAN KIỂM SOÁT VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 57. Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc

Thủ tục, trình tự triệu tập, thông báo mời họp, ghi biên bản, thông báo kết quả họp giữa HĐQT, Ban kiểm soát và Tổng Giám đốc được thực hiện theo thủ tục, trình tự triệu tập họp HĐQT được quy định tại Điều 35 Quy chế này.

Điều 58. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Ban kiểm soát

Nghị quyết, biên bản họp HĐQT sau khi được ban hành phải được gửi đến cho các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 59. Thông báo nghị quyết của HĐQT cho Tổng Giám đốc

Nghị quyết HĐQT (với các nội dung liên quan đến trách nhiệm, quyền hạn và nghĩa vụ của Tổng Giám đốc) sau khi được ban hành phải được gửi đến cho Tổng Giám đốc cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.

Điều 60. Các trường hợp Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đề nghị triệu tập họp HĐQT và những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT

(Căn cứ quy định tại Điểm h Khoản 3 Điều 57 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty)

1. Các trường hợp đề nghị triệu tập họp HĐQT
 - a. Ban kiểm soát có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy quyền tiếp cận các thông tin và tài liệu liên quan đến tình hình hoạt động của công ty của Kiểm soát viên không được thực hiện đầy đủ theo pháp luật hiện hành và Điều lệ công ty;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT theo quy định tại Khoản 1 Điều 39 Điều lệ công ty nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - b. Tổng Giám đốc có thể đề nghị triệu tập họp HĐQT trong các trường hợp sau:
 - + Khi xét thấy các quyền của Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều 35 Điều lệ công ty không được thực thi;
 - + Khi phát hiện hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của những người điều hành doanh nghiệp khác sau khi đã thực hiện thông báo bằng văn bản với HĐQT nhưng người có hành vi vi phạm chưa chấm dứt vi phạm hoặc có giải pháp khắc phục hậu quả;
2. Những vấn đề cần xin ý kiến HĐQT:
 - a. Kiến nghị với HĐQT về phương án cơ cấu tổ chức, quy chế quản lý nội bộ của Công ty;
 - b. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;
 - c. Kiến nghị số lượng và người điều hành doanh nghiệp mà Công ty cần tuyển dụng để HĐQT bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm theo quy chế nội bộ và kiến nghị thù lao, tiền lương và lợi ích khác đối với người điều hành doanh nghiệp để HĐQT quyết định;
 - d. Tham khảo ý kiến của HĐQT để quyết định số lượng người lao động, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm, mức lương, trợ cấp, lợi ích, và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ;
 - e. Xin ý kiến HĐQT phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm (05) năm;
 - f. Xin ý kiến HĐQT đối với Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;
 - g. Kiến nghị phương án trả cổ tức hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
 - h. Các nội dung khác khi xét thấy lợi ích của Công ty.

Điều 61. Báo cáo của Tổng Giám đốc với HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao

(Căn cứ quy định tại Phụ lục 4 Thông tư số 155/2015/TT-BTC, Khoản 3 Điều 35 Điều lệ công ty)

1. Báo cáo về tình hình thực hiện NQ của HĐQT và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông thông qua;
2. Định kỳ hàng quý, hàng năm báo cáo đánh giá tình hình tài chính, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty;
3. Báo cáo về những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý;
4. Báo cáo hằng năm về việc triển khai thực hiện các nghĩa vụ đối với môi trường, cộng đồng, người lao động;
5. Báo cáo về tình hình thực hiện các nội dung được HĐQT và Đại hội đồng cổ đông ủy quyền khác;
6. Thực hiện báo cáo các vấn đề khác theo yêu cầu của HĐQT.

Điều 62. Kiểm điểm việc thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT đối với Tổng Giám đốc

Căn cứ vào báo cáo của Tổng Giám đốc về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao theo quy định tại Điều 56 Quy chế này, HĐQT sẽ tiến hành kiểm điểm kết quả thực hiện nghị quyết và các vấn đề ủy quyền khác của HĐQT với Tổng Giám đốc.

Điều 63. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT, BKS

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 35, Khoản 3 Điều 41, Điều 43 Điều lệ công ty)

1. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho HĐQT
 - a. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn mười (10) ngày làm việc trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - b. Khi chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính phải được Tổng Giám đốc trình để HĐQT thông qua;
 - c. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và người điều hành doanh nghiệp;
 - d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
 - e. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật.

- f. Các nội dung khác cần xin ý kiến của HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
3. Các vấn đề Tổng Giám đốc phải báo cáo, cung cấp thông tin và cách thức thông báo cho BKS
 - a. Tổng Giám đốc có trách nhiệm hỗ trợ, phối hợp với BKS nhằm đảm bảo BKS thực hiện đúng trách nhiệm và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty
 - b. Báo cáo của Tổng Giám đốc trình HĐQT hoặc tài liệu khác do công ty phát hành được gửi đến các Kiểm soát viên cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên HĐQT.
 - c. HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, người điều hành doanh nghiệp khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên hoặc Ban kiểm soát.

Điều 64. Phối hợp hoạt động kiểm soát, điều hành, giám sát giữa các thành viên HĐQT, các kiểm soát viên và Tổng Giám đốc theo các nhiệm vụ cụ thể của các thành viên nêu trên

(Căn cứ quy định tại Điều 165, Điều 166 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13, Khoản 1 Điều 21, Điều 22, Khoản 2 Điều 23 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Điều 39, Điều 41 Điều lệ công ty)

1. Phối hợp hoạt động giữa BKS và HĐQT: BKS có vai trò giám sát, phối hợp, tư vấn và thông tin đầy đủ, kịp thời, chính xác. Cụ thể như sau:
 - a. Thường xuyên thông báo với HĐQT về kết quả hoạt động, tham khảo ý kiến của HĐQT trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông;
 - b. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu thành viên HĐQT (cùng lúc yêu cầu cả Tổng Giám đốc, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - c. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho HĐQT để có thêm cơ sở giúp HĐQT trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với HĐQT, Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - d. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của các thành viên HĐQT, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với HĐQT trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - e. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
 - f. Đối với các kiến nghị liên quan đến tình hình hoạt động và tài chính của Công ty thì BKS phải gửi văn bản cùng tài liệu liên quan trước ít nhất mười lăm (15) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi;

- g. Các nội dung kiến nghị đến HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc và HĐQT sẽ phản hồi trong vòng bảy (07) ngày làm việc.
- 2. Phối hợp hoạt động giữa BKS và Tổng Giám đốc: BKS có chức năng kiểm tra và giám sát.
 - a. Trong các cuộc họp của Ban kiểm soát, Ban kiểm soát có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc (cùng lúc yêu cầu cả thành viên HĐQT, thành viên kiểm toán nội bộ (nếu có) và kiểm toán viên độc lập) tham dự và trả lời các vấn đề mà các Kiểm soát viên quan tâm;
 - b. Các cuộc kiểm tra định kỳ, đột xuất của BKS phải có kết luận bằng văn bản (không trễ hơn mười lăm (15) ngày làm việc kể từ ngày kết thúc) gửi cho Tổng Giám đốc để có thêm cơ sở giúp Tổng Giám đốc trong công tác quản lý Công ty. Tùy theo mức độ và kết quả của cuộc kiểm tra trên, BKS cần phải bàn bạc thống nhất với Tổng Giám đốc trước khi báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông. Trường hợp không thống nhất quan điểm thì được ủy quyền bảo lưu ý kiến ghi vào biên bản và Trưởng BKS có trách nhiệm báo cáo với Đại hội đồng cổ đông gần nhất;
 - c. Trường hợp Ban kiểm soát phát hiện những hành vi vi phạm pháp luật hoặc vi phạm Điều lệ công ty của Tổng Giám đốc, Ban kiểm soát thông báo bằng văn bản với Tổng Giám đốc trong vòng bốn mươi tám (48) giờ, yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả;
 - d. Kiểm soát viên có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc tạo điều kiện tiếp cận hồ sơ, tài liệu liên quan đến hoạt động kinh doanh của Công ty tại Trụ sở chính hoặc nơi lưu trữ hồ sơ;
 - e. Đối với thông tin, tài liệu về quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh và báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính, văn bản yêu cầu cung cấp của BKS phải được gửi đến Công ty trước ít nhất bốn mươi tám (48) giờ làm việc so với thời gian dự định nhận được phản hồi. BKS không được sử dụng các thông tin chưa được phép công bố của công ty hoặc tiết lộ cho người khác để thực hiện các giao dịch có liên quan.
 - f. Các nội dung kiến nghị về các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh công ty của BKS phải được gửi đến Tổng Giám đốc trước ít nhất bảy [07] ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.
- 3. Phối hợp hoạt động giữa Tổng Giám đốc và HĐQT: Tổng Giám đốc là người thay mặt điều hành hoạt động của Công ty, đảm bảo Công ty hoạt động liên tục và hiệu quả.
 - a. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và HĐQT về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu
 - b. Khi có đề xuất các biện pháp nhằm nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty, Tổng Giám đốc gửi cho HĐQT sớm nhất có thể nhưng không ít hơn bảy (07) ngày trước ngày nội dung đó cần được quyết định;
 - c. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm

tài chính phải được trình để HĐQT thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty;

- d. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến việc tuyển dụng, cho người lao động thôi việc, lương, bảo hiểm xã hội, phúc lợi, khen thưởng và kỷ luật đối với người lao động và cán bộ quản lý;
- e. Tổng Giám đốc phải lập kế hoạch để HĐQT thông qua các vấn đề liên quan đến quan hệ của Công ty với các tổ chức công đoàn theo các chuẩn mực, thông lệ và chính sách quản lý tốt nhất, những thông lệ và chính sách quy định tại Điều lệ công ty, các quy chế của Công ty và quy định pháp luật hiện hành;
- f. Tổng Giám đốc có nghĩa vụ thông báo cho HĐQT các giao dịch giữa công ty, công ty con, công ty do công ty cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre nắm quyền kiểm soát với chính thành viên đó hoặc với những người có liên quan tới thành viên đó theo quy định của pháp luật;
- g. Các nội dung khác cần xin ý kiến theo quy định tại Khoản 2 Điều 60 Quy chế này HĐQT phải được gửi trước ít nhất là bảy (07) ngày làm việc so với ngày dự định nhận được phản hồi.HĐQT.

XXX. CHƯƠNG 8 – QUY ĐỊNH VỀ ĐÁNH GIÁ HÀNG NĂM ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG KHEN THƯỞNG VÀ KỶ LUẬT ĐỐI VỚI THÀNH VIÊN HĐQT, KIỂM SOÁT VIÊN, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ CÁC NGƯỜI ĐIỀU HÀNH DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 65. Quy định về việc đánh giá hoạt động của Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc và người điều hành khác

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động cho tất cả các đối tượng là thành viên HĐQT, GD và người điều hành khác.
2. Các tiêu chuẩn đánh giá hoạt động phải hài hòa giữa lợi ích của người điều hành doanh nghiệp với lợi ích lâu dài của Công ty và cổ đông. Các chỉ số tài chính và phi tài chính được sử dụng trong đánh giá được HĐQT cân nhắc thận trọng và quyết định tại từng thời điểm. Trong đó, các chỉ tiêu phi tài chính có thể được đề cập như: quyền lợi của các bên liên quan, hiệu quả hoạt động, những tiến bộ và cải tiến đạt được, v.v....
3. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ được phân công và các tiêu chuẩn đánh giá đã được thiết lập/các kết quả đạt được, HĐQT tổ chức thực hiện đánh giá hoạt động thành viên HĐQT.
4. Việc đánh giá hoạt động của các Kiểm soát viên được tổ chức thực hiện theo phương thức được đề cập tại cơ cấu tổ chức và hoạt động của BKS.
5. Việc đánh giá hoạt động của người điều hành khác thực hiện theo các quy định nội bộ hoặc có thể dựa vào bản tự đánh giá hoạt động của những người điều hành này.

Điều 66. Khen thưởng

1. HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng có trách nhiệm xây dựng hệ thống khen thưởng. Việc khen thưởng được thực hiện dựa trên kết quả đánh giá hoạt động tại Điều 65 của Quy chế này.
2. Đối tượng: các cá nhân theo chế độ khen thưởng do HĐQT quy định.
3. Các hình thức khen thưởng: bằng tiền, bằng cổ phiếu (phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho người lao động trong công ty) hoặc các hình thức khác do HĐQT hoặc Tiểu ban Lương thưởng xây dựng. Các hình thức khen thưởng sẽ do HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.
4. Chế độ khen thưởng đối với đối tượng là thành viên HĐQT, kiểm soát viên sẽ do Đại hội đồng cổ đông quyết định..
5. Đối với đối tượng là người điều hành doanh nghiệp khác: nguồn kinh phí thưởng được trích từ Quỹ khen thưởng phúc lợi của Công ty và nguồn hợp pháp khác. Mức khen thưởng được căn cứ vào kết quả kinh doanh thực tế hàng năm, Tổng Giám đốc sẽ đề xuất HĐQT phê chuẩn, trường hợp vượt thẩm quyền sẽ trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Điều 67. Kỷ luật

1. HĐQT có trách nhiệm xây dựng hệ thống kỷ luật dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc kỷ luật phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
2. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu với sự trung thực, siêng năng, cẩn trọng sẽ phải chịu trách nhiệm cá nhân về những thiệt hại do mình gây ra.
3. Thành viên HĐQT, Kiểm soát viên, người điều hành doanh nghiệp khác khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tùy theo mức độ vi phạm mà bị xử lý kỷ luật, vi phạm hành chính hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Trường hợp gây thiệt hại đến lợi ích của Công ty, cổ đông hoặc người khác sẽ phải bồi thường theo quy định của pháp luật.

XXXI.CHƯƠNG 9. LỰA CHỌN, BỔ NHIỆM, MIỄN NHIỆM NGƯỜI PHỤ TRÁCH QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 68. Tiêu chuẩn của Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP, Khoản 2 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau:

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và quyết định của HĐQT.

Điều 69. Việc bổ nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Khoản 1, Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. HĐQT chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do HĐQT quyết định, tối đa là năm (05) năm. Người phụ trách quản trị công ty có thể kiêm nhiệm làm Thư ký công ty theo quy định tại khoản 5 Điều 152 Luật doanh nghiệp.
2. HĐQT có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

Điều 70. Quyền và Nghĩa vụ của Người phụ trách quản trị Công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 18 Nghị định số 71/2017/NĐ-CP; Khoản 4 Điều 32 Điều lệ công ty)

Người phụ trách quản trị công ty có quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn HĐQT trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp HĐQT, Ban kiểm soát và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của HĐQT hoặc Ban kiểm soát;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của HĐQT phù hợp với luật pháp;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp HĐQT và các thông tin khác cho thành viên HĐQT và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo HĐQT về hoạt động công bố thông tin của công ty;
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

Điều 71. Các trường hợp miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

(Căn cứ quy định tại Khoản 3 Điều 32 Điều lệ công ty)

1. HĐQT có thể bãi nhiệm/miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động.
2. Người phụ trách quản trị công ty có thể bị bãi nhiệm theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

Điều 72. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan hữu quan, trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website của Công ty theo trình tự và quy định của luật hiện hành.

CHƯƠNG 10 - SỬA ĐỔI QUY ĐỊNH VỀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

Điều 73. Bổ sung và sửa đổi Quy định về quản trị Công ty

1. Việc bổ sung hoặc sửa đổi Quy định này phải được Đại hội đồng cổ đông Công ty xem xét và quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của công ty chưa được đề cập trong bản quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong quy chế này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của công ty.

CHƯƠNG 11 - NGÀY HIỆU LỰC

Điều 74. Ngày hiệu lực

1. Quy chế này gồm 11 chương 74 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Vật liệu Xây dựng Bến Tre nhất trí thông qua ngày 15 tháng 06 năm 2018 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy định này.
2. Quy định tại Khoản 4 Điều 27 Quy chế này có hiệu lực sau ngày 01/08/2019.
3. Quy chế này là duy nhất và chính thức của công ty.
4. Các bản sao hoặc trích lục Quy chế về quản trị công ty phải có chữ ký của Chủ tịch HĐQT.

T/M HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CHỦ TỊCH



MAI THỊ THANH THỦY